

HAI
Thiên
Liêng

GIẤY
BÌ
RỘ

CHIẾC
QO
cười
màu
HỒNG



 **Dân-Ta**

**ĐÃ
PHÁT-HÀNH**
NĂM 1957

Các bạn : Học-sinh, Quân nhân, Công,
Tư chức hãy đón mua một tài-liệu
học tập cần-thiết :

HIẾU HỌC

TỰ LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP

Xuất bản hằng tuần, giá 6\$00

Gồm có các đặc điểm sau đây :

— Hướng dẫn Học-sinh về sáu môn căn bản :
VIỆT-ANH PHÁP-TOÁN-LÝ-HÓA chuẩn bị kỳ thi
Trung Học Đệ Nhất Cấp sắp đến (28-5-59) theo
đúng chương trình của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

— Hướng dẫn quý bạn Công, Tư chức, Quân
nhân, những bạn vì sinh kế, vì nghề-nghiệp bất
buộc không thể đến nhà trường được, dùng tập
sách HIẾU HỌC này để tự học và tự luyện thi.

— Sách do MỘT NHÓM GIÁO-SƯ biên soạn
và do NHÀ XUẤT BẢN SỐNG MỚI 30, đường
Phạm-ngũ-Lão Saigon ấn-hành.

PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 227 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

BỘ MỚI SỐ 11 ★ 15-5-1959

	Số trang
1.— Vì đâu Văn-học của ta chậm tiến ?	Nguyễn-Vỹ 7 — 10
2.— Hà-Tiên thắng cảnh.	Ngọc-Tĩnh 11 — 17
3.— Con Nai vàng	Huỳnh-Bội-Hoàng 18 — 21
4.— Chung cục (chuyện ngắn ngoại-quốc).	Nguyễn-hiến-Lê 22 — 26
5.— Làn sóng điện.	Kỹ sư Lưu-văn-A 27 — 31
6.— Dậy niềm đau	Thanh-Nhung 32
7.— Cuộc du-lịch hào-hung của Xuân và Mai.	Phong-Cầm 33 — 39
8.— Ngày lịch-sử.	Nguyễn-Triệu 40 — 45
9.— Ông Nghè Triều Lê	Trần-tướng-Niệm 46 — 47
10.— Một đời người.	Thiếu-Sơn 48 — 50
11.— Mừng ngày Đản-sinh Phật-Tò,	Hùng-Phong 51 — 52
12.— Nước Nhật cũng có một ông Nguyễn-Trường-Tộ	Tế-Xuyên 53 — 57
13.— Tây-Tạng với Trung-Hoa	Việt-Thần 58 — 65

14.— Lưu-Trọng-Lưu (Thi-sĩ Văn-sĩ tiền chiến)	Nguyễn-Vỹ	66 — 71
15.— Thơ oul.	Tĩnh-Tiến và Vô-Ý	72 — 73
16.— Cái-lương	Nguyễn-ang-Ca	74 — 76
17.— Tôi làm phim.	Thái-thúc-Diễn	77 — 80
18.— Ông Phan-Khôi đã ra người thiên-cò	Thiếu-Sơn	81 — 83
19.— Trăng.	Lý-diệp-Thu	84
20.— Kiên-Trình.	Cô Văn-Nga	85 — 93
21.— Xá-Giao	Nguyễn-Vỹ	94 — 96
22.— Những người đôi mươi	Nguyễn-Thu-Minh	97 — 101
23.— Phan-Bội-Châu	Cụ Phan-Bội-Châu	102
24.— Giọt thiệu sách báo mới	P.T.	103
25.— Nói chuyện hát bội	Thân-Văn Nguyễn-văn-Quý	104—113
26.— Lạc hướng đêm nay	Nguyễn-phúc-Anh	114
27.— Buồn ơi, chào mi !	Cô Diệu-Huyền	115—119
28.— 4.000 năm ca-dao	Ba-Tèo	120—122
29.— Đáp bạn bốn phương.	P.T.	123—129

✱ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu	Diệu-Huyền
✱ Tranh vẽ	Họa-sĩ Kiên
✱ Bản kèm	Nguyễn-Diêu
✱ Bìa màu	Vạn-Quốc

- Các Báo Sách Việt-Ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong Tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO THONG, printed in Việt-Nam.

Vì đâu

Văn-Học của ta

CHẬM TIẾN ?

II



PHẢI NÓI NGAY RẰNG Dân-tộc Việt-nam là một trong những dân-tộc thông-minh nhất ở Á-Đất, và không thua kém giống dân nào trên Thế-h-ì về phương-diện tư-tưởng.

Một số các Thi-nhân Văn-sĩ của ta không kém gì các nhà Văn nhà Thơ của Tàu và của Ba-tư, Ấn-độ. Một vài tác-phẩm Văn-chương của ta còn thâm-thúy hơn của Nhật-bồn, và vượt qua hẳn văn-chương của Phi-Luật-Tân, Nam-Dương, Thái-Lon, Miến-Điện.

Đọc kỹ các Văn-học-sử của các nước ấy, chúng ta có quyền hãnh-diện, — nhưng không kiêu-căng — nhận thấy rằng văn-minh tinh-thần của giống-dối Việt-Nam rực-rỡ hơn một số lớn các dân-tộc kia, và trình-độ văn-hóa của Dân-ta cao hơn họ nhiều.

N HƯNG nhược-điềm lớn-lao của văn-học Việt-Nam là nó phát-huy chậm-trễ quá, và nó thiếu vài điều-kiện để phát-huy triệt-đề. Một trong các điều-kiện ấy, — và lại là quan-trọng

thứ nhất, — là ngay từ lúc khởi-thủy chúng ta không có một văn-tự riêng.

Vấn-đề người Việt-nam không có một văn tự riêng từ lúc lập-quốc, cứ kể từ đời Hồng-Bàng, ngày nay chúng ta không cần phải biện-luận làm gì nữa, vì nó đã là một sự-khien hiên-nhiên rồi. Nếu các vị Tò-Tiên của ta đã có một văn-tự thì nó phải còn đến nay, ít nhất cũng còn để lại một dấu-tích trên đá, trên đồng, chứ không thể biến mất hẳn đi được.

Và lại, cứ theo dõi các cuộc truyền-chuyển lịch-sử của các giống người ở Á-Đông từ các thời-đại thượng-cổ thì ta đã thấy rằng các giống thiểu-số, như bộ lạc Mường, Thái, Lèo, Miên, Chàm, đều do ở các miền sông Hằng-Hà (Gange), và sông Indus tràn qua Thái-Lan rồi qua bán-đảo Đông-phương, hoặc dời xuống Nam-Dương rồi vượt biên ra Chân-Lạp, cho nên lối văn-tự của các giống dân ấy tuy có khác nhau về hình-thức, nhưng vẫn cùng nhau một cấu-tạo. Cho đến các kiến-trúc của họ vẫn gần như theo một lẽ-lối, cũng như phong tục và tập-quán của họ vẫn dựa chung trên một căn-bản, một khái-niệm. Họ thuộc về văn-minh Cổ-Ấn (Indouisme) mà mỗi bộ-lạc là một chi-phái rải-rác từ các thung-lũng Ấn-độ sang đến ngay cạnh lãnh-thổ của ta thời bấy giờ, phía Tây dựng vào dãy núi Trường-Sơn, phía Nam dựng đến núi Hoành-Sơn.

Còn Dân-tộc Việt-Nam thì thuộc về một ngành văn-minh Tàu, phát-yên từ thung-lũng sông Dương-Tử, tràn lền về phía Nam cho đến Đèo-Ngang, phối-hợp với một thiểu-số thổ-dân ở đây, thành giống dân Giao-chỉ.

Vì vậy, văn-minh của Giao-chỉ, gồm cả tục-quán, kiến-trúc, văn-tự, đều hoàn-toàn hưởng-thụ của Tàu, cũng như Triều-Tiên và Nhật-Bồn vậy.

Do gốc-tích ở Trung-Hoa, cho nên ngay từ khi Hồng-Bàng lập quốc, Dân ta đã không có một văn-tự riêng, mà phải học theo văn-tự của Tàu. Sự thiếu điều-kiện nguyên thủy ấy là một trở ngại lớn-lao và quan-trọng vô-cùng cho sự phát-triển tinh-thần của Dân-tộc Việt-Nam.

ĐẤY, các sĩ-phu Việt-Nam gần suốt hết các triều-đại vua chúa từ nhà Triệu, Trưng, Tiên Lý, Ngô, Đinh... Cho đến Lê, Nguyễn, đều một mực nô-lệ theo Văn-hóa Tàu, chứ không đồng-tâm nhứt trí gây dựng một văn-hóa riêng-biệt cho Dân ta. Về triết-học, luân-lý, văn-chương, nghệ-thuật, nhất-luật tôn Không-Tử, Mạnh-Tử,

Lão-Tử, Lý-thái-Bạch, Tô-đông-Pha v.v. . . làm « Thầy », đề rồi suốt 20 thế-kỷ cả các lớp vua quan đều cúi đầu xuống súp lạy, suy-tôn họ là Thần, là Thánh, là Tiên. Cho đến cả ngày nay, văn-minh nguyên-tử thay đổi gần hết các cấu-tạo nội-dung của nhân-loại, mà riêng ở Nước ta vẫn còn một số người bo-bo bám chặt lấy mấy ông hiên-triết ngoại-lai kia đề « cứu vãn » nhân-dân ta !

Cái óc nô-lệ văn-hóa ấy đã trái-ngược hẳn với các trào-lưu tiến-hóa tư-tưởng và khoa-học của nhân-loại từ mấy thế-kỷ. Nó đề lại cho thế-hệ ta bây giờ những hậu-quả tai-hại không ít cho chí quật-cường của toàn Dân.

Cũng tại vì nô-lệ văn-hóa học-thuật của Tàu, cho nên các triều-đại Vua chúa nắm vận-mạng của cả một quốc-gia từ 19 thế-kỷ trước, cứ một mực đóng kín các cửa ngõ, giam hãm 25 triệu người của một giống dân thông-minh vào bậc nhất trên Hoàn-cầu trong giới-hạn chật hẹp của một văn-minh ngoại-lai, cò-lỗ-sỉ và ngoan-cố, đui-mù !

Như vậy, bảo sao Văn-hóa học-thuật của ta không bị gò-bó cho được ! Bảo sao Tư-tưởng của ta không bị kèm-hãm cho được !

Và ngày nay, nước Việt-Nam Con Rồng Cháu Tiên, bị Thế-giới tiến-bộ liệt vào hàng quốc-gia « nhược-tiểu », thua sút cả Nhựt-bồn và Ấn-độ !

XÉT THEO QUAN-NIỆM PHÊ-BÌNH KHÁCH-QUAN, và đề x^{ất}h^h dựng trên nền-tảng tự-chủ, tự-cường, chúng ta nhận thấy rằng suốt mấy thế-kỷ qua, văn-học Việt-nam không thoát-ly ra được ngoài khuôn-khò Văn-học Tàu, là bởi các Cụ ta xưa đã có sẵn một tự-ty mặc-cảm đối với Văn-Hóa Trung-quốc của các Thời-đại Chu, Hán, Đường. . . Óc tự-ty mặc-cảm ấy trên phương diện Văn-Hóa, có tánh-chất thụ-động, — tánh-chất nô-lệ, — không chứa đựng một ý-chí quật-khởi mãnh-liệt đề xây-dựng một nền Văn-Hóa biệt lập với những yếu-tố quốc-gia tự-chủ.

Tiếc thay, các Cụ đã biết đặt riêng ra Chữ Nôm dùng làm lợi-khi phổ-diễn tư-tưởng, đó đã là một ưu-điểm làm vinh-dự cho những cố gắng của các Cụ ta xưa, nhưng chính tư-tưởng vẫn không thoát ra được các khuôn sáo của Tàu đã rập vào sâu đậm trong trí-thức của mọi người. Trừ ra một thiểu-số Thi-nhân văn-sĩ với các văn thơ hoàn-toàn Việt-nam, như Hồ-xuân-Hương chẳng hạn, còn thì hầu hết đều dựa theo Tàu, lấy văn-học Tàu và tư-tưởng Tàu làm khuôn-mẫu, làm

chuẩn-đích. Một Thi-sĩ tài ba lỗi-lạc như Nguyễn-Du với một truyện Kiều, vẫn phải bố-cục nền tảng sản-phẩm của ông với những nguyên-liệu Tàu, theo quan-điểm Tàu, dùng những bài-trí Tàu, và các công-thức Tàu về nghệ-thuật.

Lấy Văn-học-sử của ta mà so-sánh với của Nhật-bồn, Triều-Tiên là hai nước đồng-hóa với Trung-quốc cũng như Việt-nam, chúng ta tự thẹn mà nhận thấy rằng văn-chương Nhật và Triều-Tiên từ mấy thời-đại vẫn biệt-lập, không dựa vào của Tàu quá khấn-khít như ta. Nhờ vậy mà Nhật-bồn có những tác-phẩm văn-ngệ nổi bật lên nền trời Đông-Á, ngay từ Thế kỷ XVI, XVII. Tôi thấy số phận của các văn-sĩ Việt-nam từ giữa Thế-kỷ XX, ảnh-hưởng văn-hóa Pháp, rồi viết sách bằng Pháp-ngữ, dù có hay cho mấy chăng nữa cũng không bao giờ tạo ra được một tác-phong gì đáng kể trong Văn-học-sử Việt, hay Pháp. Tôi càng thấy rằng các Văn-sĩ Thi-sĩ Việt của các Thế-kỷ trước, chịu ảnh-hưởng văn-hóa Tàu, và viết sách bằng Hán-tự, cũng không gây được một ảnh-hưởng đáng kể trong Văn-học-sử ta, hoặc Tàu. Có thể nói rằng tác-phong văn-hóa của họ là một con số không.

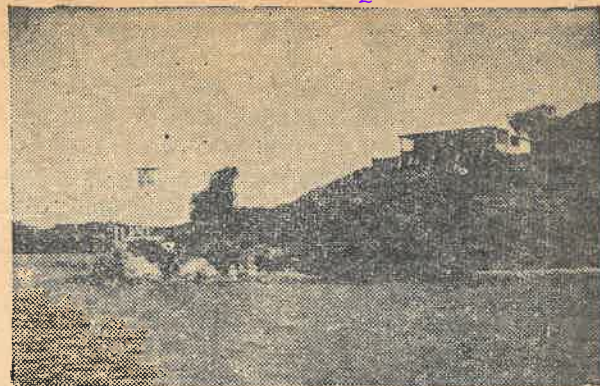
VẬY, CHÚNG TA CÓ THỂ KẾT-LUẬN RẰNG, văn-học Việt-Nam bị ba nhược-điểm lớn-lao : 1°— *Thiếu một Văn-tự riêng*, phải vay mượn Văn-tự Tàu suốt 19 thế-kỷ.

2°— Từ thế-kỷ XIII, nhân-dân ta đã tự đặt Chữ Nôm, nhưng hình-thức chữ Nôm vẫn chứa-đựng tư-tưởng và học-thuật nô-lệ Văn-hóa Tàu. 3°— *Óc tự-tỷ mặc-cảm thụ-động* của các Nho-sĩ ta đối với tư-tưởng Học-thuật Tàu không cố gắng quật-khởi xây-dựng một Văn-hóa riêng biệt tách hẳn khỏi ảnh-hưởng Văn-hóa Tàu, như các Văn-sĩ Nhật-bồn chẳng hạn.

Với ba nhược-điểm lớn-lao ấy, làm sao Văn-học Quốc-gia Việt-Nam không bị sút kém cho được ?

Làm sao Văn-chương Việt-nam dồi-dào phong-phú cho được ? Đối với Văn-hóa Tàu chúng ta còn sút kém, hướng chỉ đối với Văn-hóa đã có đà tiến triển quá mạnh của các nước khác trên Thế-giới ?

Kỳ sau : III.— *Rất kinh-nghiệm để lo bồi-đắp khuyết-điểm Văn-hóa.*



Đền Mũi Thử

HÀ-TIÊN

Thắng - cảnh

HÒN TRỆM



Đi Hòn-Trạm vừa đi vừa về phải mất 4 giờ đồng hồ. Hòn-Trạm cách Hà-Tiên 30 cây số. Điều bất tiện là buổi sáng đi Hòn-Trạm không có xe hơi, chúng tôi phải thuê một cái xe lôi gắn máy ngồi được 6 người giá 500\$. Bắt đầu đi từ Hà-Tiên hồi 7 giờ sáng, 8 giờ rưỡi thì đến nơi. Đến nơi đây, không phải là đã đến ngay cửa của chùa Hang Hòn-Trạm. Xe đỗ lại ở chỗ có vài ba cái quán giải khát. Chủ xe, gởi xe ở đó dẫn chúng tôi đi bộ trên cát ngoài bãi biển để vào chùa Hang. Khoảng đường này dài độ 3 cây số. Lúc bảy giờ mặt trời mọc đã

cao nhưng vì đi trên cát êm dịu và có gió, biển, chúng tôi không thấy một mệt nhọc lắm. Hơn nữa, phong-cảnh thiên-nhiên của trời xanh, nước biếc, của những hòn núi mọc chênh vênh trên mặt nước làm cho chúng tôi thích thú vô cùng.

Chùa Hang là một cái hang núi đá. Trong hang có 2 tượng Phật to, cao gần 3 thước, ngang cỡ 2 thước. Hang này có lẽ trước kia cũng là một hòn núi ở mặt biển, nhưng sau vì cát bồi nên bây giờ ở trên đất liền, chúng tôi

thấy những vỏ nghêu, vỏ sò còn dính lại ở trên đá chỗ gần sát với mặt đất. Không-khí dịu mát của hang đá, những tượng Phật hùng-vĩ, trang-nghiêm, những ánh lửa

* NGỌC-TÌNH *

chập-chòn của các ngọn nển, những đốm lửa li-ti của các cây nhang càng làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm của ngôi chùa trong hang đá thiên-nhiên. Cái đầu trọc lóc nhẵn thín, vẻ mặt lãnh-đạm của Sư Cụ; cánh tay trái của Người đưa lên trước ngực; tay phải của Người cầm dùi gõ mõ; miệng Người mấp mấp tựa tụng kinh, khiến chúng tôi cảm-xúc bởi một thiêng-liêng, huyền-bí, đều quý xuống lễ Phật. Tâm hồn chúng tôi phơi phới, lâng lâng như đã thoát trần trong giây lát !...

Đi ra cửa hang phía sau, chúng tôi đến một cảnh Bồng-Lai khác. Một cái nhà nghỉ mát hình vuông, nền bằng đá trắng xi-măng xây cất gần ngay bờ biển. Chúng tôi có thể đặt tên cho nhà mát đó là Quán Nghênh-Phong. Ngồi nghỉ chân hưởng luồng gió mát từ ngoài biển thổi vào, chúng tôi mê say ngắm phong-cảnh thiên-nhiên khéo-léo, oai hùng và thơ-mộng của Tạo-Hóa chưng bày ra trước mắt. Thật là một bức tranh sơn thủy hữu tình. Một vài hòn núi nhỏ mọc chênh vênh trên mặt nước như những hòn non bộ. Dưới vòm trời xanh, trên vùng nước biếc nổi bật lên một vài cánh buồm trắng của mấy chiếc thuyền câu. Gió có khi nhẹ nhàng thổi, có khi thổi một luồng rất mạnh phồ nhac vào những lá của hàng dừa mọc ở ven bờ biển.

Theo nhận xét của chúng tôi bờ biển Hòn-Trẹm gần chùa Hang dùng làm bãi tắm tốt hơn bãi tắm Mũi-Nai, vì bãi ở đây có nhiều cát trắng và phong-cảnh thơ-mộng hơn Mũi-Nai. Nhưng vì Hòn-Trẹm cách Quận-Lỵ Hà-Tiên hơi xa, nên ít người lại đây tắm.

MŨI-THỦ

Mũi-Thủ, Pháo-Đài, Bung-ga-lô (Bungalovv) là 3 danh hiệu của mũi đất ở phía Nam Hà-Tiên từ trong đất liền mọc nhô ra ngoài cửa vịnh Hà-Tiên. Mũi đất này có 3 danh hiệu vì người ta đã dùng nó vào 3 công-tác.

Đời Mạc-Cửu dùng địa điểm này làm một đồn tiền-tuyến cho thế « Thủ » để ngăn cản chiến thuyền của địch vào xâm lăng Hà-Tiên. Ngọn núi này mang tên « Mũi-Thủ » vì lý do đó.

Đã là nơi dùng làm chỗ chống ngoại-xâm lẽ tự nhiên phải xây pháo-đài. Danh-hiệu « Pháo-Đài » vì thế mà có. Chỗ này trước kia có ba khẩu súng đồng. Ở miệng 3 khẩu súng này còn ngậm 3 viên đạn. Di-tích lịch-sử này nên để lại làm kỷ-niệm cho hậu-thế chiêm-ngưỡng không còn nữa, vì đời Pháp-thuộc đã bán rẻ 3 khẩu súng này cho « Chệt ve chai » !...

Ăn ngon, ở mát. Đó là hai điều-kiện tối-cần cho Thực-dân

Pháp trong khi chúng ngự-trị đất nước Việt-Nam. Mũi đất này là một địa-diểm vô song để hưởng luồng gió mát từ ngoài biển xa rộng thổi vào trong đất liền.

Đứng ở trên núi này trông về phía Nam mặt biển rộng mênh-mông có những hòn đảo mọc lơ-lơ trên mặt nước. Trông về phía Đông thấy ngọn núi Tô-Châu vẽ một nét xanh tươi lên nền trời trong sáng. Trông về phía Tây thấy những nét xanh cong cong của mấy ngọn núi. Bức tranh thiên-nhiên hùng vĩ toàn một màu xanh êm - dịu đó làm thỏa-mãn cái thâm - mỹ của thị - giác. Bên tai gió thổi vi-vu, dưới núi sóng vỗ rì rầm, khúc nhạc thiên-nhiên ca ngợi cái thú - vị của phong - cảnh Hà-Tiên. Ngọn núi này có đầy đủ điều - kiện cần - thiết để Thực - dân Pháp dùng làm nơi xây cất khách-sạn để khách du-lịch ở những nơi thành-thị đông đúc, ồn-ào lại đây hưởng cái êm-dịu và trong-sạch của nước biển, non xanh ...

Danh-hiệu Bung-ga-lô (Bungalovv) vì thế mà có.

Mũi đất này là một cái núi nhỏ cao độ 15 thước. Trên ngọn núi mặt bằng phẳng như đất liền. Hiện thời là một căn-cứ quân-sự. Các binh-sĩ đồn-trú ở trong 3 căn nhà, di-tích của cái khách-sạn đời Pháp thuộc.

Chung-quanh sườn núi, cây cỏ mọc âm-u, tươi tốt.

Từ chợ Hà-Tiên đi lại độ hơn 1 cây số. Rẽ vào con đường bên tay trái ngay dưới chân núi, chúng tôi thấy ở bên vệ đường có 3, 4 cây thông. Lui vào trong, gần mấy cây thông, rải rác đây đó những ngôi mộ nằm lẫn lộn ở trong cỏ. Theo con đường này đi ra ngoài Mũi-Thủ, ngay trên bờ biển có cây đèn bằng sắt sơn trắng cao độ 8 thước. Dưới chân cột đèn có 2 bậc thang thấp bằng xi-măng xây cong-cong như 2 cái dấu ngoặc. Cái đèn này đốt bằng dầu lửa từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng để báo cho các thuyền tàu biết đây là cửa vào Hà-Tiên.

Ngay dưới cây đèn có một ghế bằng xi-măng mời khách ngồi nghỉ hưởng luồng gió mát ở ngoài khơi thổi vào. Tóc ta lộng bay theo chiều gió; mắt ta ngắm cảnh bát-ngát, bao-la của trời cao bề rộng; tai ta nghe tiếng sóng vỗ rì rầm. Đó là những phút thần-tiên khi ta ngồi chơi ở Mũi-Thủ ...

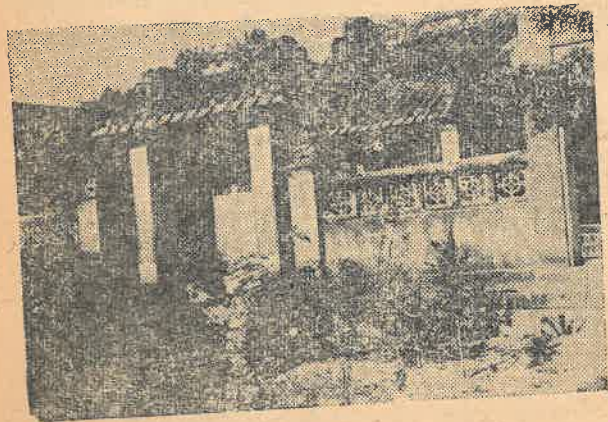
Về con đường đi từ chợ Hà-Tiên đến Mũi-Thủ, ta cũng nên biết một mẩu chuyện có liên-quan đến lịch-sử cận-đại của nước nhà.

Khoảng ba mươi năm trước, con đường này gồ ghề những đá và nhỏ hẹp. Thực - dân Pháp đem chừng 100 tù chánh-trị lại Hà-Tiên để xây đắp, bồi-bổ con đường này cho bằng phẳng, to rộng để xe hơi đi lại được. Hồi ấy có một tên Cai trông coi tù chánh - trị (một số tù nhân là

những cựu nhân-viên có chức phận như Phủ, Huyện, Tham-Biện, Thông, Phán v.v...) làm con đường này. Dưa vào oai quyền của Pháp, y đã đối đãi với tù làm đường một cách quá ác-nghiệt. Được chứng-kiến cảnh nổi da xáo thịt này, dân Hà-Tiên hỏi đó ai nấy đều đau đớn, căm hờn.

Chúng ta đi trên con đường này nên nhớ nó đã xây đắp bằng mồ-hôi, nước mắt của các tù nhân chánh-trị-phạm đã bị giam-cầm và đầy đọa trong thời Pháp-thuộc chỉ vì họ đã có một lý-tưởng cao-siêu mong muốn cho nước Việt-Nam được độc-lập, tự-do, hạnh-phúc, hòa-bình.

Đền thờ họ Mạc ở về phía Tây Bắc Quận Hà-Tiên. Đền này xây cất ngay dưới chân núi Bình-Sơn (lại có tên gọi là núi Lăng vì các lăng mộ dòng dõi họ Mạc đều xây ở trên núi này).



Đền thờ và lăng họ Mạc

Dưới đây là bài thơ vịnh núi Bình-Sơn của Mạc-Thiên-Tích.

Một bước càng thêm một thú

quý,

Đá, cây, hoa, cỏ, vẻ hơn thêu:

Mây tóng, khói liễu chồng rồi

chập,

Suối đá, cá chìm, thấp lại cao.

Lực - Ngọc, Châu-Ông chẳng

phải chỗi,

Ngọc-Sương, Ma-kiết đã thua

hiều.

Đến đây mới biết làm-tuyền

quý,

Chẳng phải Sào-Do sánh Đế-

Ngư.

Một cái tường bằng đá bao chung quanh đền. Mặt tường đằng trước có 3 cửa ra vào. Phía trên cửa giữa có hình bằng sành 2 con rồng uốn khúc trông vào một mặt trăng. Ở dưới 2 con rồng có 3 chữ «Mạc-Công-Miếu». Trên đầu 2 cái cột 2 bên cửa có 2 con lân cũng bằng

sành. Hai cái cột ở cửa giữa này và 4 cái cột ở 2 cái cửa hông đều có viết các câu đối đại-ý hoặc tán-dương công-đức họ Mạc, hoặc tả cảnh oai-nghiêm tôn-kinh của đền.

Ngay trước cửa đền có 2 cây đa to mọc trên bờ cái ao sen hình tròn. Ao này có từ đời Mạc-Cửu. Những đá xây chung quanh ao đã cũ, rêu phong và long lở. Những ngọn cây cao mọc chung quanh soi bóng trên mặt nước ao sen gió thổi hiu hiu làm cho sóng gợn lăn tăn. Cảnh này làm cho tôi nhớ đến 2 câu thơ của Bà Huyện Thanh-Quan:

Đá vẫn trơ gan cùng tuế-

nguyệt,

Nước còn chau mặt với tang

thương...

Đây đó những lá sen xanh trông như các đĩa ngọc-thạch. Ở trên vài cái lá sen có đọng những giọt nước trong trắng như hạt kim-cương.

Cái ao sen này và 2 cái ao nữa cũng có sen mọc ở gần kề cận đó không những chỉ là một phong-cảnh cổ-kinh, thơ-mộng, trang-diễm cho đền thờ họ Mạc. Ba cái ao này lại có một công-dụng hữu-ích cần-thiết để tiếp-tế nước ngọt cho Quận Hà-Tiên. Giả tỷ 3 cái ao đó nước cạn khô là cả một vấn-đề quan-trọng cho đời sống nhân-dân.

Vào năm 1956, ông Tỉnh-Trưởng Hà-Tiên cho vét hết nước ở ao để lấy bùn lên cho sạch. Dưới đáy ao có 2 con ba-ba, mỗi con to bằng cái nia, ông cho đem thả 2 con ba-ba ấy vào ao sen trước cửa chùa Tam-Bảo. Từ khi 2 con ba-ba này không ở dưới ao trước cửa đền, ao này

luôn luôn khô cạn. Nếu có mưa thì chỉ mưa ở bên kia núi Tô-Châu, còn ở bên này tỉnh Hà-Tiên tuyệt-nhiên không có một giọt nước mưa. Dân ở bên tỉnh phải qua bên kia sông mua nước về dùng. Lễ tự-nhiên giá tiền mua nước lúc đó vọt lên cao một cách bất ngờ (30 đồng một gánh nước mưa). Tình-trạng nguy-ngập này làm cho nhân-dân xao-xuyến và ông Tỉnh-Trưởng lo-âu. Ông lại đền thờ họ Mạc cầu khẩn cho trời mưa. Khi ông sửa-soạn làm lễ có một thằng nhỏ ở ngoài chạy vào đền nói với ông rằng: « Nếu ông muốn cho ao lại có nước như trước, ông phải đem thả 2 con ba-ba xuống ao ». Nó nói thế rồi chạy ra ngoài đền.

Ông Tỉnh-Trưởng cho đem 2 con ba-ba thả trả lại ao sen hồi 11 giờ trưa, hai giờ sau một trận mưa to đổ xuống, ao sen lại có nước đầy !



Bước qua cửa có một cái sân xi-măng rộng độ 7, 8 tấc, dài độ 6, 7 thước. Hai bên sân là vườn, ở gần lối đi tráng xi-măng có 2 con lân cũ bọc-men. Cái sân xi-măng này là lối đi vào một cái Tam-Quan 4 mái. Trên sà Tam-Quan treo 2 bức hoành, 1 bức đề « Lạc-Thiện Hội-Quán », 1 bức đề : « Trung-Nghĩa Từ ». Ở giữa Tam-Quan kê 2 cái bàn và 4 cái ghế dài. Trên các cột gạch có những bài thơ vịnh các thắng

cảnh Hà-Tiên, Trên các cột gỗ treo những câu đối bằng gỗ sơn son chữ vàng.

Ở ngoài sân đất sát vách tường bên phải là nhà bếp, sát vách tường bên trái là nhà ở của ông Từ coi đền.

Đi qua cái tam-quan có một cái sân xi-măng nửa rộng độ 6, 7 tấc, dài độ 5, 6 thước đi vào chính điện thờ họ Mạc. Cái cổng giữa ngay cái sân xi-măng lúc nào cũng cửa đóng then cài. Chúng tôi vào bằng cái cửa vách ở bên phải. Trên cửa này có 3 chữ: « Thăng tư kính » (đi lên nghĩ tới sự kính trọng).

Vào trong chúng tôi thấy đối diện với cái cửa giữa là cái sân lát gạch, đây đó bày những cây cảnh hoặc trồng trong bồn để ở dưới sân, hoặc bồn hoa để trên mấy cái đôn.

Trước chính điện có một cái cổng Ngọ-Môn. Trên nóc cổng xây một cái bát-quái. Tấm gỗ ngang ngay dưới mái ngói chạm lưỡng long châu nguyệt nền đỏ rồng vàng. Những cột gạch nung đỡ mái Ngọ-môn đều có câu đối hoặc viết ngay vào tường, hoặc khắc vào gỗ treo trên tường. Bên trong treo một bức hoành có bốn chữ « Oai trấn Nam Bang ».

Ngay trong cái cửa « Thăng tư kính » là cái hành lang có một cái giá bằng gỗ treo một cái chuông đồng. Kế đó là chỗ để các bài-vị thờ các thân-tộc và

công-chức của đời họ Mạc. Chúng tôi lại thấy một tấm bia đá xây ở trong vách tường. Bia đá này ghi tên các người đã cúng tiền để sửa chữa đền này vào đời vua Thành-Thái.

Đi qua hành lang này vào tới chính điện. Điện chia làm 3 chỗ thờ. Bên phải thờ các quan văn võ hội đồng. Ngay giữa điện ở sau 2 bàn thờ có 3 bài-vị để trên 3 cái ngai sơn son thếp vàng. Ngai giữa thờ Mạc-Cửu, ngai bên phải thờ Mạc-Thiên-Tích, ngai bên trái thờ Mạc-Tử-Hoàng. Ngay trước 3 cái ngai ấy có một hộp gỗ dài sơn đỏ, trong hộp đó để 3 lá sắc của triều - đình phong chức cho 3 ông. Điện bên trái là chỗ thờ các bà vợ của 3 ông.

Ở điện chính ra chúng tôi đi qua một cái hành-lang nữa. Hành lang này cũng là chỗ thờ các thân-tộc và công-chức của họ Mạc. Gần tới cửa có một cái giá gỗ treo một cái trống. Trên cửa này có 3 chữ: « Giáng tất cung » (phải cung kính mà xuống).

Khi ra về, ông Từ mời chúng tôi ngồi chơi ở cái Tam-Quan 4 mái, nói cho chúng tôi nghe một chuyện sau đây:

Hôm mồng một Tết đầu năm nay có 2 vợ chồng khách thập phương nọ ở tận Đà-Nẵng lại thăm viếng cảnh đền. Lúc ra về lật đặt đề quên ở đền một cái va-ly. Ông Từ lấy cất đi, ông mở ra xem thấy trong va-ly đựng toàn bạc giấy 100 và 500đ.

Ông định đem cái va-ly tiền đó báo-cáo cho làng hay, nhưng mồng một Tết là ngày các công sở nghỉ làm việc và vì phần ông mắc lo tiếp khách lại đèn lễ đông đảo, ông không có giờ phút nào rảnh rang đem cái va-ly bạc kia lại trình với nhà chức-trách. Ông phải để tạm cái va-ly ấy ở trong đền.

Chiều hôm đó Ông Bà nọ lại tìm cái va-ly bạc. Ông Từ đem ra trả. Ông này kiểm-điểm lại thấy số tiền còn nguyên vẹn không mất một tờ. Ông Bà này vui mừng, lấy một số bạc đền

ơn cho ông Từ, nhưng ông Từ không nhận lãnh số tiền. Ông Bà kia nài nỉ cách nào cũng không lay chuyển tấm lòng sắt đá của ông Từ. Một lát sau Ông Bà kia đem lại cúng cho đèn 2 thùng dầu lửa và đèn cầy cùng nhang rất nhiều.

Hồi tháng hai năm nay, ông khách đó lại đến thăm đền và biếu ông Từ một xấp hàng đen. Khi ông khách về, ông Từ mở xấp hàng ra thấy ở trong xấp hàng có 15 tờ giấy 500đ, mấy cuộn chỉ và mấy gói kim.

(Còn nữa)



* DANH TỪ MỚI !

Giờ vật lý học Giáo sư kêu Tèo hỏi :

— Tại sao có gió, trờ Tèo ?

Tèo nhanh-nhau trả lời :

— Thưa thầy, gió do không khí chuyển động sanh ra.

Giáo sư hỏi tiếp :

— Thế tại sao không khí lại chuyển động ?

Tèo :

— Thưa thầy, vì gió thổi, bởi gió có tác phong vận tải ạ.

Giáo sư :

— ? ! ! !

HỒ-CÔNG-ÂN

* HÀ-TIỆN

Con đi học về khoe với cha :

— Cha ơi, hôm nay con đề dành được một đồng rưỡi vì con đi xe ô-tô-buýt không tốn tiền cha ạ.

Cha :

— Tại sao người ta không lấy tiền của con ?

— Vì con không lên xe, con chỉ chạy theo xe thôi cha ạ.

— Thế sao con không chạy theo xe taxi có phải được nhiều tiền hơn không ?

MỘNG-HÀ

CON NAI VÀNG...

★ HUỲNH-BỘI-HOÀNG

(Tiếp theo P.T. số 10)

SỪNG NAI

NHUNG hươu tức là cái gác mới mọc ở đầu con hươu hươu còn non trong còn có huyết. Ta thường gọi là gác nai, hay sừng nai, tên chữ gà lọi «Lộc nhung». Tàu còn có nhiều tên : Huyết lập lộc nhung ; Cửu nữ xuân ; Nộn lộc nhung ; Sơn tử v. v... Tiếng Anh gọi là Young harte hor.

Hươu béo tốt thì cặp nhung tròn-trĩnh mập mạp, đầu chưa chia «yên ngựa» nghĩa là chưa bắt đầu chia làm hai nhánh, thì mũm mĩm tròn đỏ hồng, da bọc ngoài có lông nhung trắng ngà trông rất ưa mắt.

Để quá một gang (0m20) gác đã chia nhánh, huyết đã khô, xương đã cứng, dần dần thu rất nhỏ lại, thấy vằn, đường huyết đen xanh.

Nhung khô cắt ra từng phiến tròn, thì thấy phần ở giữa có sắc

đỏ tía, có lỗ hồng lấm tẩm và xốp, càng xuống gần dễ, sắc càng trắng, ở giữa có đốm vàng.

Nhung tốt xấu tùy theo phong thổ. Nhung ở những tỉnh miền Bắc nước Tàu như Quảng - Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam, Tam-Tĩnh v.v. nổi tiếng có nhung tốt.

Nhung ở Việt-Nam : hươu non thì nhung lớn mà cứng, màu da như nước tương, hơi đen, trên trót nhung, da nhẵn hình thăng. Hươu già thì nhung gầy, màu da đen, tính ôn, vị cay, thịt trắng có lỗm đốm đen ít lông màu vàng

ĐÀN ÔNG BỊ CẮM SỪNG ?

Các bạn có biết danh-từ « bị cắm sừng », « cho mọc sừng » do đâu mà ra không ?

Do nơi tiếng Pháp. Theo các thần-thoại Âu châu, con Quỷ-sứ bị Chúa Trời cho mọc hai cái sừng trên đầu, để phân biệt với các vị Thiên Thần, để ám chỉ rằng Quỷ là thuộc về loài thú, chứ không phải loài người.

Đề khôi hài chơi, người Pháp mới gọi mấy anh chàng có vợ ngoại-tình, là đồ ngu-ngốc như loài thú, và cũng bị mọc sừng như con Quỷ vậy.

Vì thế, đàn-ông nào bị vợ « cho mọc sừng », thường thì bị dư-luận chế nhạo, và bị coi như là một kẻ ngu-ngốc.

lột. Nhung hươu rừng đúng kích thước, đúng độ thì quý lắm, dầu có hơi già cũng còn tốt hơn nhung nuôi.

Nhung nào không có dấu thương tích là tốt nhất, nhưng bị cạp cắn, chẳng những không tốt mà còn có hại.

Hươu nuôi ở nhà gần núi rừng, biết cho ăn, biết chăn nuôi thì cũng tốt. Nhung lúc nào đến độ cắt thì cắt, không già quá, không non quá.

GIÁ TRỊ CỦA NHUNG HƯƠU

Tính chất.— Vị ngọt hơi mặn, khí ấm không độc.

Công hiệu.— Bổ nguyên dương, chữa hư lao, thêm tinh huyết, dùng làm thuốc bổ.

Nhung hươu chữa ác huyết, sốt rét, người gầy còm, chân tay rũ mõi, đau lưng, đau xương, di tinh, đi tiểu ra huyết. Lại chữa nhọt độc ứ huyết, chữa nhọt phát ở trong xương, lại an thai, hạ khí...

Nhung hươu là một vị thuốc bổ quý giá, nhất là nhung hươu ở rừng hoang, còn liên tăng toàn vẹn và đúng kích thước.

Nhung hươu rừng hiếm, nên người ta phải nuôi hươu để lấy nhung. Nhung của hươu nuôi, công hiệu có kém vài phần,

nhưng vẫn giữ được tính chắc quý giá của nó.

Nuôi hươu.— Nuôi hươu là một mồi lợi không nhỏ. Ở Nghệ-An (Đô-Lương, Anh-Sơn) và Hà-Tĩnh (Hương-Sơn, Hương-Khê) có nhiều nhà nuôi hươu.

Thường người ta nuôi độ ba con đực, một con cái thì sự chăn nom không tốn phí gì. Ba con đực, mỗi năm sinh được ba cặp nhung, và một con cái, mỗi năm đẻ được một lứa.

Lấy giống.— Con nào mắt lớn, đầu to, dễ vừa to, vừa thấp, hình dáng mập mạp là giống tốt. Con 24 tháng đã mọc chia vôi để đến kỳ rụng, đợi đến năm thứ 3 mới lấy được nhung, nhưng cũng chưa được tốt, đợi đến năm thứ 4, thứ 5 thì mới thật là giống tốt.

Chuồnng nuôi hươu làm bằng lim, rộng chừng 5 thước, chung quanh có rào nửa hoặc giây thép (giây kẽm). Khi nào thấy hươu đã mọc nhung thì phải lấy nửa rào một khoảng đất rộng chừng một sào đất, rồi thả vào đó để nó được thoải mái, có phong sương. Nên nhớ khi hươu đã có nhung, rất hay phá phách.

Hươu dễ nuôi. Nó ăn cỏ, bả trà, lá tre, lá mít, lá thầu-dầu, quả khế chưa rụng. Nó thích ăn giống khoai lang, và cây bắp còn non.

Lúc nó có nhung, người ta hay cho nó ăn ngọn cây đa, lá cây

núc-nắc, cơm nếp và bắp ngô nấu lên ; nó ít uống nước.

Nó ít đau ốm, sống lâu và dễ nuôi.

Cách lấy nhung.— Ở bên Tàu, lấy nhung vào tháng 4, tháng 5. Bên ta lấy vào tháng 2, tháng 3, quá lắm đến tháng 4 là muộn, để muộn quá không tốt.

Tào - Bình - Chương ở Trung - Hoa nói : « Hươu rất nhát, hay khiếp sợ, khi cắt nhung, bốn, năm người xúm nhau đứng chung quanh chuồng hồ hét làm cho hươu sợ, nhảy lung tung. Nhảy một hồi lâu, để cho khí nóng lên đến cực điểm rồi cho một người sức lực mạnh xắn vào cầm dao cắt ngang nhung. Cắt rồi thì phải lấy giấy thép buộc hai đầu nhung cho chắc chắn ; còn một đầu giấy nữa thì buộc vào cái gậy, cứ cầm cái gậy mà xoay tròn cho mạnh ; hễ mỗi tay thì người khác thay, không được ngừng lại một phút nào. Cứ xoay như thế khá lâu, thì huyết chảy đều, chỗ nào cũng thấu tới được cả, thì không sinh huyết đọng. Huyết đọng hay sinh trùng làm hư cả nhung. »

Bên ta lấy nhung có hơi khác. Lựa bốn người khỏe mạnh, người ôm cổ, người giữ chân, vật ngã hươu xuống, trói chặt bốn chân lấy cái cưa hình cái cung, như cái cưa

hàng thịt bò ; trừ để ba phân tây, rồi cưa từ chỗ ấy, huyết chảy ra ; chỉ nên lấy có chừng rồi hãm lại không cho chảy nữa, vì nếu lấy nhiều quá, hươu sẽ yếu sức, có khi chết. Lấy mực Tàu, mài hòa với than đước cho đều, bôi vào chỗ cưa cho cầm máu ngay, đoạn lấy một miếng vải mỏng sạch, bọc lấy cho ruồi muỗi khỏi đậu vào sinh trùng.

Hươu thường mỗi năm chỉ lấy được một lần. Con nào khỏe lắm mới lấy được hai lần.

Cách sao chế.— Theo người Tàu thì có nhiều cách :

— Chế nhung bắt đầu phải dầm với dấm cho ngập khắp cả cái nhung, rồi lấy lửa đốt, bao giờ hết lông, sẽ sao qua mà dùng thì nhung khỏi cháy.

— Tháng 4, tháng 5 gạc hươu rơi xuống, lấy phơi vào trong rọp (âm-càn) lúc dùng phải sao cho khô.

— Lấy Thiết linh cát tán nhỏ luyện với mỡ dê, rồi thoa vào những miếng nhung đã cắt mỏng đem nướng vào lửa cho vàng, lấy da hươu bọc lại, cắt kín, đến hôm sau đem ra sao, tán nhỏ mà dùng. Mỗi lần chế 5 lạng nhung dùng đến ba lạng mỡ dê.

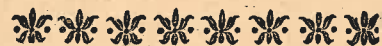
Bên ta, sao tẩm nhung thường có hai cách :

A) — Đem cặp nhung ngâm vào rượu một đêm, hôm sau đem sao với cát cho thật nóng để trừ vi trùng, khi vừa nóng, đem để vào cái thùng giữa để nguội, phủ thật kín, đều chú ý là phải để nhánh trở xuống, chỗ cắt lên trên, kéo huyết do chỗ cắt mà chảy ra hết. Cát dùng để sao và ủ phải thay đổi ; mỗi lần thay cát phải tẩm thêm rượu cho ngấm dần vào trong thì mới để lâu được. Cặp nhung

lúc tươi cân được 800 gờ-ram, thì khi sao tẩm khô rồi chỉ còn 250 gờ-gam thôi.

B) — Chỉ tẩm rượu, bỏ lông, sấy khô, rồi lại tẩm bao giờ thấy khô hẳn gỗ kêu như miếng gỗ mới được. Da nhung còn non, mỏng ; phải sấy cẩn thận, không khéo để da nứt, huyết chảy hết thì không còn giá trị gì.

Trước khi đem dùng, phải lấy miếng sắt nung đỏ lăn xung quanh cho cháy hết lông.



* TRẢ ĐŨA

Chàng nọ vừa về đến nhà thì thấy cha mình đang đánh con mình. Vốn cương con, anh ta lấy làm khó chịu, nhưng không lẽ lại rầy cha mình ư ? Nghĩ vậy, anh bèn xuống bếp với một thanh củi, đứng ngay trước mặt cha rồi tự đập vào người.

Ngạc nhiên người cha hỏi :

— Tao đánh con mày vì nó có lỗi, sao mày ngu lại tự đánh mày ?

Anh ta chậm rãi trả lời :

— Thưa cha, cha đánh con của con, nên con phải đánh lại con của cha, như thế thì huê có điều chi cha phải thắc mắc ?

Vài hôm sau ông bố treo cờ lên sân nhà để tự tử. Anh ta hoảng hốt chạy đến cứu cha và hỏi :

— Con có điều chi làm lỗi mà cha định hủy bỏ cuộc đời như thế ?

Ông Bố cũng trả lời chậm-rãi không kén.

— Hôm trước mày đánh con tao, bây giờ để trả đũa lại tao treo cờ cha mày.

TRẦN-VĂN-THÔNG

CHUNG CỤC

☆ NGUYỄN-HIỂN-LÊ

*John Galsworthy (1867 — 1933)
là một tiểu-thuyết gia nổi danh nhất
một thời ở Anh. Trang những
cuốn The man of Property,
The Country House, The Silver
spoon, Flowering Wilderness...
ông tả ba thể hệ của xã-hội trưởng
già Anh. Ông có tài tả chân
sâu-sắc mà cảm động. Nhiều khi
ông có giọng mỉa-mai chua chát như
bài chúng tôi trích ở dưới đây. Một
tiểu-thuyết gia mà kẻ những bước
đầu của một anh chàng tập tễnh viết
truyện tất phải lý thú lắm, xin bạn
đọc sẽ thấy.*

Vào khoảng năm 1889,
ở Luân-Đôn có một
chàng tên là Harrison,
tinh tinh dễ thương mà hay thay

đổi. Một buổi sáng, tại ga
Charing Cross, một người
đàn bà mà chàng có lòng
mến, khuyên chàng rằng:

— « Ông Harrison ơi, sao
ông lại không viết văn ?
Ông viết là phải lắm ! »

Và chàng thấy rằng mình
viết văn được.

Hai năm sau, chàng viết
được mười một truyện
ngắn, trong đó có hai truyện
chàng không lấy gì làm vừa
ý cho lắm, nhưng tất nhiên
chàng không muốn bỏ, nên
cũng để chung với những
truyện khác mà gửi tới một
nhà xuất-bản. Ít ngày sau,
nhà xuất bản trả lời rằng
nếu chàng chịu cho y một

số tiền bồi thường hoặc hoa
hồng nào đó và chịu hết những
phi tổn về ấn loát thì y sẽ mạo
hiem xuất bản những truyện
ngắn đó cho. Harrison vui-
vẻ nhận những điều kiện đó
liền, nghĩ rằng phải cho công
chúng biết công trình của mình
ngay mới được, không nên
chần chờ, và hồi âm cho nhà
xuất bản. Nhà xuất bản gửi
cho chàng một bản tính tiền
in và một tờ giao kèo, Har-
rison nhận được, gửi một chi-
phiếu cho y. Y trả lời ngay,
giọng rất lễ độ, khuyên chàng
nên chịu ngay một số tiền nữa
để quảng cáo, như vậy có lợi
cho chàng. Cái gì chứ cái đó thì
Harrison hiểu lắm, nên gửi thêm
cho y một chi-phiếu nữa. Giữa

những người tử tế với nhau, ai
lại nói chuyện tiền nong kia chứ !

Đúng hạn, tập truyện ngắn
ra đời, nhan đề là *Trên con
đường của các ngôi sao* của
Cuthbert Harrison, và độ nửa
tháng sau, Harrison bắt đầu
nhận được báo. Chàng đọc những
tờ báo đó mà vui thích lạ lùng,
vì trong đó đầy những lời nịnh
khéo. Hai tờ báo của đảng Dân-
chủ khen là bất hủ ; một tờ so
sánh những truyện đó với những
truyện hay nhất của Poë và De
Maupassant ; còn một tờ thì gọi
tác giả là Ruydard Kipling thứ
nhì. Những tờ đó khích lệ chàng,
chàng rất hăng-hái, nhưng bản-
tính nhũn-nhặn, cho nên chỉ
viết thư cho nhà xuất bản hay
rằng chàng có ý muốn tái bản.
Nhà xuất bản trả lời, gửi một
bản tính tiền in nữa, và nhận
tiền báo tin rằng đã bán được
khoảng bốn trăm cuốn. Harrison
coi lại sổ sách thì thấy lần trước
in tới một ngàn cuốn, nên bảo
hãy đợi ít lâu nữa. Chàng đợi
và đến tháng thứ sáu, chàng lại
viết thư cho nhà xuất bản. Y trả
lời rằng hiện đã bán được 403
cuốn, nhưng vì tên Harrison
chưa được nhiều người biết thì
tái bản là một việc không nên. Và
lại, lúc này người ta cũng không
thích truyện ngắn nữa. Nhưng,
truyện chàng viết đã được nhiều
người hoan nghênh như vậy thì
nên viết một chuyện dài đi, chắc
chắn là còn được hoan nghênh
hơn nữa. Y gửi cho chàng một

ít tiền bán sách và một tập dày
những báo mà chàng đã nhận
được một lần rồi.

Harrison không cho tái bản
nữa, nhận rằng những lời khen
trên báo chỉ là vị tình. Và chàng
bắt đầu viết ngay một truyện
dài.

Trong số bạn bè thân, có một
nhà văn đại tài gửi cho chàng
một bức thư, nói :

« Thực tôi không ngờ anh viết
được như vậy. Tất nhiên là
những truyện đó chưa được hoàn
toàn, nhưng anh còn trẻ, và tôi
chắc chắn rằng anh sẽ thành
công lớn. Hôm nào anh xuống
chơi tôi nhé, và chúng ta sẽ bàn
về công việc hiện anh đang
làm. »

Được thư đó, Harrison vội
vàng lại chơi ngay ông bạn. Hôm
đó là một buổi chiều hè. Nhà
văn đại tài ngồi trước một ly
rượu, vạch những đoạn chưa
được hoàn toàn và bảo :

« Đọc truyện người ta thấy
cảm động nhưng không thâm
thúy, không phải cái cảm động
sâu sắc của tâm-lý. »

Harrison đưa những sổ báo
cho ông bạn đọc. Hôm sau chàng
từ giả nhà văn đại tài, trong lòng
hơi giận. Nhưng vài tuần sau
chàng hết giận và bắt đầu chịu
nghe những lời khuyên của nhà
văn đại tài. Hai tháng sau chàng
viết :

« Anh nói đúng, những truyện
đó chưa được hoàn toàn. Nhưng

tôi tin rằng từ nay tôi không lạc đường nữa ».

Cuối năm sau, sau khi đã đưa cho nhà văn đại tài bình phẩm một, hai lần, chàng viết xong tập thứ nhì, nhan đề là *John Endacott*. Lần này chàng không gọi tập đó là một « công trình » của chàng nữa, mà gọi là một « tác phẩm ».

Chàng gửi tác phẩm đó cho nhà xuất bản và yêu cầu tính tác quyền cho chàng. Nhà xuất bản trả lời hơi trễ hơn mọi lần, nói rằng theo ý kiến của y (mà ý kiến đó không phải là của một nhà chuyên môn) thì cuốn thứ nhất hứa hẹn cho tác giả nhiều, mà cuốn John Endacott này không đúng với sự hứa hẹn đó. Muốn tỏ rằng mình rất ngay thẳng, y gửi theo một đoạn văn trích trong « Ý kiến của độc giả », đại ý nói : văn của Harrison « đã không tới cái tuyệt mỹ của nghệ thuật mà cũng không hợp với thị-hiểu của độc giả Anh ». Cho nên theo ý, nếu có mạo hiểm mà xuất bản — chàng phải chịu hết phi tổn án loát, tất nhiên — thì cũng phải tính trước như là sách rất khó bán. Ấy là y không đứng vào địa vị nhà xuất bản mà xét đầu.

Lòng Harrison vẫn không chuyển, nhất định không chịu phi tổn án loát. Tức thì nhà xuất bản gửi trả lại bản thảo, nói rằng theo ý kiến y (mà ý kiến đó không phải là của một nhà chuyên môn) thì Harrison đã lầm, mà y (nhà xuất bản) lấy điều đó làm

buồn, vì từ trước tới nay, tình đôi bên vẫn rất thân mật.

Harrison gửi bản thảo cho một nhà xuất bản khác trẻ hơn. Nhà này chịu một số tiền nhuận bút, nhưng chỉ khi nào bán được mới trả. Cuốn sách xuất bản.

Ba tuần lễ sau, Harrison bắt đầu nhận được báo. Ý kiến khác nhau xa. Một tờ thì chê rằng truyện ít tình tiết; một tờ khác — may mà tới cùng một ngày — lại cho rằng truyện nhiều tình tiết quá. Phần đông đều phản nản rằng sau khi đọc tập « *Trên con đường của các ngôi sao* », người ta hy vọng ở tác giả nhiều, mà đọc cuốn thứ nhì này, người ta không được vừa ý, vì truyện không hợp với thị hiếu của quần-chúng. Điều đó làm cho Harrison thất-vọng, nếu chàng không nhận được bức thư dưới đây của nhà văn đại tài :

« Anh bạn thân của tôi ơi, tôi vui không thể tả được. Bảy giờ tôi chắc chắn hơn bao giờ hết rằng anh có thể thành công lớn được. »

Và Harrison bắt đầu viết ngay cuốn thứ ba.

Nhà xuất bản cứ khát hoài, không chịu gởi tiền nhuận bút cho chàng, nên cuốn thứ nhì không mang về cho chàng được một số tiền nào hết. Bán được 300 cuốn. Trong thời gian (8 tháng) chàng viết cuốn thứ ba, nhà văn đại-tài giới thiệu chàng với một nhà phê-bình và dặn

chàng : « Anh có thể tin ở những lời phê-bình của y được. Thằng cha đó nói thì phải đúng ».

Rồi nói với nhà phê-bình : « Tôi cam đoan với anh rằng anh bạn này có thể thành-công lớn được. »

Nhà phê - bình rất tử tế với Harrison, mà Harrison như trên kia đã nói, tính tình rất dễ thương.

Khi chàng viết xong cuốn thứ ba, chàng đề tặng nhà văn đại tài. Cuốn đó nhan đề là *Mùa hè*.

Nhà văn đại tài nhận được, viết thư khen : « Anh bạn thân của tôi ơi, thật là hay, không có chỗ nào chê được, thật là hay ! Tôi đã đọc, lòng vui không sao tả được. »

Cũng ngày đó, Harrison nhận được mấy giòng này của nhà phê-bình :

« Thực vậy, văn đã tiến lắm, không còn ngờ gì nữa. Chưa hoàn toàn là nghệ - thuật đâu, nhưng quả là đã tiến bộ lắm ! » Harrison háng hái dữ. Nhà xuất bản cho ra cuốn đó và bán vừa đúng 200 cuốn, và viết thư cho chàng, có giọng buồn, phản nản rằng độc giả « gần như không mua nữa ».

Biết rằng so sánh là một việc xấu, nên chàng không so sánh số sách lần đó bán được với số sách bán được lần đầu... Nói thiệt ra thì hồi đầu chàng bắt đầu mơ mộng có thể sống hoàn toàn nhờ cây viết được.

Người ta không gởi báo tới nhiều nữa và chàng bắt đầu viết cuốn thứ tư.

Chàng bỏ ra hai năm để làm « công trình » đó. Nhan đề là

Một người bỏ đi. Sách đề tặng nhà phê bình. Chàng gửi biểu nhà văn đại tài một cuốn và nhận được thư cảm ơn ngay : « Anh bạn thân của tôi ơi, lạ lùng thay, thật là lạ lùng, sao anh có thể tiến mau được như vậy ? Anh có thể tưởng-tượng được rằng anh bây giờ với tác giả tập *Trên con đường của các ngôi sao* là một người không ? Tôi tự hào rằng ngay lúc anh viết cuốn thứ nhất, tôi đã có cặp mắt xanh thấy ở anh một nhà văn sau này sẽ thành công lớn. Chao ôi ! Cầu Trời cho tôi viết hay được như anh ! *Một người bỏ đi* thực là hay một cách lạ ! »

Nhà văn đại tài hoàn toàn thành thật mà phê bình như vậy sau khi đọc qua sáu chương đầu. Nói thực ra thì tới bây giờ ông ta cũng vẫn chưa đọc hết cuốn sách — ông ta thấy mỗi một lần như là Harrison đã làm kiệt sức ông ta vậy — nhưng luôn luôn ông khen rằng cuốn đó « hay một cách lạ », y như là đã đọc hết nó vậy.

Harrison cũng gửi tặng nhà phê bình. Nhà phê bình viết một bức thư nồng nặc, khen rằng Harrison lần này đã « thành công » Ông ta bảo : « Thật là nghệ thuật. Tôi không chắc rằng anh có thể viết hơn cuốn đó được nữa... Đề xin bái phục. »

Và Harrison bắt đầu viết ngay cuốn thứ năm.

Chàng đề hơn ba năm vào « công trình » mới này, nhan đề là *Một cuộc hành hương*. Lần

này, tìm được một nhà chịu xuất bản, thực là thiên nan vạn nan. Nhưng rồi cuốn sách cũng ra và, nhà phê bình viết cho Harrison :

«Tôi không thể tả cho anh được rằng tôi đã thấy cuốn truyện mới của anh hay đến bậc nào ! Có phần còn hùng hơn cuốn *Một người bỏ đi*, có phần tân kỳ hơn. Có nói gì thêm nữa cũng là thừa. Tôi chưa đọc hết, vội viết ngay cho anh hay ».

Tất nhiên là nhà phê bình không bao giờ đọc hết cuốn đó. Ông không đọc được nữa — nhiều quá mà ! Nhưng ông nói với vợ ông rằng : « Hay lạ ! » và bảo bà đọc đi.

Còn nhà văn đại tài thì gởi cho chàng một bức điện văn, nói : « Tôi sửa soạn viết một bài kể cuốn truyện của anh, nhưng quả thực là tôi đau lưng quá, không sao cầm cây viết nổi ».

Harrison không bao giờ nhận được bức thư nào khác của nhà văn đại tài, nhưng nhà phê bình nhận được hàng này : « Anh có thể đọc cuốn đó được không ? Đề thì đề-xin chịu. Thực là quá « hoàn toàn ».

Harrison rất hăng hái. Nhà xuất bản của chàng thì không. Y viết, giọng câu kính, rằng *không bán được một cuốn nào hết* và khuyên Harrison có viết thì phải cẩn thận, nếu không thì đọc giả chán mất. Y gởi kèm một số báo trong đó có đoạn này :

«Văn cuốn đó có thể là nghệ-thuật được, một nghệ-thuật quá tinh-vĩ nữa, nhưng chúng tôi

thấy nó buồn ngủ lắm ».

Harrison đi du-lịch ngoại-quốc và bắt đầu viết cuốn thứ sáu, nhan đề là *Chung Cục*. Trong khi viết, chàng sống tĩnh mịch, xa bạn bè, gần như một nhà tu hành. Lần này là lần thứ nhất chàng tự thấy hải lòng về tác-phẩm của mình. Chàng viết bằng máu trong trái tim, với một nỗi vui gần như chua chát. Và chàng thường mỉm cười mỗi khi nghĩ rằng trong cuốn thứ nhất, chàng làm sao đã có thể gần làm vừa lòng độc giả được, và làm sao mà nhà phê-bình đã có thể cho cuốn thứ tư là «nghệ-thuật», là «không thể viết hơn được». Những cuốn đó xa nghệ-thuật biết bao ! A, cuốn này đây mới thực là «chung cục» như chàng muốn.

Ít lâu sau chàng trở về Anh, mua một căn nhà nhỏ ở Hampstead và ở đó viết nốt tác-phẩm. Viết xong hôm trước, hôm sau chàng mang bản thảo tới một chỗ vắng ở trong vườn Heath, nằm dài xuống bãi cỏ, tĩnh tâm đọc lại. Đọc hết ba chương, chàng đặt những chương còn lại xuống cỏ, rồi ngồi lên, vui đầu vào lòng hai bàn tay.

Chàng nghĩ : «Phải, lần này ta đã thành công. Cuốn này *hay, hay lạ !* », và chàng ngồi như vậy, tay ôm đầu trong hai giờ. *Độc giả chán là phải. Nó hay quá — chính chàng, chàng đọc nó cũng không được.*

Trở về căn nhà lá của chàng, chàng cất bản thảo vào một ngăn kéo. Từ đó, chàng thôi viết.

(Phỏng theo John Galsworthy)



★ Kỹ-sư LƯU-VĂN-A

ÂM-THANH

TRONG bài « LẦN SÓNG-ĐIỆN », chúng ta đã biết một loại sóng - điện, thường dùng để truyền tin-tức hay hình-ảnh đi xa.

Có một loại sóng-điện khác nữa mà ta rất quen thuộc, tuy không trông thấy được, nhưng vẫn nghe luôn : đó là tiếng, tức âm, tức thanh, tức sóng-kêu.

Nhưng sóng-kêu là gì ? Đó chỉ là sự chấn-động của không-khí. Ta thử lấy một miếng đồng mỏng và dài, bắt chặt một đầu vào

cạnh bàn và đầu kia để rời ra. Khi ta nhấn-mạnh ở đầu rời và buông mau ra thì ta thấy miếng đồng chấn-động. Sự lay - chuyển được truyền qua không-khí bao-quanh, va-chạm vào màng-tai ta và gây ra một cảm-giác mà ta gọi là tiếng, tức âm-thanh hay là sóng-kêu.

Lấy một nguồn âm khác, phát ra tiếng trong-trẻo hơn làm thí dụ : đó là cái chuông đồng. Dùng một cái vùi, ta đánh mạnh vào chiếc đại-đồng chung. Chất kim-loại rung-chuyển và truyền sự chấn-động vào không-khí để biến-thành âm-thanh. Nguồn phát âm chính là nơi vùi đã đập vào chuông và từ tâm-điểm này, âm-

thanh sẽ truyền đi khắp nơi, theo một đường vòng tròn.

Âm-thanh tức sóng-kêu là một loại sóng-diện, vì thế các đặc-tính như chu-kỳ, bước-sóng, đều có thể áp-dụng cho sóng kêu. Nhưng có một điểm dị-đồng ta cần nên biết là sóng-nước cần đến nước mới truyền đi được, sóng-kêu cần đến không-khí, duy chỉ có sóng-diện là không cần đến một vật-chất nào để nương-tựa và có thể truyền đi trong không-gian đặc-chân-không tức là trống-rỗng không có gì cả.

Sức đi mau của sóng-diện vô cùng lớn, có thể đi giáp vòng trái đất hơn bảy lần trong một giây đồng-hồ, như ta đã biết. Còn âm-thanh truyền đi trong không-khí chỉ mau độ 330 thước trong một giây đồng-hồ mà thôi. Đứng ngay ở QUỐC-HỘI, khi gặp lúc yên-tĩnh, ta có thể nghe được những tiếng do ống-loa của máy thu-thanh đặt ở công-trường DIỄN-HỒNG đưa đến. Những âm-thanh phải cần độ 2 giây đồng-hồ để truyền đi trong khoảng cách xa này.

Khi truyền trong nước, âm-thanh đi mau hơn, độ 1500 thước trong một giây đồng-hồ và tốc-độ này sẽ tăng lên đến 5000 thước trong một giây, khi tiếng truyền đi qua chất thép.

Nhiệt-độ không-khí sẽ ảnh-hưởng đến sự truyền đi của âm-

thanh. Lúc trời lạnh, sóng kêu truyền đi được xa. Ta nhận biết điều này trong đêm khuya, khi tai ta nghe rất rõ những tiếng nhẹ ở nơi thật xa-xôi. Nghe rõ không phải vì sự im-lặng chung quanh mà chỉ do không-khí càng khuya càng trở nên lạnh. Ta có thể lấy một thí-dụ xảy ra trong mùa nóng bức để chứng minh sự trái ngược. Đó là sự yên-lặng nặng-nề mà ta cảm thấy trong những buổi trưa hè oi-ả. Duyên do không phải là quanh ta không có tiếng động mà chỉ là nhiệt-độ tăng cao là một trở lực cho sự truyền đi của âm-thanh.

Âm-thanh có những tánh-chất đặc-biệt mà ta cũng cần nên biết hoặc để có vài nhận-thức về âm-nhạc hoặc để biết rõ thêm những cảm-giác mà ta vẫn thu-nhận mỗi ngày. Những tánh-chất chánh của âm-thanh là độ-cao, cường-độ và âm-sắc.

Độ-cao là tánh-chất dùng để phân-loại những tiếng-trầm và tiếng-thanh. Tai ta thường phân-biệt được giọng nói của đàn-ông và cho đó là tiếng-trầm và ta cũng nhận biết tiếng do đàn-bà và trẻ em phát ra, ta gọi đó là giọng thanh. Nhưng tiếng trầm và tiếng thanh khác nhau ở điểm nào?

Ta nên trở lại thí-nghiệm dùng miếng đồng mỏng để phát ra âm-thanh. Nếu miếng đồng dài thì

khi ta nhấn và buông đầu rơi ra, miếng đồng sẽ chấn-động CHẬM, lay-chuyển không-khí và gây cho màng-tai cảm-giác của một âm-trầm. Nếu miếng đồng ngắn, sự chấn-động sẽ MAU và không-khí lay-chuyển sẽ ấn vào màng tai ta những tiếng thanh.

Ta cũng có thể thấy sự khác nhau của nguồn-âm đã tạo ra những giọng trầm và thanh, khi ta nhìn các nhạc-sĩ chơi đàn dây như kiềng, vĩ-cầm hay thập-lục. Các ngón tay chạy nhanh trên dây đàn, có lúc bấm để cho một đoạn dây dài, có lúc bấm để cho một đoạn dây ngắn. Khi dây càng dài, sự chấn-động càng chậm, tức là có một số chu-kỳ thấp và âm-thanh phát ra nghe rất trầm. Khi bấm phiếm để có một đoạn dây ngắn, dây sẽ rung mau, tức là có một số chu-kỳ lớn và âm-thanh phát ra sẽ có giọng cao.

Dùng danh-từ khoa-học, các chuyên-viên sẽ nói, những âm-trầm là những tiếng có tần-số thấp và những tiếng thanh là những tiếng có tần-số cao. Tần-số được định-nghĩa là số chấn-động tức là số chu-kỳ phát ra trong một giây đồng-hồ.

Tai người ta có thể nghe những tiếng trầm nhất là 16 chu-kỳ, như tiếng « đồ bực hai » (đo₂) trong đàn phong-cầm. Thính-giác của ta có thể nghe những tiếng thanh nhất độ 16.000 chu-kỳ, như tiếng của cánh ve phát

ra trong những ngày hè. Thính-lực của thính-giác lại thay đổi ở từng người. Tai trẻ con rất tinh, có thể nghe những tiếng cao, có tần số đến 20.000 chu-kỳ. Những cụ già thường có tai cứng, nên chỉ nghe được những tiếng thanh nhất độ 12.000 chu-kỳ mà thôi.

Tánh-chất thứ hai của âm-thanh là cường-độ, tức sức mạnh của tiếng phát ra. Tiếng nghe to hay nhỏ tùy theo sự chấn-động cơ-giới mạnh hay yếu. Muốn đàn phát ra tiếng lớn, ta phải kéo dây, rung chuyển cho thật mạnh. Tuy thế, sự xét-định rõ ràng về cường-độ rất là phức-tạp, vì sức thính của màng tai thay đổi ở từng người. Âm-thanh lại có tánh-chất là khi truyền đi xa cường-độ sẽ giảm rất mau; độ-giảm tỉ-lệ theo số bình-phương của khoảng cách xa. Ta lấy một thí-dụ để hiểu rõ hiện-tượng này. Dùng một vật phát ra âm-thanh, ta đứng cách xa một thước, ta sẽ nghe sức mạnh, thí-dụ, độ 20 lần. Nếu đứng xa 2 thước, sức mạnh giảm còn 5 lần và đứng xa 3 thước sức mạnh chỉ còn độ 2 lần mà thôi. Do theo tánh-chất này, âm-thanh không thể truyền thẳng đi thật xa và nếu ta nghe âm-thanh do máy thu-thanh nhận được là vì âm-thanh đã nhờ đến một thứ sóng-diện để mang đi.

Tánh-chất thứ ba của âm-thanh là âm-sắc, dùng để phân-định thế nào là một tiếng êm-dịu hay

là một tiếng chói tai. Trong cuộc sống hằng ngày, tai ta đã nghe biết bao nhiêu loại tiếng : đàn ngân, chuông reo, ốc hụ, kiếng đổ, còi vang, kèn rít. súng nổ. Tuy phức-tạp, các âm-thanh cũng có thể sắp thành ba loại chánh: âm căn-bản, họa-âm và tiếng ồn.

Trong âm căn-bản, làn sóng phát ra rất đều-đặn, có một ngọn cao và một lòng sâu cân đối nhau. Đó là trường-hợp của những âm do ống-sáo và âm-thoa phát ra. Âm-thoa tức là vật bằng phiến-sắt uốn cong hình cái nan, thường dùng để phát ra tiếng, trong sự khảo-sát về âm-học. Nhưng âm căn-bản nghe rất lặt-lẽo, không màu-sắc ; mềm yếu và thiếu thần-khí.

Trong họa-âm, làn sóng phát ra không giản-dị. Ngoài tần - số căn-bản ra còn có nhiều tần số lớn đúng sắp hai, sắp ba, đặt chồng chất lên. Ta gọi những tiếng phụ này là họa - âm hạng hai, nếu tần số lớn hơn hai lần tần số căn-bản, và họa-âm hạng ba, nếu tần số lớn hơn ba lần. Khi một âm-thanh có nhiều họa-âm chồng-chất lên, thì tiếng phát ra nghe thêm nồng-ấm, tròn-trịa và tươi tắn. Thí dụ như những tiếng của vĩ-cầm phát ra, rất dồi-dào về âm-sắc mà các nhạc-sĩ tài-ba thường dùng để diễn-tả đầy

đủ những nỗi u-hoài, những mối tình trắc-ăn. Nhưng khi một âm-thanh có họa - âm hạng cao quá chồng-chất lên thì tiếng sẽ kêu rít và làm chói tai. Đó là những âm của các nhạc-cụ làm bằng đồng hay thau, như chiêng, chập-chả, phèn-la.

Sau cùng, tiếng ồn là những âm-thanh do sự phối - hợp của nhiều tiếng khác nhau. không đồng-đều, gồm cả một vài tiếng trầm và thanh lẫn-lộn. Đó là tiếng còi rít, tiếng động-cơ máy nổ, những tiếng mà tai ta không thích nghe. Trong âm - học, các nhà vật-lý chỉ khảo-sát về âm-thanh tức những âm căn-bản và họa-âm mà thôi.

Nói tóm lại, âm-thanh có rất nhiều tánh - chất phong-phú mà một nghệ-sĩ khéo xử-dụng, sẽ tạo cho ta những bản nhạc để giải-trí rất thích-thú và muôn phần lành mạnh cho tinh-thần.

Như ta đã biết trên, âm-thanh không tự truyền đi thật xa được. Nhưng làm sao ta chỉ vận cái nút máy thu - thanh mà có thể thưởng-thức được một bản-nhạc đơn-diễn hay hòa-tấu của một đại phát-thanh ở xa-xôi. Trong bài sau, chúng tôi sẽ nói đến sự chuyển-vận âm-thanh bằng sóng-điện, từ một nơi xa để đưa đến tận nhà của qui bạn.

VIỆT	PHÁP	ANH
Âm-thanh	Son	Sound
Sóng-kêu	Onde sonore	Sound wave
Chấn-động	Vibration	Vibration
Chu-kỳ	Cycle	Cycle
Bước-sóng	Longueur d'onde	Wave length
Đặc-chân-không	Vide	Vacuum
Độ-cao	Hauteur	Pitch
Cường-độ	Intensité	Intensity
Âm-sắc	Timbre	Tone color
Tần-số thấp	Basse fréquence	Low frequency
Tần-số cao	Haute fréquence	High frequency
Âm căn-bản	Son fondamental	Fundamental tone
Họa-âm	Son harmonique	Overtone
Tiếng-ồn	Bruit	Noise

★ THIỆT PHÚC ĐỨC QUÁ !

Ngổ lơ-đềnh ngồi cầu cá bên bờ sông, một bên là gỏi mồi, một bên là cái vòn, Ngổ lấy làm sung sướng ời trời không nắng lại có gió mát, bỗng một cơn gió mạnh thổi bay vào cái nón của Ngổ xuống sông. Ngổ ta ngồi thừ mắt ra nghĩ một lúc rồi sung-sướng reo lên :

— May quá ! may quá ! phải mà Ngổ này cứ đề luôn cái đầu của mình trong nón đó thì nguy biết mấy !

★ DANH NGÔN.

Các ông định khai chiến với nhau phải không ? Hay đấy ! nhưng các ông không thể đánh nhau mãi được. Và sau khi 2 bên cùng bị thua thiệt liên tiếp mà rút cục chẳng bên thu nào lượm được một thắng lợi gì đáng kể bấy giờ các ông cùng hạ khí giới thôi đánh nhau, thì những vấn đề tranh chấp cũ lại thấy xuất hiện lên một cách bất ngờ mà vẫn chẳng thay đổi chút nào cả.

ABRAHAM LINCOLN

Dây Niềm Đau

Tôi vẫn nhớ tôi là loài dã thảo
Một ngày kia tàn tạ bởi thời gian.
Kiếp phù sinh như cơn nắng phù-phồng
Thiên vàng vọt mồn xanh thời trẻ tuổi.
Tôi lăm mà ! Cuộc đời tôi ngắn ngủi
Người cười chỉ cho vỡ lở niềm đau ?
Đã từ lâu tôi liệm mỗi tờ sầu
Bằng xác lá một mùa thu lạnh lẽo
Tiếc hoa niên lòng càng thêm khô héo
Nhắc ngày qua là gọi nỗi buồn thương.
Có vui chi mà giữ mãi hận trường
Cho cuộc sống ngập muôn điều chán nản.
Chôn vùi hết những ngày vui dĩ vãng,
Xua đuổi nhanh niềm ám đạm trầm tư.
Giữa thế nhân như lạc giữa sương mù
Tôi tập sống như là bao kẻ khác
Trước đau bề nén sâu niềm kinh ngạc
Mắt xa vời nhìn vạn cái bất công.
Miệng cười tươi gò gắp một màu hồng
Cho lòng tưởng : cuộc đời tươi đẹp lắm.
Đầu cúi xuống trên bước đi chậm chậm
Sống bình yên trong thế giới loài người
Tưởng quên sâu vùi chỉ nhận niềm vui
Cho đến lúc hồn lìa xa thể xác.

Bỗng chiều nay người nhìn tôi kinh ngạc
Rồi cười tôi ngáy dại với vô tâm :
Tuổi măng tơ tàn tạ giữa âm thầm
Không tiếc nuôi mà vui cười hơn hờ.
Người cười tôi chẳng bao giờ nức nở
Dù cuộc đời điên đảo với tang thương.
Người cười tôi mà đôi mắt chán chường
Tôi bỗng thấy rừng mình và tư lự.
Những hình ảnh của một thời gian quá khứ
Bỗng lại về vây lấy mảnh hồn tôi.
Nghe trong tim cay đắng chảy về rồi
Và vũ trụ của tâm hồn hốt hoảng.
Tôi lăm mà ! Người khơi chỉ dĩ vãng
Người cười chỉ cho dậy nỗi niềm đau.
Lá mùa Xuân không liệm được tờ sầu
Trời ! khổ quá ! Chiều nay tôi lại khóc !

THANH-NHUNG

CHUYÊN KHOA - HỌC NGUYÊN-TỬ

Cuộc du - lịch hào - hứng :

XUÂN và MAI

lên

T HƯỞNG TĂNG KHÔNG KHÍ

Tiếp theo P.T. số 10

* PHONG-CẦM

CỦA hỏa tiễn đã đóng lại.
Hỏa tiễn không có cửa
kiếng nên không nhìn
thấy bên ngoài nữa, bên trong thì
có đèn điện, máy vô tuyến truyền
hình, máy vô tuyến điện thoại để
liên lạc với căn cứ dưới mặt đất và
Phòng Thí-Nghiệm bay.

Viên phi-công, Xuân và Mai
đều gỡ chụp trùm đầu ra vì trong
hỏa tiễn có không khí đủ để thở
trong suốt cuộc du hành, đồng thời
áp lực không khí cũng vẫn giữ
được y như ở mặt đất nhờ hỏa
tiễn rất kín, không có sự thông hơi
giữa trong và ngoài.

Tiếng máy phóng thanh vang
lên trong phòng chỉ-huy hỏa-tiến.

Đây là căn cứ phóng hỏa tiễn...
Đây là căn cứ phóng hỏa tiễn...
Nhơn viên trong hỏa tiễn đã chuẩn
bị chưa, còn hai phút nữa tới giờ
phóng... Xin nhắc lại, tất cả nhơn
viên phải nằm dài ra và nịch chặt
mình vô các khoen có sẵn... Hỏa
tiễn trả lời... Hết.

Viên phi công cầm ống nói :

— Đây hỏa tiễn... Đây hỏa tiễn...
Chúng tôi đã sẵn sàng. Hết.

Còn một phút nữa... còn
một phút nữa... Hãy mang ống
nghe vô, hãy mang ống nghe
vô. Hết.

Tất cả ba người trên hỏa tiễn đều mang ống nghe cá nhân vào tai, từ giờ phút này thì họ chỉ nói chuyện với nhau và nói chuyện với bên ngoài toàn bằng vô tu yển điện thoại.

Tiếng nói của nhơn viên căn cứ lại nổi lên trong ống nghe của mọi người :

— Đã tới giờ ! Tôi đếm : 10... 9... 7... 6... 5... 4... 3... 2... 1... Không !

Khi vừa nghe tiếng « không » thì đồng thời cũng có một tiếng nổ long trời phát lên. Nhờ đã mang ống nghe vào tai nên những người trên hỏa tiễn đỡ thấy chát chúa, nhưng cũng điếc cảm một lúc lâu.

Và lại lúc đó, mọi người đều gần như bất tỉnh do sức vọt ghê gớm của hỏa tiễn, mặc dầu đã được tập luyện kỹ lưỡng nên cảm giác cũng lơ mờ thôi.

Sức vọt của hỏa-tiến cao đến nỗi chỉ trong một giây đồng hồ sau là tốc độ của nó đã lên đến 3.000 cây số một giờ.

Nhờ nằm dài và đã quen với sức vọt ấy nên không bao lâu cả ba người trên hỏa tiễn đều tỉnh táo trở lại và đồng thời vẫn nghe tiếng gọi của căn cứ phóng hỏa-tiến nhắc từng hồi :

— Đây căn cứ, đây căn cứ... Đã tỉnh chưa. Đã tỉnh chưa ? Trả lời. Hết.

— Đã tỉnh cả rồi. Chúng tôi

đang bay với tốc độ 3.000 cây số và hiện lên 50 cây. Hết.

Đúng rồi. Hỏa tiễn sắp nghiêng 45 độ về hướng Đông đây.

Quả thật, trên hỏa tiễn cả ba người đều nghe hỏa tiễn nghiêng lảo đảo và nhờ máy vô tuyến truyền hình, đã thấy được mặt đất. Xuân và Mai ngăm phục sự tiến bộ phi-thường của khoa-học điều khiển bằng máy tự-động vì từ lúc lên tới giờ những người trên hỏa tiễn chưa làm gì cả.

— Đây căn cứ, đây căn cứ... Hỏa tiễn cho biết tốc độ lên bao nhiêu, và độ cao bao nhiêu ? Trả lời. Hết

— Chúng tôi đang bay với tốc độ 12.000 cây, cao 150 cây. Hết.

Vì đã qua khỏi những lúc nguy-hiểm khi hỏa tiễn vọt mạnh nên giờ đây tuy hỏa tiễn bay với tốc độ ghê gớm đó, nhưng người trên hỏa tiễn vẫn không thấy khó chịu gì cả.

Bên thềm không gian.

Xuân hoàn toàn thấy mình bình-tĩnh nên thừa lúc căn cứ ngưng nói, Xuân liền dùng vô tuyến điện-thoại nói với viên phi-công :

— Khi mình lên tới 300 cây số rồi làm sao biết lúc đó PHÒNG THÍ-NGHIỆM « bay » ở đâu mà tấp vô hồ ông ?

Viên phi công đáp :

— Giờ phóng hỏa tiễn « tác-xi » của mình đây đã được tính

toán rất kỹ nên khi mình lên tới độ cao của PHÒNG THÍ-NGHIỆM rồi thì mình vừa gặp nó tới một lượt và hai quỹ đạo song song nhau, mình sẽ cách nó 100 thước và cùng bay một chiều với nó, cùng một tốc lực.

— Rồi làm sao mình qua bên đó được ?

— Khoan ! Hãy nghe căn cứ nói gì đây...

Tiếng căn cứ :

— Đây căn cứ, đây căn cứ... Hỏa tiễn đã đi lệch một phần tư độ, như vậy là không vô quỹ đạo được phi công hãy chuẩn bị, vì hỏa tiễn có thể trở về địa cầu. Cho biết tốc độ, độ cao, hướng bay. Trả lời. Hết.

— 25.350 cây số một giờ 242 cây số cao, 35 độ 7 phút 6 giây về hướng Đông Bắc. Hết.

Viên phi công báo hiệu cho Xuân và Mai rồi nói :

— Nguy to rồi. Đã gần tới quỹ đạo mà lệch một chút thành ra có thể hỏa tiễn phải trở về. Hãy chuẩn bị. Lúc trở xuống hỏa tiễn bay rất mau, sức nóng lên trên 1.500 độ và có thể xảy ra tai nạn tuy vỏ hỏa-tiến đã được chế bằng thứ kim khí chịu nóng. Kiểm soát lại các nút dây dù, nhớ hễ đèn đỏ chớp lên là hãy bấm nút, ghế sẽ bị bắn văng ra ngoài và dù sẽ tung ra. Mang mặt nạ và ống dưỡng khí vào, xong chưa ?

Xuân và Mai nhớ ra đã được huấn-luyện nên thi hành rất thuần thạo. Lại có tiếng của căn cứ :

— Đây căn cứ, đây căn cứ... Hãy cho hỏa tiễn nhỏ số 1 bên trái nổ trong 3 giây rồi tắt. Hết.

Viên phi công thi hành theo lời chỉ dẫn.

— Đây căn cứ... Cho biết hướng bay. Hết.

— 35 độ 6 phút 51 giây. Hết.

— Đây căn cứ... cơn nguy-hiểm đã qua, hỏa tiễn đã đi đúng hướng trở lại rồi và sắp vào quỹ đạo. Hỏa tiễn hãy liên lạc với PHÒNG THÍ-NGHIỆM... bay đi.

Cả ba người tuy đều mang mặt nạ nhưng vẫn biết rằng người bạn đồng hành với mình đang cười khoan khoái. Viên phi công quay nhìn sang phía Xuân và Mai nói :

— Chà hú hồn ! May quá, tưởng chừng phải trở xuống thành linh rồi chớ.

Xuân hỏi :

— Thì rồi hỏa tiễn cũng phải trở về căn cứ, sao ông lại lo ngại ?

— Trước hết mỗi chuyến bay như vậy tổn kém ghê lắm. Thứ nữa là khi phải trở xuống sau này hỏa tiễn sẽ từ quỹ đạo trở vô lớp không khí hoàn toàn do căn cứ chủ động về việc chọn lúc thuận tiện nhất, tức là phải tính toán kỹ trước như hồi này thì mình bị động, nghĩa là nếu phải trở

về có lẽ mình sẽ rơi xuống một sa mạc hay xuống biển cũng nên...

Xuân và Mai bây giờ mới giật mình vì lúc này chưa hiểu được sự quan trọng của tai nạn.

Viên phi công nói tiếp :

— Hai em có nghe thấy gì không ?

Mai la lên :

— À, tôi đã thấy mất trọng lực rồi. Chắc mình đã tới quỹ đạo.

Quả thật giờ đây thì hỏa tiễn đã gần tới tốc độ vệ tinh rồi. Kim đồng hồ chỉ 28.800 cây số một giờ. Viên phi công bảo :

— Thôi hai em tháo nịch ra khỏi chỗ ngồi đi, gần tới rồi đây, chắc chỉ trong chốc lát là PHÒNG THÍ-NGHIỆM... bay sẽ liên lạc với mình, tôi đã mở máy ra chờ đây.

Xuân và Mai tháo nịch ra, vừa tháo xong là thân mình của hai em bay lơ lửng trong phòng hỏa tiễn.

Xuân nói :

— Để Xuân hát xiệc cho bà con coi !

Thế là Xuân vịn vào thành ghế xoay mình cho đầu chúi xuống phía sàn hỏa tiễn rồi cứ để như vậy, thành ra hai chũn của Xuân chạm trên trần, Mai hỏi viên phi công :

— À dường như hồi mới lên hỏa tiễn cháu thấy ông có đem theo một chai nước suối thì phải ?

— Có đây nè. Mai khát nước hả ?

— Dạ không, ông cho cháu mượn cháu thử.

Mai lấy chai, mở nút rồi trút đầu xuống, nhưng nước không đổ ra. Viên phi công bảo :

— Cháu phải lật cho mạnh nước mới văng ra được, vì không còn trọng lực nữa nên nước đâu có chảy ra tự-nhiên như ở mặt đất.

Mai làm theo, nhưng lạ thay, mỗi một giọt nước lọt ra ngoài là bay lơ lửng như chất hơi. Mai và Xuân cười khoái trá trước những hiện tượng ngộ nghĩnh ấy.

Bỗng có tiếng nói nổi lên trong ống nghe :

— A-lô ! A-lô ! Đây là căn cứ bay, căn cứ bay gọi hỏa tiễn, hỏa tiễn có nghe không ?

Viên phi công, Xuân và Mai đều chăm chú nghe. Viên phi công đáp :

— Đây hỏa tiễn, chúng tôi nghe rồi. Chúng tôi đã vào quỹ đạo chưa ?

— Mới v ừa vào rồi đây. PHÒNG THÍ-NGHIỆM... bay đã thấy hỏa tiễn, các bạn đang bay song song với chúng tôi. Cứ mở máy vô tuyến truyền hình sẽ thấy.

Viên phi công mở máy thì quả thật thấy rõ mồn một như ở cạnh bên PHÒNG THÍ-NGHIỆM... bay không lơ đang xoay tít như một cái bánh xe nằm nghiêng. Nhìn lại đồng hồ thì thấy tốc độ đã dừng lại mức 28.800 cây số một giờ, độ cao là 320 cây.

Viên phi công nói với Xuân và Mai :

— Thế là cuộc du hành đã hoàn-thành. Bây giờ thì máy hỏa tiễn đã tắt vì mình đang bay với cái trớn sẵn có, trong quỹ đạo.

Xuân nói :

— Như vậy thành ra quỹ đạo cũng như là một căn cứ nhưng căn cứ « bay » ?

— Đúng rồi, khi mình đã lên được tới đây và có được tốc độ này thì tự nhiên là mình đã biến thành vệ tinh nghĩa là cứ bay vòng quanh trái đất mãi mà không cần có máy móc gì hết, vì bên ngoài hỏa tiễn không còn có không khí nữa. Nhưng các em phải nhớ rằng nếu hồi phóng lên mà mình đi lệch một chút xíu hoặc mất tốc độ thì thay vì thành vệ tinh, hỏa tiễn sẽ rơi trở xuống. Hiện giờ mình như đang được treo giữa khoảng trời này vậy. Khi qua bên PHÒNG THÍ-NGHIỆM hai em tha hồ mà quan sát hỏa địa cầu yêu quý của mình nhưng các em hãy tưởng tượng rằng các em đang đi vòng quanh thế giới trong một tiếng rưỡi đồng hồ đây thôi.

PHÒNG THÍ-NGHIỆM lại gọi :

— Nghe đây hỏa tiễn, nghe đây hỏa tiễn. Hãy chuẩn bị cho hành khách đi ra.

Mai đâm lo :

— Bây giờ làm sao qua bên đó ông nhỉ. Có cầu thang gì hay không ?

Viên phi công đáp :

— Không khó đâu em ạ. Lát nữa đây tôi sẽ mở cửa ra, bên PHÒNG THÍ-NGHIỆM sẽ phóng qua cho mình một sợi dây nối liền, hai em sẽ lần theo sợi dây đó mà sang bên ấy.

Xuân không hiểu rõ lắm nên nhờ viên phi công cắt nghĩa thêm. Ông ta vui vẻ giải thích :

— Các em nhớ rằng mình và P.T.N. đang bay cùng một tốc độ như nhau và cách xa độ một trăm thước. Khi các em lọt ra ngoài thì cũng y vẫn bay theo với tốc độ các em đó, chớ không phải như khi các em đi phi cơ thường, vì phi cơ thường chỉ bay trong lớp không khí nên hễ ai lọt ra thì một là bị không khí cản lại, hai là lọt xuống đất. Còn ở đây mình đã không còn trọng lực nên không lọt được và vì không có không khí nên không bị bất cứ cái gì cản lại. Các em sẽ không có cảm giác rằng mình đang bay nếu các em không nhìn về quả địa cầu. Nhưng các em sẽ không xê dịch được trong khoảng không ấy. Nếu có một sợi giây nối liền hai bên thì các em sẽ phăng lẫn qua được.

Xuân lại hỏi :

— Bên kia làm cách nào phóng sợi dây qua hở ông ?

— Có khó gì đâu. Họ sẽ dùng một hỏa tiễn nhỏ xíu để bắn đầu dây qua, đầu dây có một miếng cao su nó sẽ dính vào mình hỏa

tiền, nhưng cũng không cần dính chặt lắm miễn là hai em nắm được đầu dây là đủ rồi. Sợi dây bản qua cũng giống như một cây sào. Thôi hai em chuẩn bị đi.

— Dạ xong rồi ạ.

— Cũng phải làm cho nhanh nhé vì khi ra ngoài, áp lực không khí bên trong y phục và cơ thể của hai em sẽ làm cho quần áo căng lên vì bên ngoài không có áp lực gì hết, nếu đang ea thì coi chừng quần áo chịu không nổi là chết ngay đấy. Bây giờ hai em hãy vào phòng A.

Mai bịn rịn :

— Vậy ra ông không cùng qua bên kia với hai cháu sao ?

— Không, tôi phải đem hỏa tiễn trở về mặt đất chớ. Với lại tôi phải điều khiển mở cửa và đóng cửa cho hai em. Đầu phải mở ngay cánh cửa được vì bên trong hỏa tiễn có không khí còn bên ngoài không có, nếu mở liền là tất cả đều chết tức khắc. Các em phải vào phòng A rồi đóng cửa lại. Tôi sẽ cho máy bơm hút hết không khí trong phòng A. Xong rồi hãy thấy đèn xanh cháy là các em cứ mở cánh cửa phía ngoài, vì chừng đó thì phòng A và phía ngoài đều không có không khí như nhau. Các em hiểu không ?

Xuân và Mai đều đáp :

— Dạ hiểu, thôi chào ông, ông về bình yên.

— Hai em ở lại làm việc nhé. Thôi để tôi cho bên kia hay. Alo ! PHÒNG THÍ-NGHIỆM, đây hỏa tiễn, tôi cho hành khách ra đây nhé.

— Được rồi, bên này đã chuẩn bị.

Xuân và Mai đã vào phòng A, đóng cửa lại. Một chập sau đèn xanh phụt cháy, hai em bé đều biết là phòng A đã hết không khí, nên mở cửa ngoài. Cửa mở rất dễ dàng.

Cửa vừa mở hai em đều chóa mắt nhìn thấy PHÒNG THÍ-NGHIỆM đồ sộ đang quay tít như cái bông vụ, cửa kiếng đèn đuốc sáng choang trông thật đẹp và thật hùng vĩ. PHÒNG THÍ-NGHIỆM nhìn gần giống như một cái bánh xe hơi khổng lồ, cái cốt giữa thông với vòng ngoài bằng bốn cái « cãm » (nan hoa). Xuân và Mai vẫn còn liên-lạc bằng vô tuyến điện-thoại với viên phi công nên hỏi :

— Chúng cháu đã mở cửa rồi sao không thấy ai phóng dây qua nào ?

— Đừng lo. Họ sẽ mở cửa ở cái cốt giữa và sẽ phóng qua ngay.

Liền đó, nhìn kỹ về phía cốt giữa Xuân và Mai thấy một cánh cửa mở, một bóng người ăn mặc y như Xuân và Mai lộ đầu ra giờ tay vẫy.

Rồi Xuân và Mai thấy chớp loè lên một cái : một sợi dây thừng đã nổi liền hai bên, đầu dây dính vào mình hỏa tiễn cách cửa sổ vài tấc.

Tiếng viên phi công ra lệnh :

— Thôi các em ra ngoài đi.

Mai đẩy Xuân đi trước.

Xuân cẩn thận với tay nắm đầu dây rút mình ra ngoài. Xuân cảm thấy nhẹ nhàng lạ thường không phải như khi mình leo dây ở nhà. Xuân nhớ lại rằng ở đây mình không còn trọng lực nữa nghĩa là nhẹ tựa lông hồng.

Xuân ngoác Mai nhưng Mai bủn chợn vào thành cửa sổ nên thân mình bị đẩy ra cách xa đầu dây chừng một thước. Mai hốt hoảng kêu lên :

— Cứu Mai với ! Cứu Mai với.

Xuân cũng điếng hồn với nhìn Mai lơ lửng giữa trời, không dính vô đâu hết. Xuân gọi thất thanh :

— Ông phi công ơi, ông phi công ơi, làm sao bây giờ ?

Nhưng viên phi công đã lên tiếng trấn tĩnh :

— Không sao, đừng hốt hoảng. Xuân hãy phăng trở vô hỏa tiễn rồi đóng cửa lại.

Nghe nói thế Mai càng lo sợ thêm kêu lên :

— Bỏ Mai một mình ở ngoài này sao ?

Tiếng viên phi công :

— Không, Mai chờ một tý.

Xuân vô phòng A rồi đóng cửa lại. Không khí được bơm vào. Đèn xanh cháy. Cửa trong cũng mở ra. Viên phi công trao cho Xuân một cây thước bằng cây, nói :

— Tôi quên dặn, vì ở đây mình không còn sức nặng nữa nên hãy phóng mạnh một cái là có thể đi thật xa. Nếu Mai nó văng ra xa một chút nữa thật là không biết làm sao. Xuân hãy lấy cây thước này « vót » Mai.

(Còn một kỳ nữa)

CẨM KÊ THIẾU ... RĂNG

Trong hội chợ Marseille, một người bán kẹo thơm treo tấm bảng : « Cẩm người nào không có đủ 20 cái răng ».

PHIM CÓ MÙI NƯỚC HOA

Cuốn phim đầu tiên mà ta có thể ngửi mùi đang bắt đầu quay ở Y-pa-nho do nhà đạo diễn Mỹ Jack Cardiff dàn cảnh. Đó là một phim trình thám tặc là « Mùi hương bí-mật » và nguyên nhân tìm ra thủ phạm cũng nhờ mùi nước hoa. Nước hoa này do một hãng chế dầu thơm ở Thụy-sĩ sản-xuất.

NGÀY LỊCH-SỬ

THÁNG TƯ

★ NGUYỄN-TRIỆU Sưu-Tầm

(Tiếp theo P.T. số 10)

1

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

8 Mai 1959

★ 1 THÁNG TƯ, BÌNH - TÝ
(2 Mai 1516)

TRẦN-CAO đóng quân ở Bồ-Đề chống nhau với đại-binh của LÊ-TƯƠNG-DỰC ĐỂ.

2

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

9 Mai 1959

★ 2 THÁNG TƯ, MẬU-THÂN
(7 Mai 1778)

Vua LÊ-CHIÊU-THỐNG chạy đến hải-phận Biện-Sơn, gặp LÊ-BAN cùng kéo nhau quay về Thanh-Hóa.

3

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

10 Mai 1959

★ 3 THÁNG TƯ, MẬU-THÂN
(4 Mai 1052)

NÙNG-TRÍ-CAO đem 5.000 quân xuống miền Đông, đánh lấy trại Hoàn-Sơn (Điền-Châu bây giờ) rồi xuôi theo sông Uất đánh thành Ung-Châu trên đất Tống.

4

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

11 Mai 1959

★ 4 THÁNG TƯ, QUÝ - VỊ
(10 Mai 1883)

Tướng «Cờ Đen» là LƯU-VĨNH-PHÚC hạ chiến-thu thách quân PHÁP lên giao-chiến tại vùng Phủ Hoài-Đức (Hà-Đông Bắc Phần).

5

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

12 Mai 1959

★ 5 THÁNG TƯ, TÂN-HỢI
(16 Mai 1431)

Vua LÊ-THÁI-TỔ (Lê-Lợi) nhận được ấn-thư của vua TUYÊN-ĐỨC nhà Minh thừa-nhận và phong cho làm vua nước Nam.

6

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

13 Mai 1959

* 6 THÁNG TƯ, ẤT - DẬU
(11 Éévrier 1285)

TRẦN-NHẬT-DUẬT đánh phá quân Toa-
Đô ở Hàm-tử-quan, cả phá được giặc.

7

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

14 Mai 1959

* 7 THÁNG TƯ, KỶ - BỢI
(2 Mai 1579)

Vua LÊ-THẾ-TÔN phong cho TRỊNH
TÔNG làm THUỢNG-PHỤ Bình-An-Vương.

8

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

15 Mai 1959

* 8 THÁNG TƯ, GIÁP - NGỌ
(17 Mai 1054)

Sau khi làm lễ tẩm Phật, nhân ngày
PHẬT-ĐẢN, Vua LÝ-NHÂN-TÔN phong
LÝ-THƯỜNG-KIỆT làm chức Đại-liêu và LÝ-
NHẬT-THÀNH làm Binh-bộ thị-lang.

9

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

16 Mai 1959

* 9 THÁNG TƯ, QUÝ - DẬU
(5 Mai 1873).

Thương-gia Pháp ĐỒ-PHỒ-NGHĨA (Jean
Dupuis) đem quân đến cửa Đông thành
Hà-Nội bách các quan ta phải tha tên
khách BÀNH-LỢI-KỶ và những người lái
thuyền bị bắt vì đã liên-can đến việc
chở muối, gạo, súng, đạn lậu lên
VĂN-NAM.

10

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

17 Mai 1959

* 10 THÁNG TƯ, MẬU-NGỌ
(14 Mai 1258)

Mông-Cổ cho NỘI-LOÁT-ĐAN sang
nước ta dụ vua TRẦN-THÁI-TÔNG.

11

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

18 Mai 1959

* 11 THÁNG TƯ, BÌNH - TÝ
(12 Mai 1510)

TRẦN-CAO chiếm được kinh-thành, lên
ngôi làm vua, tự xưng là THIÊN-ỨNG.

12

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

19 Mai 1959

* 12, THÁNG TƯ, QUÝ - VỊ
(18 Mai 1883)

Đại-tá, Pháp HENRI-RIVIÈRE hạ lệnh cho
tướng-tá chuẩn-bị qua ngày sau lên Phủ
Hoài-Đức giao-chiến với quân Cờ Đen
(Mở màn trận Ô-Cầu-Giấy).

13

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

20 Mai 1959

* 13 THÁNG TƯ, CANH-TUẤT
(26 Mai 1790)

Sứ-đoàn Vua QUANG-TRUNG (giã) tới
trấn Lạng-Sơn.

14

Tháng TƯ KỶ-HỢI

21 Mai 1959

* 14 THÁNG TƯ, MẬU-THÂN
(28 April 1428)

LÊ-THÁI-TÔ (LÊ-LỢI) sai cụ NGUYỄN-
TRÀI soạn bài «BÌNH NGÔ ĐẠI-CÁO» để
bố-cáo cho Thiên-hạ.

* 14 THÁNG TƯ, GIÁP-THÌN
(2 Juin 1784)

Cụ LÊ-QUÝ-ĐÔN tạ-thế, thọ 59 tuổi.

15

Tháng TƯ, KỶ-HỢI

22 Mai 1959

* 15 THÁNG TƯ, BÍNH - TÝ
(16 Mai 1516)

Vua LÊ-CHIÊU-TÔN ở Tây-dô (Thanh hóa)
sai TRỊNH-DUY-SÁM, đem quân tam-phủ
đo đường Nho-quan Ứng-Hòa tiến ra
đánh TRẦN-CAO.

(Còn nữa)

NHỮNG CHUYỆN LẠ VỀ XỔ SỐ

Có những kỳ xổ số tại Pháp, bánh xe quay ra những số trúng độc
đặc thật là ly kỳ. Một lần số độc đặc ra 5 con số không và 1 con số 7.

Người ta đã tính toán theo lối thầy bói và quả quyết rằng có thể sẽ
có sáu con số không ra đời chứ chẳng không. Thế nên trong cuộc xổ số
của Không-quân và Hải-quân Hoa-kỳ có bán vé 6 con 0, bán tờ chức
nhận được 130 lá thư nhận mua vé ấy!

Một cô hàng vé số ở Toulon (Pháp) đã bán 11 lần vé trúng số độc
đặc.

Một cô khác cũng ở Toulon quên sót một vé bán ế thì vé đó trúng
độc đặc.

Ở thành-phố Metz có bà Wring trúng 4 lần độc đặc trong 5 tháng
liền.

Ở Marseille, ông André Villon độ lục tuần, mua một vé số cắt trong
cuốn Thánh kinh. Vài tháng sau, bọn cướp dón đường giết ông chết, lột
hết quần áo. Nhà chức trách không tìm ra thủ phạm. Một hôm con trai
ông lão ngồi coi xổ số thấy một người choàng cái áo của cha mình mặc
khi bị giết. Trời nóng, tên ấy cởi áo mặc trên thành ghế. Cậu trai
đến gần xem kỹ thì là áo của cha, bèn la lên. Thừa cơ hội đông người,
tên sát nhân trốn mất. Cậu ấy rồi tới thấy cuốn Thánh kinh, mở ra gặp vé
xổ và ngay khi đó trúng độc đặc!

Ở Nam-Vang, một người bán cơm, kẹo trúng 2 lần độc đặc liên tiếp
trong 2 tuần. Ông ta nghĩ đi bán dạo — cố nhien! — và treo cái thùng
thiếc «nhà nghề» lên thờ!

Ông Nghè Triều Lê

☆ TRẦN-TƯỜNG-NIỆM

TRONG xã hội Việt-Nam ngày xưa, khi chưa có ảnh hưởng của Tây-phương, không có giai tầng nào trong xã-hội được tôn trọng và mến yêu bằng giai tầng thư sinh và đặc biệt là những người có khoa giáp. Ngày xưa, làm đến đại thần mà không thi đậu, nhân dân cũng không tôn trọng mà chỉ có sợ hãi về quyền uy; đối với người khoa giáp, mặc dù không bước chân vào hoạn lộ, mặc dù nghèo túng (chuyện rất có thể) nhưng vẫn có giá trị trong xã hội. Chuyện ấy cũng rất dễ hiểu trong xã-hội nông nghiệp mà thượng tầng kiến trúc là đạo Nho, sản phẩm của xã-hội ấy. Trải qua hàng nghìn năm sinh hoạt, nho sinh vẫn là giai tầng ưu tú vì sự đóng góp, vì địa-vị của nó trong xã-hội. Qua hàng nghìn năm ấy, nhà nho vẫn là những người xướng ra mọi quy luật, quan

niệm xã-hội, chính-trị, luân-lý của đời sống và bản thân của họ phải là những tấm gương phản chiếu lại tất cả những cái ấy. Nhà nho phải là gương mẫu, nhất là về phương diện luân-lý trong đời sống xã-hội và đây là một câu chuyện về nhà nho:



Chuyện xảy ra vào đời Lê Mạt, Nguyễn Sơ, thời kỳ lung tung, rắc rối nhất lịch-sử cận đại. Ông vua cuối cùng của dòng họ đã đem lại độc lập cho dân tộc, sau thời Minh thuộc, do người anh hùng áo vải Tây-Son đặt lên ngai vàng đã op ẹp từ lâu vì họ Trịnh, đã phải đem thân ngàn vàng sang Tàu, phủ phục trước Kim loan điện nhà Thanh để xin quân ngoại-quốc về dẹp Tây-Son.

Trong khi nhà vua phiêu-lưu thì các triều thần vẫn cố gắng nghĩ đến đạo Trung, nào là mộ quân Cần Vương, nào là nhất thiết cự tuyệt nhà Tây-Son v.v... và trong đám trung thần ấy có

đanh sĩ Trần-danh-Ấn.

Trần tiên-sinh là một bậc phong cương đại thần. Ngài đậu đại khoa rất sớm và rất có uy tín vì tài năng và đức độ. Trước khi vua bỏ nước chạy sang Tàu, ngài đã từng đi sứ sang cầu cứu nhà Thanh; đi một cách rất gian khổ và thi vị:

*Thiên cổ do truyền kỳ tuyệt sự
Tệ sam tàn lập, sứ thần trang*
(Trần-danh-Ấn)

Nghìn đời người ta vẫn nhắc đến câu chuyện tuyệt diệu sứ thần đi sứ mà phải đội nón mê, mặc áo rách).

Rời theo gót quân nhà Thanh, tiên sinh đã cùng đảng quân vương chấp chưởng chính quyền: báo ân, báo oán còn việc nước thì mặc kệ ai. Đến khi bị 10 vạn quân của Nguyễn-Huệ đuổi, vua chạy sang Tàu thì tiên sinh chạy theo không kịp, bèn lui về quê ẩn, nhất thiết không chịu cúi đầu làm tôi chủ mới như bọn Nguyễn-Du, Phạm-quý-Thích v.v. non sông hai ba lần đổi chủ, tiên sinh vẫn cứ nhất định ở nhà, từ chối hết mọi ân diếu mà các vị vua mới ban cho. Vì thế, tiên sinh nổi tiếng là một người cao khiết thời bấy giờ, và tiên sinh cũng rất bằng lòng về mình.

Cho đến một hôm, nhân ngự giá Bắc thành, vua Gia-Long xuống chiếu triệu tất cả cổ Lê thần đến hành cung ở Bắc Thành để phủ dụ và mời họ ra cộng tác. Lời chiếu có giọng dọa nên bất đắc dĩ tiên sinh phải đến ra mắt nhà vua, nhưng không nhận làm quan, lấy cớ là già yếu. Gia-Long không ép nhưng có tặng tiên sinh một chiếc khăn đội đầu.

Về nhà, tiên sinh đắc chí vì từ chối được mà đầu không rụng, nên bày một tiệc rượu lớn, để mừng cho mình. Độc ẩm thì buồn, tiên sinh liền cho gọi 1 thầy đồ nghèo đi dạy học kiếm gạo ở trong làng đến hầu rượu cho vui. Tửu nhập ngôn xuất, tiên-sinh bèn làm bài thơ tự hào có lẽ là rất hay. Bài thơ ấy kết thúc với câu:

Lê triều tiến sỹ, tỉnh danh Trần
(Triều Lê xưa, tiến sỹ họ Trần).

Ngâm xong, tiên sinh hỏi ý kiến thầy đồ. Thấy chiếc khăn mới trên đầu của bậc đại nho trung thần của nhà Lê, thầy đồ xin phép chữa câu cuối:

Lê Triều tiến sỹ, Nguyễn triều
cán.

(Tiến sỹ triều Lê, khăn triều Nguyễn).

Tiệc rượu chấm dứt ở đó.

HỒI-KÝ

Một Đời Người

(Tiếp theo P.T. số 10)

CHƯƠNG III

* THIẾU-SƠN

NGHỀ THỨ HAI

NĂM 1929. Năm đó tôi đã ngoài tuổi 20, đã thôi dứt sự học ở nhà trường để về nhà tự-học và ... viết văn. Tôi không có việc gì phải ở lại Hà-nội. Tôi về ở với thầy tôi lúc đó tông-sự tại Hưng-Yên. Một hôm thầy tôi kêu tôi lại mà nói : «Thầy đã sắp tới tuổi phải về hưu-trì. Thầy thấy con ham học thầy cũng mừng. Nhưng con tính học tới đâu? Và học để làm gì? Bao giờ con mới đi làm được để nuôi thầy? Hay để thầy đỡ phải nuôi con?»

Lời nói đó làm tôi choáng-váng mặt mày, bắt đầu thấy đứng trước một cái thực-tế hết thơ mộng và thấy cả cái trách-nhiệm của mình. Một người bạn khuyên tôi nên thi vào một công-sở vì tôi không đủ tư-cách làm nghề tự-do và không đủ khả - năng chuyên-môn để xin làm việc ở các tư sở.

Năm đó không có công-sở nào mở khoa thi tuyển người giúp việc, ngoại trừ sở Buru - Chính Đông-Dương.

Tôi bèn gởi đơn xin ứng-thi và sửa-soạn đi thi vào khoảng gần cuối năm. Bài thi không khó nhưng số thí-sinh rất đông. Riêng ở Hà-nội đã có trên 300 người. Đồng-thời ở Sài-gòn, Huế, Nam-vang và Viên-chian đều có thi mà không biết số thí - sinh nhiều hay ít. Nhưng gộp chung lại mà tuyển lấy 50 người cho toàn Đông-Dương thì cũng không phải là chuyện dễ.

Tôi chờ 3 tháng mới được thư cho hay rằng tôi đã thi đậu và đậu số một. Thầy tôi mừng lắm và sửa-soạn hành-lý cho tôi về Nam tông-sự vì năm đó không bổ-dụng người ở Bắc. Nhờ tôi đậu cao nên được lựa chỗ và tôi đã lựa Sài-gòn.

Vào Sài-gòn tôi lại được lựa một lần nữa và xin làm ở Gia-

định, công-việc nhàn hơn, có phụ-cấp khu-vực như ở Sài-gòn và thử nhứt là gần Thư-viện Trung-ương cho tôi tiện lui tới để học thêm. Anh em khuyên tôi nên chuẩn-bị đề thi lên tham-tá, nhưng rồi tôi cũng chẳng chuẩn-bị và thi-cử gì thêm nữa. Tôi đọc sách theo sở thích của tôi và lại tiếp tục theo đuổi nợ văn-chương như trước.

Lương thơ-ký tập-sự với phụ-cấp được 51\$50 tôi sống một cách quá đầy-dủ và mỗi tháng còn gởi được 15\$ về giúp cha. Hồi đó đồng tiền có giá và qua những năm sau bị kinh-tế khủng-hoảng càng có giá nhiều hơn.

Mới đầu tôi không thích công-việc của tôi làm nhưng lần lần cũng thấy hay hay và có cảm-tình với nghề bán cò, làm măng-đa và phát măng-đa cho đồng-bào của tôi.

Tôi nói theo giọng Bắc, có nhiều bà nhiều cô hỏi lại tôi : «Thầy nói gì tôi không hiểu?» Tôi mắc cỡ rồi cứ dùng tiếng Tây mà đối-đáp với đồng-bào. Nhưng đồng-bào đâu phải ai cũng biết tiếng Tây? Thế là tôi buộc lòng phải sửa giọng và học những tiếng thông-dụng ở Nam. Muốn vậy tôi phải giao-du với người Nam nhiều hơn người Bắc.

Càng gần người Nam tôi càng mến họ vì thấy họ thật-thà, ngay thẳng, có nóng nảy mà ít thâm độc, thử nhứt là không có những lối khách-sáo, chuồng phù-hoa

hư-văn như một số đồng người ở giới trung-lưu Bắc-Việt.

Người công-chức ở sở Buru-chánh phải có tinh-thần phục-vụ, nhưng không phải là phục-vụ những người thủ-trưởng của mình, những ông «xếp» lớn hay nhỏ như ở các sở khác. Ở đây, phục-vụ là phục-vụ khách hàng, phục-vụ công-chúng, phải nhậm-lệ, phải lễ-độ mà không được hạch-xách hay lên mặt lên mày với bất cứ một ai. Bởi thế nên không có những vụ làm khó để ăn tiền trà nước hay mua lòng chủ để hiếp-đáp anh em.

Người dân đến các công-sở khác khó-khăn bao nhiêu thì đến Nhà Dây Thép dễ-dàng bấy nhiêu vì cũng như đến một cửa hàng mà mình là thân-chủ.

Người ta ít chuồng làm sở Dây Thép vì không có oai-quyền, nhưng, trái lại, tôi thấy đó là một may mắn để tập cho con người khiêm-tốn, liêm-khiết, dân-chủ và biết tôn-trọng nhân-vị của đồng-loại, đồng-bào.

Đối với một nhà văn thi chỗ ngồi ở nhà Dây Thép lại càng thích-thú hơn. Tiếp-xúc với công chúng mỗi ngày tha-hỗ mà quan-sát. Biết bao nhiêu kiểu-mẫu, bao nhiêu hình-ảnh, bao nhiêu đề-tài và tài-liệu về con người mông-lung, phức-tạp, bao nhiêu đục-vong và cũng biết bao nhiêu hy-sinh cao-cả.

Tôi còn nhớ hình-bóng một cô giáo mỗi khi nhận được thư của em trai ở Pháp gởi về thi sự vui

buồn lộ liễu ra nét mặt. Chính cô cho tôi hay rằng người em cô học giỏi lắm, được học-bổng qua Pháp học thêm. Cậu thi đậu số một vào trường Bách-khoa ở Ba-Lê là một trường danh tiếng. Cô tuy lớn tuổi mà chưa chịu lập gia-đình để giữ nguyên số lương chia cho em mỗi tháng. Người em lúc thi ra cũng lại đậu số một và hiện nay đã về nước giữ một địa-vị quan-trọng trong chánh-quyền.

Tình chị em thâm-thiết và sự hy-sinh cao đẹp biết bao nhiêu!

Hồi ở Bắc tôi đã nghe tiếng Thầy Sáu Ngọ có tên Tây là Paul Daron. Thầy được gọi là vua cờ bạc ở Saigon. Thầy mở những sòng me lớn nhưng có sự ủng-hộ bí-mật của nhà cầm-quyền Pháp nên sự làm ăn của thầy phát-đạt vô cùng. Thầy nghiện-ngập đủ thứ, xài tiền như nước và em út của thầy đông vô số kẻ.

Vậy mà chính tôi đã phát cho thầy một cái măng-đa 5đ. Tay thầy run lên vì cảm-động. Thầy còn xin tôi « vui lòng » đổi cho thầy một đồng bạc cắc. Thầy lấy số tiền đó trang-trải liê tay cho những chủ nợ « ăn hút » theo thầy tới tận nhà Dây Thép.

Thầy Sáu hồi đó đã hết thời oanh-liệt, xin nằm dưỡng bệnh ở nhà thương thì Thị Nghè và rồi thầy chết luôn ở đó.

Tôi sung-sướng nhưt là ở đây tôi được thấy tận mặt, bắt tận tay những người mà tôi đã sùng-bái từ lâu, từ khi còn đi học.

Tôi đã gặp ông Nguyễn-an-Ninh bằng xương và bằng thịt. Tờ « Chuông rè » (La Cloche fêlée) của ông đã bị đình-bản. Ông cũng mới ở tù ra. Con người mà thực-dân cho là dữ-dẫn và nguy-hiểm sao tôi thấy khả-ái và hiền từ đão-đề ! Hình như có người nói cho ông biết rằng tôi cũng viết văn, viết báo nên thỉnh thoảng ông đi bán dầu củ-là hay đi làm công chuyện gì khác thuận đường ông cũng ghé thăm tôi. Ông biết ghé nhà thi nguy-hiểm cho tôi nên ông ghé chỗ bán củ để ban cho tôi một cái siết tay thân-ái hay một lời thăm hỏi có đượm chút tình thương.

Rồi tôi còn gặp ông Tạ-thu-Thâu, ông Phan-văn-Hùm cũng ở trong những trường hợp như trên. Ông Thâu, con người kịch-còm ồ-về, cao lớn và đen đúa, sao tôi thấy ông đẹp quá và hiền quá ! Ông đẹp với tôi, ông hiền với tôi. Nhưng đối với thực-dân thì ông « xấu lắm » vì ông đã quên công ơn giáo-dục của « mẫu quốc » và đã làm rối trật-tự an-ninh của... Tây.

Đối với ông Phan-văn-Hùm, con người nho-nhã hiền-từ ấy, tôi không thể « kính nhi viễn chi » được. Tôi thấy ông làm việc cho văn-hóa nhiều hơn là chánh-trị, sau này ông còn là người bạn văn-chương của tôi và tôi còn có dịp nói lời ông nữa.

(Còn nữa)

Mừng ngày ĐẢN SINH PHẬT-TỔ

NĂM MÔ PHẬT. Hôm nay ngày KHÁNH-ĐÀN
Ngôi hương trầm thanh-khiết tỏa muôn phương
Chứng giám ngàn bao-quát của tình thương
Trống giục-dã muốn đóc kinh cầu khấn
Khắp thế-giới hàng triệu lòng ngưỡng-mô
Đang cửu đân thanh-kinh dưới Tôn Sen
Tưởng nhớ ngày vũ-trũ sáng bừng lên
Đón GIÁO-CHỦ giảng sanh thành LA-VÊ
Thuở xa ầy trần-gian trần nhàu lè
Muốn thoát say ngủy lén giữa giòng MÊ
Thuyền cứu-sinh ?

Không.

Quán hân tối về

Quay-cũng mãi trong vòng Sanh. Từ Khổ
Thương sanh-linh đau lòng Đức PHẬT TỔ
Laông-nghâm - ngục trước thăm trang đàn hương
Vườn LAM-TÝ-NÍ một sáng tinh sương
Hào-quang chiếu từ vàng dương chói-lọi
Chim reo hót, nhúc hân hoan vang dội
Ngọt-ngào hương giục Hoàng-Hậu MÃ-GIA
Đạo gót xem bao diêm tá hiện ru
Bao trăn khắp kinh-thành Vực TỈNH-PHÂN
Cây đầy trái, nước tràn khắp giếng can

Rực muôn màu cảnh-vật thắm tươi thêm
 Bên hoa Vô-tru Hoàng-Hậu dừng xem
 Trong phút đó chính là giờ xuất-thế
 Thái-Tử sanh : khắp núi rừng sông bể
 Rộn vui-mừng : Mừng Tám tháng Tư ôi !
 Mười chín xuân bao cảm-dỗ của đời
 NGÀI dứt sạch quyết tìm phương cứu độ
 Cho muôn vật luân-hồi trong bể khổ
 Mặc gian-nan thất-bại vẫn không sờn
 Mười một năm lận-lội khắp thâm-sơn
 NGÀI chứng ĐẠO sau bảy tuần nhập-dịnh
 Bốn chín năm Đức CHA HIỀN TÔN-KÍNH
 Độ muôn loài dùng đuốc TUỆ soi đưa
 Ôn cao sáu ôi ghi mấy cho vừa
 Truyền ĐẠO-PHÁP vạch lối về bến GIÁC
 Dạy chúng-sanh làm lành xa việc ác
 Diệt lòng THAM giải-thoát có đâu xa

Nghìn đời qua, kinh lay Đức THÍCH-CA
 Chúng con mãi ghi ơn NGÀI muôn thuở
 Chúng con nguyện sống tâm hồn cõi-mở
 Giữ lòng NHÂN theo dấu ĐẮNG TỪ-BI
 Nguyên mọi người diệt hết THAM, SÂN, SI
 Muôn vật thấy quay về chân TAM-BẢO
 Mồ nhíp đều lời KINH tan phiền-não
 Cung-kính quý tướng nhớ Đức MÂU-NI
 Vì muôn loài Đức TỪ-PHỤ ĐẠI-BI
 Đã giảng-thể tìm ĐẠO-MÀU giác-ngộ

HÙNG-PHONG

NƯỚC NHẬT CŨNG CÓ

MỘT ÔNG

NGUYỄN - TRƯỜNG - TỘ

★ TẾ-XƯƠNG

C HỨNG ta học Việt-sử
 đều nhớ một giai-đoạn
 quan trọng : hồi thế-
 kỷ thứ XIX nước ta đã bỏ lỡ
 cơ-hội duy-tân. Ông Nguyễn-
 Trường-Tộ sau khi du-lịch ngoại-
 quốc, về nước đã trình-bày với
 vua nước ta những tiến-bộ của
 khoa-học nước người và xin
 cho thanh-niên ta đi du-học
 hòng canh-tân xứ-sở.

Triều-đình nước ta hồi ấy hủ-
 lậu, đã bác bỏ những chuyện
 khoa-học do ông Nguyễn-Trường-
 Tộ kể lại mà họ cho là những
 ngụy-thuyết. Nếu như ta đã sáng-
 suốt mà phái người đi học lấy
 cái lạ của Âu-Mỹ, thì nước ta
 đâu có mắc vào ách thống-trị

của thực-dân Pháp gần 1 thế-kỷ
 và Việt-Nam đã góp mặt với các
 cường quốc thế-giới từ lâu rồi.

Cũng trong một thời gian mà ta
 đã bỏ lỡ cơ-hội duy-tân, thì nước
 Nhật nghe đại-bác của chiến-hạm
 Mỹ hồi năm 1853, đã mở cửa
 thông-thương với ngoại-quốc và
 tránh được cái họa ngoại-lai.
 Hồi ấy Nhật cũng có một
 Nguyễn - Trường - Tộ là ông
 Manjiro. Dầu chánh-sách thông-
 thương với ngoại-quốc do Mạc-
 Thủ quyết-định, song ông này
 cũng đã chịu nghe «Nguyễn-
 Trường-Tộ nước Nhật» một phần
 lớn và Manjiro đã thức-tỉnh
 được triều-đình Nhật kịp thời
 hủy-bỏ chánh-sách bế quan tỏa
 cảng.

Cuộc đời của Manjiro—Nguyễn-Trường-Tộ Nhứt-bồn — ra sao ? Chúng ta cũng nên biết qua.



Năm 1853 khi thủy-quân đại-tá Perry, đại-diện nước Mỹ, kéo chiến-hạm đến Phố-Hạ yêu cầu mở-cuộc thương-thuyết với Nhứt, ông phải ngạc-nhiên vì thấy chánh-phủ Nhứt trả lời giắc-thờ của Mỹ một cách mau lẹ. Bấy lâu nay, Nhứt đâu có cho phép dân-chúng tiếp-xúc với Tây-phương, mà sao lại có người hiểu tiếng Anh để dịch những đề-nghị của Mỹ và trả lời cũng bằng tiếng Anh, tỏ ra am-hiểu triệt-thấu ý-kiến của chánh-phủ Mỹ.

Sau người ta mới biết là nhà đương-cuộc Nhứt hồi đó có sẵn một người đặc-lục. Người ấy đã phiêu-bạt ra ngoại-quốc, đã học được tiếng Anh cùng những điều mới lạ của Âu-Mỹ, rồi đem hết sở-năng của mình ra giúp nước. Người ấy là Manjiro.

Manjiro xuất-thân là một ngư-phủ. Hồi 14 tuổi chàng đi đánh cá, gặp bão, ghe bị chìm, được một tàu đánh cá của Mỹ cứu. Năm ấy là 1841. Cuộc phiêu-lưu của Manjiro thật là kỳ-thú. Sanh tại đảo Shiboku, Manjiro theo các ngư-phủ đi ra ngoài biển cả, sống với gió to, sóng lớn.

Bị bão đánh hư ghe, chàng cùng 4 người nữa phải lên một hoang-đảo sống trong 6 tháng cuộc đời như Robinson, cái gì cũng phải lo lấy mà sống. Sau

có chiếc tàu đánh cá John Howland đến cứu họ. Bốn người được đồ-bộ lên Honolulu còn một mình Manjiro xin ở lại dưới tàu. Viên hạm-trưởng là đại-úy Whitfield, đưa Manjiro về quê-hương ở Massachussets và nhận chàng làm con nuôi, giúp cho chàng vào học trường Hàng-hải ở Barlett.

Manjiro có tài đặc-biệt về toán và luôn luôn đứng đầu lớp.

Sẵn óc thông minh, chàng tìm hiểu những tiến-bộ của Âu-Mỹ qua những sách tiếng Anh và những điều chàng quan-sát ở các nơi chàng được đặt chơn đến. Nghĩ lại nước Nhứt còn lạc-hậu quá, chàng nóng lòng muốn về nước để cảnh-tĩnh đồng-bào và đem những sở học ra truyền-bá trong nước.

Nhưng chàng lo sợ một điều là chàng có thể bị xử-tử vì luật nhà vua đã cấm không cho xuất-dương, ai bất tuân sẽ bị tử-hình.

Chàng đang do-dự, thì năm 1846, một dịp may-mắn đưa đến, giúp chàng được đi du-lich, mở rộng thêm tầm hiểu biết. Một nhon-viên cũ trong tàu John Howland, được làm hạm-trưởng chiếc tàu Franklin, bèn thâu-nhận Manjiro giúp việc trong thời hạn ba năm, cho chàng có dịp du-lich vòng quanh thế-giới. Đây là lần thứ nhứt, một người Nhứt được lãnh trọng trách cầm lái chiếc tàu, làm quen với những máy móc, dụng-cụ tối-tân hồi đó. Đến các hải-cảng. Manjiro còn

được quan-sát và nghiên-cứu công cuộc doanh-thương quốc-tế nữa.

Đi làm tàu được ba năm rồi, chàng thôi giúp việc cho chiếc Franklin và xin làm cho một tàu lớn hơn, chở những sừng nhà tới San-Francisco.

Lúc này là năm 1849, dân Mỹ đang đồ-xô đi tìm mỏ vàng ở Californie.

Chuyến đi làm sau này, Manjiro đề dành được 650 đô-la. Chàng tới Honolulu để tìm 4 bạn cũ, bốn người Nhứt đã chịu nạn chìm ghe với chàng. Đến nơi thì một người đã từ trần, còn lại có ba. Manjiro cùng ba người này cùng một lòng nhớ nước, muốn đem tài hèn sức mọn về giúp ích cho xứ-sở đồng bào.

Bàn luận hồi lâu, họ quyết định bỏ ra 100 đô-la mua một tàu đánh cá cũ mà họ đặt tên là « Phiêu-lưu » tính sẽ đồ-bộ lên đảo Riu-Kiu (Okinawa) để tiếp xúc với quê-hương tổ-quốc. Đến lúc khởi hành trong bốn người còn lại có ba vì một người bận-bịu vợ con, phải ở lại Honolulu sống với người vợ bồn-xử đã có con với anh ta, mà anh ta không nỡ rời bỏ.

Tàu vừa cập bờ biển Riu-Kiu thì bị nhà chức-trách địa-phương bắt giữ. Trong tàu chứa biết bao đồ vật lạ của người ngoại-quốc chế-tạo, Manjiro mua về làm quà cho bà con và cũng để làm bằng-chứng khi cần nói với nhà

cầm-quyền về những tiến-bộ của nước ngoài.

Vị tỉnh-trưởng có trách-nhiệm trên đảo Riu-Kiu, là ông Hariaki vốn là người có tánh ham biết. Ông nghe phúc-báo về những vật lạ trong tàu, ông cũng tò-mò muốn tìm hiểu ; một mặt ông ra lệnh giam cầm những người trọng tàu, một mặt ông cho triệu viên thuyền-trưởng tới để ông thăm-vấn.

Nariaki thấy Manjiro, liền chăm chú nhìn chàng từ cái đầu đã hót tóc theo Tây-phương, cho đến quần áo cũng không còn giữ theo quốc-phục nữa. Ông sẵn lòng lắng tai nghe các điều trình-bày của chàng thanh-niên phiêu-bạt giang-hồ, mới trở về xứ-sở.

Ông là người thức thời sáng-suốt. Biết rằng nước ngoài có cái mình cần phải học và bắt chước, ông ra lệnh cho Manjiro đóng một tàu chạy bằng máy, theo kiểu ngoại-quốc. Manjiro vâng lệnh. Chàng cùng ba bạn đồng-hành và một số thợ-thuyền địa-phương, lo đóng tàu. Những sách về thương-thuyền mà chàng đem từ ngoại-quốc về, đã giúp chàng nhiều tài-liệu cần-thiết.

Viết đến đây, chúng tôi lại nhớ hồi Pháp-thuộc, tại Hải-Phòng, cũng có một viên đốc-công giúp việc cho công-ty Bạch-Thái-Buổi, đóng được chiếc tàu Bình-Chuẩn và ráp nối tàu rất tài-tinh. Người Việt-Nam mình đâu có thua kém gì người các nước. Khi có dịp,

chúng tôi sẽ thuật chuyện đóng tàu Bình-Chuẩn để hiến bạn đọc. Bây giờ hãy trở về chuyện chàng Manjiro. Vị tỉnh-trưởng một mặt sai chàng đóng tàu, một mặt báo cáo về chánh-phủ Đông-Kinh về vụ bốn chàng xuất ngoại mới trở về nước. Ông được lệnh đưa họ đến Nagasaki.

Khi chiếc tàu « Phiêu-lưu » của họ tới hải-cảng này thì cả tàu và những đồ vật chở trong tàu đều bị tịch-thâu.

Manjiro được đưa tới dinh Hoàng thân Shima để hỏi cung. Chàng quý gối dưới thềm, đối diện với vị quan và trả lời trôi chảy các câu hỏi về văn-minh cơ-khí của Âu-Mỹ. Hoàng-thân hỏi :

— Ta nghe nói các nước chế ra thứ tàu gì mà không có buồm, không nhờ sức gió mà cũng chạy mau lẹ quá chừng. Tại sao thế ?

— Dạ đó là nhờ sức mạnh của hơi nước sôi.

Rồi Manjiro thấy cái ấm nước đang sôi trên lò, mà Hoàng-thân dùng để châm trà, chàng bèn lấy làm ví dụ và cho Hoàng thân thấy rõ sức hơi nước đây được cái nắp ấm cũng có thể đẩy được cái tàu, miễn là có thật nhiều hơi nước, cho đủ sức mạnh.

Hoàng-thân Shima nghe có lý. Ông còn hỏi về nhiều điều khác nữa.

Rút cuộc, ông phúc trình về Đông-kinh và đề-nghị rằng Man-

jiro cần được trọng đãi vì có ngày Quốc-gia sẽ dùng đến chàng.

Triều-dinh của Nhật - hoàng quyết-định cấm không cho Manjiro và ba bạn của chàng ra khỏi nước và cấm luôn cả đánh cá nữa. Chiếc tàu đánh cá của họ bị tịch-thâu, nhưng bù lại, họ được nhà chức-trách trợ-cấp cho mỗi tháng một số gạo mà sống. Ba người bạn đồng hành của Manjiro, rất hài lòng, trở về làng, sống cuộc đời bình-dị, không ai nghe tên tuổi nữa.

Còn Manjiro từ đây sống một vai trò quan-trọng trong lịch-sử nước Nhật.

Vừa lúc đại-tá Perry kéo chiến-hạm vào hải-phận nước Nhật, dâng quốc thư của Tổng-thống Huê-kỳ, dân chúng Nhật nao-động, đòi quyết chiến với người Tây-phương. Song triều-dinh Nhật-bồn sáng-suốt, mở cửa biển đón tiếp tàu Mỹ.

Manjiro đã được triệu lên Đông-kinh, được phong tước đề gia-nhập giòng quý tộc. Từ đó, ông làm việc không biết mệt, đem những ý-kiến, những điều hiểu biết ra bày tỏ cùng các quan trong triều, khiến nhà cầm quyền ý-niệm được thực-lực của ngoại quốc. Ông dịch những giác-thơ rất mau lẹ và phúc-đáp cho chiến-hạm Mỹ một cách rành rẽ, làm cho họ phải-ngạc nhiên.

Lúc ký hiệp-thước Nhật-Mỹ ngày 31 tháng ba 1854, Manjiro không có mặt. Ông làm việc trong bóng

tối. Khi nước Nhật đã mở cửa biển, thông-thương với ngoại-quốc rồi, ông còn nhiều việc nặng nhọc nữa. Chiếc tàu « Phiêu-Lưu » của ông được đưa từ Nagasaki tới Đông-Kinh dùng làm kiểu mẫu đóng những chiếc tàu đầu tiên của đội thương thuyền hàng hải. Manjiro còn phải dịch cuốn Navigator của tác-giả Bowditch, từ tiếng Anh ra tiếng Nhật. Một nước chưa có văn-minh cơ-khí, chưa có danh-từ khoa-học, mà phải dịch một cuốn sách về hàng-hải, thì thấy khó khăn biết bao, Manjiro phải tạo ra hết. Ông đã hoàn thành một công-trình vĩ-đại : ông dịch tới 22 cuốn sách về khoa-học, từ toán, lý, hóa, đến những đại-cương nền văn-minh các nước Âu-Mỹ.

Năm 1860 một phái đoàn ngoại-giao đầu tiên của Nhật sang Mỹ. Manjiro được đi theo làm thông-dịch-viên. Phái đoàn đi bằng chiếc tàu Kanrin Maru, mua của

Hòa-Lan và còn do một sĩ-quan Hòa-Lan điều-khiển. Đi giữa đường, viên hạm-trưởng này đau nặng. Thông-dịch-viên Manjiro lên thay thế cho ông ta và cầm lái tới bờ tới bến. Đây là lần đầu, một người Á-châu cầm lái một chiếc tàu biển chạy nơi Đại-dương.

Khi về nước, ông lại lãnh việc dạy nghề đánh cá bằng tàu cho các đồng bào ông ở miền duyên-hải. Chánh phủ Nhật mở các trường hàng-hải theo ý-kiến của Manjiro và cũng giao cho ông trọng trách đào-tạo những sĩ-quan hàng-hải đầu tiên của quốc-gia.

Manjiro từ trần năm 1898.

Tri mao-hiêm và lòng can-đảm của ông đã đẩy mạnh nước ông vươn mình lên để theo kịp bằng người.

Ông là Nguyễn - Trường - Tô nước Nhật. Ông thành-công vì nhờ được một triều-dinh sáng-suốt.



ÂM-NHẠC TRONG VIỆN ... BẢO-TÀNG

Một khẩu hiệu do ông Michael Nitghtingale, tổng thư ký viện Museum Association nêu lên trong các viện Bảo tàng Anh-Quốc : « Phải có âm-nhạc trong viện Bảo-tàng ».

Ông muốn rằng các viện Bảo-tàng cần có một cái gì hấp dẫn hơn nữa, ngoài hội họa cùng điêu-khắc.

L. H.

TÂY - TẠNG

MỘT CẢNH TUYẾT
HY - MÃ LẠP - SƠN

Hán hạ Bạch-Đẳng thành,
Hồ khuy Thanh Hải độ.
Cờ lai chinh chiến địa,
Kỷ kiến hữu nhân hoàn ?

LÝ-THÁI-BẠCH



« Quân Hán
vừa tiến xuống
thành Bạch-Đẳng;
Quân Hồ đã tới
dòm ngó ở bờ

Thanh-Hải. Từ xưa đến nay những
nơi chiến trường, ít thấy có kẻ ra đi
mà còn trở về ».

Bốn câu thơ trên đây của nhà
thơ Trung-Hoa đời Đường đã
cho ta thấy rõ một phần nào
cái cảnh máu xương chồng chất
suốt mấy mươi thế kỷ ở phía tây
biên thù Trung-Quốc.

Thanh-Hải ngày nay đã là một
tỉnh nằm trong bản đồ Trung-
Hoa, nhưng trước khi người
Hán đặt cho nó cái tên ấy, thì
người Tây-Tạng đã gọi nó là
Koukou Nor (Biển Xanh).

Nếu có những người Trung-
Hoa hôm nay còn nuôi cái mộng
được nhìn thấy biên thù phía
Tây của mình mở rộng đến sát
đỉnh núi Kara-Korum và Hy-mã-
Lạp, thì người Tây-Tạng cũng có
quyền nhớ lại một thời giang-sơn
của họ về phía đông còn gồm
cả những tỉnh Thanh-Hải, Tây-

TÂY-TẠNG

với

TRUNG-HOA

★ VIỆT-THÂN

Khang, Ninh-Hạ và một phần
tỉnh Tứ-Xuyên, Cam-Túc.

Cuộc đụng chạm đầu tiên của
người Hán và người Tây-Tạng
khởi diễn vào đời Hán Vũ Đế,
năm 118 trước Công giáo kỷ
nguyên.

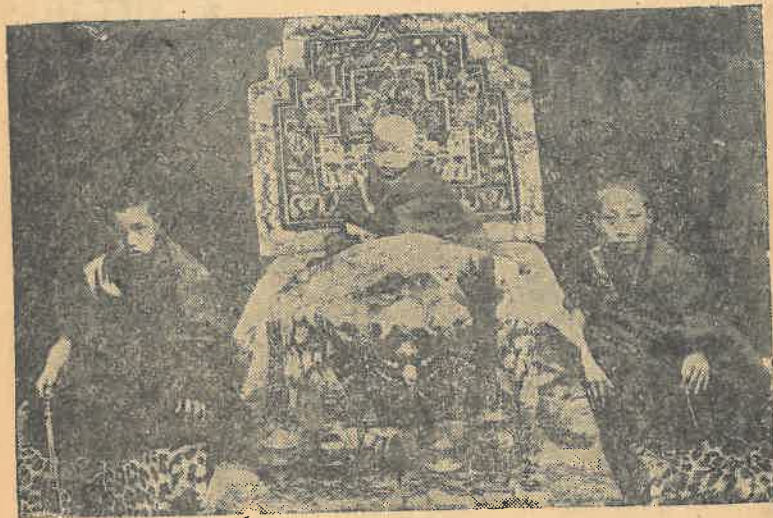
Hán đế muốn ngăn cản rợ
Hung-nô, hồi đó gọi là nước Lâu-
Lan ở phía Bắc dãy núi Nân-
Chân; Hung-nô muốn kết liên
với các bộ-lạc Tây-Tạng ở phía
Nam dãy núi ấy. Quân Hán lập
đồn ải ở miền bắc tỉnh Thanh-
Hải và phía Tây tỉnh Cam-Túc.

Năm 61 (trước c. ng) đời vua
Tuyên-đế, tướng Hán là Nân-
Kow, nghi ngờ người Tây-Tạng
muốn đánh úp mình, liền lập
mưu đánh lừa, mời các tù
trưởng Tây-Tạng đến để thương-
thuyết, rồi giết hết cả tướng sĩ
hơn một ngàn người. Dân Tây-
Tạng tức giận nổi lên giết hết
quan lại và quân Hán.

Triều Hán liền cử Đậu-tướng-
Quân tức Đậu-Cổ mang 6 vạn
quân lên trấn giữ biên thù.

Đậu - Cổ liền dùng phương
pháp « dĩ Di diệt Di » chia rẽ

các người cầm đầu bộ lạc Tây-Tạng. Khi biết nội bộ đối phương đã lung củng, Đâu-Cổ liền đem quân đến đánh, người Tây-Tạng phải bỏ cả trâu bò xe ngựa mà chạy. Sử Trung - hoa chép rằng quân Hán thu được hơn mười vạn trâu bò lừa ngựa và hơn bốn ngàn cỗ xe.



Vị ĐAI-LAT-MA (DALAI-LAMA) khi còn nhỏ tuổi. Hai bên là hai vị LAT-MA khác.

Hai mươi năm sau, dưới triều vua Thành-đế, quân Tây-Tạng lại vượt sông Hoàng-hà, tiến đến tận miền đồng bằng sông Wei (thuộc tỉnh Cam-Túc).

Hán lại sai tướng là Fông cầm quân lên tận thượng lưu sông Wei để dẹp quân Tây-Tạng. Thua

trận, các bộ-lạc Tây-Tạng phải chạy về Đại-Đàm (Tsaï-Đam) tức là tây-bắc Thanh-Hải hiện nay.

Năm thứ 4 (sau công-nguyên), cuối đời Tây-Hán, dưới triều Bình-đế, tỉnh Thanh-Hải là nơi lưu đầy những kẻ tội phạm. Số tội nhân này có đến mấy ngàn người.

Chiến thuật «*đem tù nhân đi mở đất*» này cũng không có kết quả, cho nên đến năm 34 và 36, người Tây-Tạng lại khởi-nghĩa, nhưng bị đánh thua.

Năm 77, Tây-Tạng lại cướp được Thanh - Hải và giữ được một năm.

Năm 86, dưới triều Chương-Đế và Hòa - Đế, quân đội Tây-Tạng lại tiến vào đồng bằng sông Hoàng-Hà.

Năm 88, nhờ ở sự chia rẽ của các bộ-lạc Tây-Tạng, Hán thiết lập được chính quyền tận miền Đại-Đàm, và Tây-Tạng phải rút về Jyakendo sát với biên giới Tây-Tạng, Thanh-Hải hiện nay.

Từ năm 108 đến năm 111, triều vua An-đế cuộc chiến-tranh giữa Tây-Tạng và Hán lại càng ác liệt hơn. Hán sử gọi người Tây-Tạng hồi đó là rợ Khương.

Nội tình Trung-Hoa hồi ấy thật là điêu đứng. Thuế má nặng, quân phi tonton, nhân dân bần cùng, nổi lên làm loạn diễn ra cái cảnh «*quần đạo phong khởi*», (giặc cướp nổi như ong).

Quân Khương tiến vào chiếm các miền Cam-Túc, Sơn-Tây, Tứ-Xuyên, Hà-Bắc.

Các tướng Hán đi dẹp Tây-Tạng hồi đó là Ou-Hou, Tchang-Hoan và Toan-Koung.

Cuộc tranh chiến giữa hai giống nòi cứ kéo dài suốt mấy triều Đông Hán, Hậu Hán, qua thời Tam-Quốc sang triều đại nhà Tấn.

Năm 297, triều Tấn Huệ đế, người Tây-Tạng lại xâm-phạm đến gần kinh - đô là thành Trường-An.

Tấn sai tướng là Tchéou-Tchéou, dưới quyền thống lĩnh của đại-tướng Seuma-Young đi dẹp loạn. Nhưng hai tướng bất hòa, thành ra Tchéou Tchéou bị tử-trận cùng 5000 quân, còn Seuma-Young phải rút về.

Lịch-sử Tây - Tạng bắt đầu chuyển hướng từ triều vua

Lathathori (337), ngang với đời Khang-Đế nhà Đông - Tấn trong lịch sử Trung-Hoa.

Trong đời này Phật giáo bắt đầu gây ảnh hưởng ở Tây-Tạng.

Đến triều Thothorynyartsan (371) đồng thời với Hiếu-Vũ-đế, cuối triều nhà Tấn bên Tàu, thì Phật giáo đã chiếm được một địa-vị khả quan.

Năm 385, một việc quan-trọng xảy ra cho hai nước Tây-Tạng và Trung-Hoa. Đó là loạn Ngũ-Hồ.

Một viên tướng nhà Tấn, gốc tích Tây - Tạng, giả xưng là con cháu nhà Hán, chống lại Tấn triều, lập nên nước Hậu Hán, đóng đô ở Trường-An. Nhà Tấn phải chạy xuống phía nam, dời đô về Kiến-Khang.

Lịch-sử Trung-Hoa trải qua loạn Ngũ - Hồ, thời Nam Bắc Triều, rồi sang đời nhà Tùy.

Đời Tùy Dạng Đế, năm 607, từ trưởng Tây-Khương, thu phục được các bộ-lạc khác, lập nên nước Thổ-phồn (Tây-Tạng) mở rộng phía Tây đến giáp biên thủy Ấn-độ, rồi lên ngôi vua hiệu là Namrisrongstan (Nam-lý Song-Tán).

Con của Nam-lý-Song-Tán lên nối ngôi vào năm 629, tức là Srongtsangampo (Song-Tán đệ nhị).

Bấy giờ, ở Trung-Hoa đã hết đời nhà Tùy, sang đời Đường, vua Đường-Thái-Tôn ông vua thứ hai.

Song-Tán đệ nhị là vị vua thông-minh và anh hùng nhất trong lịch-sử Tây-Tạng. Tiếp tục cuộc mở mang đất nước của cha, vị vua này tiến sang phía đông lấy hết miền Thanh-Hải (Kou-kou-Nor), và phía tây nam, chinh-phục nước Nê-bạc-nhĩ (Népal), kết hôn với công chúa nước ấy tên là Brikhouti. Công chúa là một tín đồ Phật giáo.

Đời đô từ miền tây sang miền đông là Lạp-Cát (Lhassa). Chữ Lhassa có nghĩa là « nơi thần Phật ngự-trị ». Và, ở kinh-đô Lhassa, vua cho xây cung điện trên núi « Hồng-Son » (Marpori). Chính ở nơi cung điện ấy, ngày nay là điện « Potala », nơi ngự-trị của các vị Đại Lạt Ma.

Dưới triều Song-Tán đệ nhị, văn-minh Tây-Tạng tiến vượt một cách không ngờ.

Mở đường, xây cầu, đào sông, khuyến-khích tiểu công-nghệ, du nhập nghề dệt tơ lụa, dạy dân cách dùng lịch và các dụng-cụ đo lường.

Năm 634, vua Song-Tán sai sứ sang thông hiếu với nhà Đường.

Năm 639, sai quan đại thần là Thonmi Sambhota cùng 16 người tùy tùng sang Ấn-độ thỉnh kinh, học chữ Phạn, rồi phỏng theo văn Phạn-ngữ, đặt ra văn Tây-Tạng truyền-bá cho dân.

Một việc đáng kể nữa, là việc sang Đường cầu hôn.

Hồi đó, theo sử Trung-Hoa, Tây-Tạng có đến mười vạn quân

thiện chiến. Biết vua Đường nể sợ, không muốn gây chiến tranh với mình, Song-Tán sai quan sang Trung-Hoa, năm 641, xin lấy công chúa Wen-Tchen, con vua Đường-Thái-Tôn. Đường triều phải nhận lời, cho quan quân hộ tống công chúa sang Lạp-Cát.

Cùng với công chúa, Đường-Thái-Tôn còn gửi kinh sách Khổng giáo và Phật giáo sang làm quà cho vị vua láng giềng phía Tây.

Để đáp lại, vua Song-Tán cho một số học sinh con nhà quý tộc sang Tây-An-Phủ, để thâu thái văn-hóa Trung-Hoa.

Nhờ sự cảm hóa của hai vị hoàng hậu Phật tử, vua Song-Tán sùng kính đạo Phật, và cho xây ở kinh đô Lạp-Cát hai thiền viện Labrang và Ramotch'é để thờ hai tượng Phật quý giá do hai hoàng hậu mang về.

Năm 648, quân đội Tây-Tạng cùng với quân đội nhà Đường, sang xâm lược vương quốc Magadha, thuộc Ấn-độ.

Cuộc hòa hiếu kéo dài được đến năm 670. Năm 670, triều vua Cao tông nhà Đường, quân đội Tây-Tạng lại tiến sang vùng Tân-Cương, Thanh-Hải, và đến năm 678, sử sách còn ghi lại một cuộc đại bại của 20 vạn quân Trung-Hoa.

Năm 680, biên thù Tây-Tạng phía đông và phía tây suốt từ

cao nguyên Pamir đến tỉnh Sơn-Tây của Trung-hoa bây giờ.

Năm 763, dưới triều vua Thisrongdetsan (Ngật tức Song đế tán), đồng thời với vua Đại tôn nhà Đường, quân đội Tây-Tạng cùng với các bộ-lạc phía bắc Trung-Hoa, tiến vào vây hãm kinh đô Trường-An, sau vì chia rẽ nên lại phải rút về.

Suốt từ thế kỷ thứ tám đến thế kỷ thứ 12, qua các triều nhà Đường, thời Ngũ Đại phân tranh, sang đến giữa đời Tống, cương vực Tây-Tạng gồm suốt một dãy biên thù phía Tây và một phần đất Sơn-Tây thuộc Hoa Bắc. Thuở ấy, sử Trung-Hoa gọi phần đất đai của Tây-Tạng là nước Tây-Hạ.

Nhưng, trong khoảng thời gian ấy, từ đầu thế kỷ thứ 9, lực lượng Tây-Tạng đã bắt đầu suy yếu.

Năm 801, người Ả-Rập vào xâm lăng miền cao nguyên Pamir.

Năm 1035, xảy ra cuộc phân tranh giữa những bộ lạc Tạng thuộc nước Tây-Hạ, và những bộ-lạc Tạng trung ương ở Lhassa.

Hai thế kỷ trôi qua, cho đến năm 1209, Tây-Tạng trở thành chư hầu của người Mông-Cổ.

Qua đời Nguyên sang đời Minh, cuộc tranh đấu lại tiếp diễn.

Năm 1377, triều Minh Thái Tổ, Tây-Tạng vào cướp Tứ-Xuyên.

Đồng thời với triều đại nhà Minh, lịch sử Tây-Tạng bước sang một giai đoạn mới : cuộc cải lương Phật Giáo.

Vị lãnh-tụ công cuộc cải-cách tôn giáo này là Tông-Cáp-Ba (Tsonkhapa), sinh năm 1357, tại Darakhatché, thuộc xứ Amdo, miền đông Tây-Tạng.

Sau khi Tông-Cáp-Ba mất đi (năm 1419) cháu của ngài là Gen-doundoub được tôn lên làm Đại Lạt Ma (Dalaí Lama), đây là vị Đại-Lạt-Ma thứ nhất.

Khi sử Trung-hoa đã từ đời Minh bước sang đời Thanh, thì ở Tây-Tạng đã tới vị Đại-Lạt-Ma thứ năm.

Triều Khang-Hi nhà Thanh (năm 1717) có Sách-Võng là cháu tù trưởng rợ Chuẩn Cát Nhĩ vào cướp phá kinh đô Tây-Tạng Lạp-Cát (Lhassa). Khang-Hi sai quân sang đánh đuổi Sách-Võng rồi đặt một viên Trú Tạng đại thần (Amban) ở đấy. Thế là từ đó, Tây-Tạng bị nội thuộc Trung-Quốc.

Năm 1727, dưới triều Ung-Chính nhà Thanh, Tây-Tạng khởi nghĩa nhưng lại bị dẹp ngay.

Cũng vào thời-gian này, từ năm 1715 đến 1740, một số giáo-sĩ đạo Thiên-Chúa tới thăm Lhassa, và năm 1811 một người Ấng-lê : Thomas Manning ; năm 1846, hai người Pháp Huc và Gabet. Đây là những người Âu đầu tiên tới đất Tây-Tạng.

Triều Càn-Long (1736 — 1795), nhiếp chính vương Tây-Tạng là Djourmed Namdchal, mưu khởi-nghĩa. Việc tiết lộ, bị quân Trung-Hoa giết chết. Sau đó, dân chúng tức giận, liền giết hai viên

Trú - Tạng nhà Thanh. Thanh phải cho quân đội sang đánh dẹp.

Triều - đình Thanh nghị cho người ngoại - quốc xui giục, liền ra lệnh cấm giáo - sĩ và người Âu vào đất Tây-Tạng. Chức nhiếp chính cũng bỏ từ đó.

Năm 1901, nước Nga, dưới thời Nga-Hoàng, định nhúng tay vào Tây-Tạng, hồi đó là triều Đại-Lạt-Ma thứ 13. Năm 1904, quân - đội Ăng-Lê ở Ấn-Độ thuộc tướng Macdonald và do đại-tá Young-husband chỉ-huy, sau khi phá thành Phari ở biên - thủy, tiến vào Lhassa, bắt được viên tướng Trung-Hoa họ Mã.

Cuối năm 1908, Đại-Lạt-Ma, nhận lời mời sang thăm triều - đình Thanh. Hồi đó là triều vua Quang-Tự do Từ-Hy thái-hậu nhiếp chính.

Năm 1906, có hiệp ước Bắc-kinh, nước Anh và nước Nga cam-đoan không nhúng tay vào nội-tình Tây-Tạng.

Tháng 12 năm 1909, Đại Lạt-Ma trở về Lhassa, những cuộc khởi-nghĩa chống áp-bức Trung-Hoa lại tiếp diễn. Quân đội Trung-Hoa, dưới quyền tướng Tchao Eul Fong, như những đoàn thú dữ, tiến vào tàn phá thủ-đô Tây-Tạng. Tượng Phật bị phá ra đúc đạn, kinh sách bị đốt. Năm 1910, Đại-Lạt-Ma phải trốn khỏi

kinh thành, qua đèo Djeled, sang đất Ấn-Độ. Nước Anh, nước Nga và nước Nhật lại can-thiệp với triều - đình Thanh. Nhưng Thanh triều liền tuyên bố truất quyền vị Đại-Lạt-Ma và đưa vị Ban Thiền-Lạt-Ma lên thay. Kết quả : toàn quốc Tây - Tạng nổi dậy. Triều Thanh lại muốn điều-đinh với Đại-Lạt-Ma.

Cho đến năm 1912, vị Đại-Lạt-Ma trở về Lạp - Cát. Quân đội Trung-Hoa bị đuổi ra khỏi biên-thủy. Vừa đúng thời gian đó, triều Mãn-Thanh suy-vong, cách-mệnh nổi dậy, Quốc dân đảng lên cầm quyền.

Hòa-ước Simba năm 1914, ký-kết giữa Trung-Hoa, Anh và Tây-Tạng. Anh thừa nhận Trung-Quốc là nước tôn chủ ở Tây-Tạng, nhưng Tây - Tạng phải được hưởng chế-độ tự-trị.

Rồi đến cuộc thế chiến thứ nhất xảy ra. Đại-Lạt-Ma gửi một số quân sang chiến-đấu bên cạnh quân Anh. Qua cuộc thế chiến, những thanh - niên Tây - Tạng được gửi qua biên-thủy để học tập quân sự với người Anh. Nhật-bản cũng nhận giúp dụng-cụ vũ-khí.

Đại tướng Tây-Tạng Tsarong Chapé định tổ chức một quân đội theo lối Âu-Châu.

Năm 1917, người Trung-Hoa định tiến vào Tây-Tạng nhưng bị thất bại.

Năm 1920, người Anh lập một đường điện thoại từ Lhassa đến biên thủy Ấn.

Ăng-lê dần dần gây được ảnh hưởng ở Tây-Tạng. Vị Ban Thiền Lạt Ma, vì thân Trung-hoa phải trốn ra khỏi nước.

Tháng 12 năm 1934, vị Đại Lạt Ma thứ 13 của Tây-Tạng mất. Sau đó, vị Ban Thiền Lạt Ma trở về, rồi đến tháng 11 năm 1937, cũng mất ở Jakyendo.

Đại Lạt Ma thứ 14 của Tây-Tạng sinh năm 1936.

Mặc dầu không nắm được thực quyền ở Tây-Tạng, người Trung-Hoa luôn luôn ôm cái mộng làm bá chủ xứ này.

Năm 1951, quân đội Cộng-Sản Trung-hoa của Mao-trạch-Đông, sau khi chiếm được Trung-quốc lại tiến vào Tây-Tạng, nối tiếp cái mộng xâm lăng muôn ngàn đời.

Nhưng dân tộc Tây-Tạng vẫn luôn luôn giữ vững tinh thần bất khuất. Cuộc tranh đấu khi âm thầm, khi mãnh liệt vẫn nối tiếp nhau xảy ra.

Cho đến cuối tháng ba năm 1959 vừa đây, cuộc khởi nghĩa lại bùng lên. Vị Đại Lạt Ma lại phải bỏ trốn ra ngoài. Vẫn theo chiến thuật của triều Mãn-Thanh, Trung-Cộng lại định đưa một vị

Ban-Thiền Lạt-Ma lên làm bù nhìn.

Nhưng, cũng như dưới triều Mãn-Thanh, cuộc khởi nghĩa lại càng lan rộng.

Bộ-lạc Khampa, di duệ của nòi Di ngày xưa, bộ-lạc có tinh thần quật khởi mạnh nhất, hiện lãnh đạo cuộc chiến tranh sinh tử.

Ở hậu trường sân khấu Tây-Tạng, người ta lại thấy thấp thoáng bóng người Nga — mặc dầu là Nga Cộng-Sản — và người Ăng-Lê.

Rồi đến Trung-Hoa quốc-gia, mượn cuộc khởi nghĩa Tây-Tạng làm bàn đạp để đặt chân lên đại lục Trung-Hoa.

Toàn thể giới hiện đang nhìn về cao nguyên Tây-Tạng.

Người ta tự hỏi : Đây là cuộc chiến đấu của thế giới tự do, của những con người có tin ngưỡng, với Thế giới Cộng-Sản độc tài vô thần, hay là mối thù truyền kiếp của hai nòi Tạng Hán ?

Cũng có thể chỉ là cuộc tranh đấu của Trung-Hoa Quốc-gia và Trung-Hoa Cộng-Sản.

Mà, biết đâu lại không là cuộc nổi dậy của một giống nòi, nòi Di, mà mối thù diệt-tộc vẫn còn in sâu trong tâm khảm, dù cho giòng lịch sử phũ phàng đã cổ tình vùi lấp đi từ mấy ngàn năm ?

★ NGUYỄN-VỸ

Phác-họa một thời-đại

THI - SĨ VĂN - SĨ

VIỆT-NAM ở HÀ-NỘI

hồi tiền-chiến 1930-1940

Loạt bài này viết để đáp lại ý muốn của đa số bạn đọc yêu cầu tôi nói về đời sống tinh-thần và vật-chất của các Thi-Văn-Sĩ ở Hà-nội hồi tiền-chiến. Đây tôi chỉ kể những điều tôi biết.

2. — LƯU - TRỌNG - LƯ

TÔI không thấy một người nào có chất thi-sĩ đầy-đặc trong tâm-hồn và cả trên thể-xác, như Lưu-trọng-Lư. Trong thời-gian tôi quen biết anh và thỉnh-thoảng gặp anh, — chúng tôi thì nay đây, mai đó, như mây, như gió..., mỗi lần gặp tôi có cảm-trưởng như anh ta là một con người « lơ-mơ... » bất-trị ! Anh cứ bảo với tôi rằng anh không thấy ai mơ-mộng như tôi, nhưng sự thực thì tôi không thấy ai mơ-mộng như anh.

Lưu-trọng-Lư lạc bước vào làng Thơ Việt-nam, gót chân lơ-đềnh, cặp mắt ngo-ngác, với một nụ cười xa-vắng. Tay anh cầm một quyển truyện mỏng của anh vừa in xong, nhan-đề là « **Người Sơn-Nhân** ». Một quyển truyện ? Thực ra, không phải hẳn là một quyển truyện. Nhan-đề là « **Người Sơn-Nhân** », cũng không phải hẳn là « **Người Sơn-Nhân** ». Tôi có thể gọi đó là một bài thơ cũng

được. Và có thể đổi nhan-đề là « **Người Thi-nhân** » cũng thế ! **Lưu-trọng-Lư** đâu có biết Lưu-trọng-Lư là Thi-sĩ. Lưu-trọng-Lư cũng chẳng hề biết Lưu-trọng-Lư là Lưu-trọng-Lư. Anh mở tập « **Người Sơn-nhân** », kể cho tôi nghe. Anh kể một câu-chuyện văn-vơ, đượm màu triết-lý văn-văn. Nhưng dễ thương làm sao !

Tôi yêu Lưu-trọng-Lư từ hôm anh kể cho tôi nghe chuyện « **Người Sơn-nhân** » : chuyện người Thi-nhân.

★
MỘ T tiếng cười đồn-dã, như tiếng nắng rạn-nứt giữa mùa Hè. Lưu-trọng-Lư chộ tôi trên bờ lẽ đường Đồng-Khánh. Tôi cũng nứt ra một tiếng cười tan-tác. Nhưng Lư hỏi :

— Cậu biết sao tớ cười không ?

Tôi ngó Lư như lâu lắm không ngó chàng. Tôi trả lời :

— Hôm nay hình như khắp cả thiên hạ ai cũng cười.

Lư lại dồn-dập hỏi :

— Cậu có tiền trong túi không ?

— Nếu có thì đã không cười.

Lư vồn-vả nắm tay tôi :

— Hai đứa mình đi tiệm Nghi-Xuân ăn tô phở tái.

Tôi quay lại, đi với Lư. Tôi định sáng nay đến Thư-viện của Trường Bắc-Cổ, nhưng gặp Lư-trọng-Lư thì còn đi Thư-viện làm gì. Đọc theo Bờ-Hồ Hoàn-kiểm, đến phố Cầu-Gỗ. Lư đứng lại ngó tôi. Bây giờ tôi mới nhận thấy đôi mắt của Lư sâu-hoáy, tối om-om. Lư bảo :

— Hình như hôm nay thiên-hạ không ai có tiền cả.

— Cậu cũng không có à ?

Lư-trọng-Lư cười .:

— Nếu có thì lúc nãy mình đã không cười :

Chàng quay ngó lại Bờ-Hồ. Mấy khóm dương-liễu đang buông tơ xuống mặt nước ánh vàng. Lư bảo :

— Tụi mình đi hết cái hồ Hoàn-kiểm mà không gặp đứa nào có tiền nhĩ.

— Thế thì đừng đi ăn phở nữa vậy.

— Ủ, thôi, đi về nhé ?

— Đi.

Hai đứa quay gót trở về con đường lúc nãy.

Đọc theo Bờ-Hồ, băng qua đường Đồng-Khánh, dài đến một cây số.

Về nhà Lư ở phố Hàm-Long Lư lại bàn ngồi. Trên bàn có mấy tờ giấy bừa-bãi. Lư cầm bút viết tiếp bài thơ bỏ dở :

*Xin rước cô em bước xuống
thuyền.*

*Thuyền tôi sắp trầy chồn Thần-
Tiên ...*

Tôi cười :

— Cô em nào đấy ?

Lư-trọng-Lư vút quần bút xuống bàn, kéo tôi lại ngồi giường. Anh kể một câu chuyện tình vớ-vẩn, đượm một màu triết-lý vớ-vớ. Chuyện tình không có, triết-lý không có, mà Lư-trọng-Lư cũng đâu có ! Tất cả đều tưởng-tượng. Lư-trọng-Lư t ư ở n g-tượng ra Lư-trọng-Lư.

Người anh gầy. Hai má cốp. Tóc không bao giờ chải. Không biết diện, và không biết yêu. Anh có người vợ bán nước-mắm, mà anh không thích ở gần. Không phải tại nước-mắm. Chính là tại anh, anh không ở gần một người đàn-bà nào cả. Trong thời-gian tôi biết Lư-trọng-Lư tôi không bao giờ gặp Lư bên cạnh một thiếu-nữ, hay một thiếu-phụ, đẹp hay xấu. Trong bóng tối, ngoài ánh sáng, Lư-trọng-Lư chỉ có Lư-trọng-Lư một mình.

Tôi nghe người ta nói Thi-sĩ là giống đa-tình. Có đúng thế không? Sao mà Lư-trọng-Lư không có đa-tình ? Hà-nội hời đó biết bao cô gái đẹp, Thi-sĩ họ Lư chẳng

nhìn một cô, chẳng yêu một cô, bởi chẳng không có, cho nên nang đầu có !

Lư-trọng-Lư là một ảnh-tượng lơ-lửng trong thời-gian. Chàng có một mảnh tim hồng, nó bay vờ-vời trên khung xanh như con diều giấy, dính một đường dây, chấp-chờn trong gió, vi-vũ trong mây.

Cho nên Thơ của Lư-trọng-Lư phẳng-phất một hơi thu, một nắng hè dịu mát, một khói lam chiều, một thuyền mơ phiêu-diêu, một hơi tiêu man-mác.

Một tiếng bước của Nai vàng « xào-xạc trên lá vàng khô » . . .



Bởi tính-chất của Lư như thế, nên Thi-sĩ họ Lư không chịu được những chuyện thực-tế, nhất là những thực-tế bần-tiện bỉ-đi.

Lư-trọng-Lư không thích chơi với **Thế-Lữ**, mà lại ưa ông **Phan-Khôi**, và các anh **Lan-Khai**, **Nguyễn-triệu-Luật**, **Vũ-trọng-Phụng**, **Lê-tràng-Kiều**. Với giọng nói trọ-trẻ đặc-biệt, (giọng Quảng-Bình) và nụ cười đôi khi khinh-miệt, đầy nét trào-phúng, Lư ngạo **Nguyễn-công-Hoan** là « văn-chương gõ đầu trẻ », cười bọn « thi-sĩ » hay tưng-hót **Thế-Lữ** là « lũ

chạy hiệu » và gặp giữa đường không bao giờ anh bắt tay họ.

Anh có kể cho tôi nghe anh gặp ông **Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu** một lần, lại là lần mà ông ta đang say túy-lúy. Anh không chịu được cái say của **Tân-Đà**, nhưng rất yêu thơ của **Tân-Đà**.

Một đêm, vào cuối năm 1939, hồi bắt đầu chiến-tranh, tôi đang ngủ trên một gác trọ của một người bạn ở phố **Quan-Thánh**. Lúc này tôi đang trốn tránh vì nghe tin **Mật-thám** muốn kiếm bắt tôi, cho nên các bạn của tôi không biết tôi ở đâu. Bỗng dưng, gần 2 giờ sáng, có tiếng gõ cửa ầm-ầm. Bạn tôi chạy ra bao-lơn ngó xuống đường cái, thấy một bóng người ngồi trên xe kéo, gục đầu vào thanh xe. Bạn tôi lên tiếng hỏi :

— Ai hỏi gì đấy ?

Anh phu xe ngước mặt lên đáp :

— Có một ông say rượu, bạn của ông, muốn xin vào ngủ nhờ.

— Bạn tôi là ai ?

Anh xe không biết tên. Người ngồi gục đầu trên xe vẫn làm thình, như không biết gì. Bạn tôi hỏi ý-kiến tôi, tôi bảo anh cứ xuống mở cửa xem ai. Tôi đã đề-phòng mọi bất-trắc, thì một lúc lâu bạn tôi diu lên cầu thang một xác người bèo-nhèo, không cử-động. Tôi đến gần xem : **Lư trọng-Lư !**

Chúng tôi đỡ Lư nằm trên bục gỗ. Người anh lạnh như đá. Chúng tôi lấy chân đắp cho anh, lấy dầu nhị-thiên-đường xoa khắp thân-thể anh. Một lúc, tôi khẽ gọi :

— Lư ! Cậu sao thế, cậu ?

Lư uể-oải, cổ gượng trả lời từng tiếng, với giọng Quảng-Bình trơ-trẻ :

— Tao ăn... thật... chớ... tao hút... thuốc phiện... nhiều... quá... quá... cho tao cái chậu... để tao nôn... tao nôn... tao nôn...

Bạn tôi lật đặt ra sân sau đem một cái chậu vào. Lư-trọng-Lư nín lấy vai tôi để rón ngời dậy...

Bấy giờ tôi mới ngửi thấy sặc mùi thuốc phiện. Tôi biết Lư-trọng-Lư hút thuốc phiện đã lâu, nhưng tôi không dè anh ghiền nặng thế. Một bạn làng văn thường nằm hút với Lư ở trên gác một tiệm hút Chợ Hôm, cho tôi biết rằng có đêm Lư-trọng-Lư hút đến 100 điếu. Tôi không biết đúng hay không, nhưng tôi tưởng-tượng 100 cuộn khói phù-dung mỗi đêm thắm vào trong tim phổi, thảo nào Lư không mỗi ngày mỗi dết đi !

Nhưng tôi không ngạc-nhiên lắm, vì cái cốt-cách mơ-mộng thần-tiên của Thi-sĩ họ Lư nhất-định là xui chàng phải làm bạn với ả Tiên-Nâu. Lư mà không hút thuốc phiện thì tôi mới lấy làm lạ.

Tôi đã nói Lư-trọng-Lư không có. Chúng ta chỉ thấy có cái bóng của Lư-trọng-Lư trong gió bụi mà thôi. Chàng có lẽ là hiện-hồn của một Thi-sĩ mơ-mộng đời nhà Đường, một Lý-Thái-Bạch, hay một Đỗ-Phủ, lạc-loài xuống đất Việt chăng ?

Cho nên Văn-Thơ của Lư-trọng-Lư không có gì là thực-tế cả. Lư chỉ mượn những cảnh-vật nào trên trần-ai mà chàng thấy có đượm đôi nét u-hoài của tiên-giói, để làm khung-cảnh cho những giấc mơ của chàng. Ngoài ra, mọi vật đều là hư-vô.

HỒ I tôi bị bắt vào lao Mật-Thám Hà-nội, các bạn trong tù cho tôi biết rằng Lư-trọng-Lư và Khái-Hưng cũng đã bị bắt trước tôi, và đã bị đưa đi an-trú tại Vũ - Bản. Tôi không biết đúng hay không, vì tôi không gặp hai anh ấy trong tù.

Khái-Hưng bị bắt thì tôi có thể tin được, vì nghe các bạn cho biết là anh ấy ở trong một đảng thân Nhật. Còn Lư-trọng-Lư ?

Năm 1947, một cô bạn gái ngẫu-nhiên tôi gặp ở Saigon, trước có làm giáo-viên ở Đồng-Hới và có quen biết Lư-trọng-Lư, kể cho tôi nghe những ngày đau-khổ của

Thi-sĩ họ Lư ở Huế trong khoảng 1944-45.

Theo cô bạn ấy thuật lại, thì Lư-trọng-Lư ở trong một túp nhà lá lụp-xụp ở ngoại-ô Huế. Tình-cảnh của anh đói rách rất đáng thương. Mấy người bạn nào đó có cho anh một ít áo quần và tiền bạc. Nhưng anh bị đau-ôm liên-miên, chính cô bạn ấy phải lo săn-sóc giùm. Nhưng sự giúp đỡ của người ta có hạn, dần dần Lư-trọng-Lư bị bỏ nằm chèo queo trong cảnh bần-hàn bịnh-hoạn. Hình như anh không có con (ở Hà-nội tôi không thấy có). Còn chị vợ buồn nước-mắt, không nghe ai nhắc đến.

Thời-kỳ Việt-Minh mới lên nắm chánh quyền, cũng theo lời cô bạn thuật lại, Lư-trọng-Lư làm cán-bộ Công-An đi bắt thuốc phiện lậu

Kỳ sau : TẢN-ĐÀ NGUYỄN - KHẮC-HIỆU.

★ LÀM ƠN MẮC OÁN

Một hôm tôi đi ngang qua hè phố, gặp một em bé đang đứng khóc tức tưởi. Mẹ nó đứng bên cạnh, thấy tôi đi liền nhờ tôi hăm dọa nó để nó sợ mà nín khóc. Vốn là người hay giúp đỡ và hay làm oai, tôi liền trợn mắt quát :

— Im mồm ! Tao mỗ bụng bây giờ.

Mẹ đứa bé bảo :

— Dạ, tôi sợ lắm, thôi nín đi con.

Đứa trẻ tỏ vẻ sợ hãi nín bật nhưng miệng còn mếu.

Tôi vội bước đi nhưng lại nghe mẹ đứa bé bảo con :

— Ông đó dọa con hà, được rồi, để mẹ đánh chết cha ông ấy con nhé !

Tôi vừa đi, vừa tức cười.

LÊ S.

ở Huế ! Nếu thật đúng như vậy thì đáng tức cười quá !

1948-49, tôi có đọc mấy bài thơ ký tên Lư-trọng-Lư trong vài tờ báo xuất-bản trong Chiến-khu miền Trung, tôi không tin của Lư. Mãi về sau này, tôi lại được đọc một bài của anh trong một tập sách của một cơ-quan văn-hóa Việt-Cộng, xuất-bản tại Hà-nội. Tôi không ngạc-nhiên nữa, nhưng tôi hết sức buồn.

Trong bài thơ ấy, Thi-sĩ mơ-mộng của mùa Thu dịu-lành, lại ca-ngợi sự chém giết, và say-sưa hồ-hào việc đổ máu.

Ngồi bút của anh trước kia chép văn thơ Tiên trong mây trong gió, bây giờ lại chấm vào máu viết trên đầu-lâu, sọ dừa.

Than ôi, thế-cuộc đảo - điên ! Cho đến đời Lư-trọng-Lư hiền-lành thân-mến của tôi cũng không còn là Lư-trọng-Lư nữa ư ?

NGUYỄN-VỸ

THƠ' VUI

Gởi Ông NGUYỄN-VỸ

Chúng tôi là thi-sĩ,
Cố tập hay đăng trí,
Thơ viết xong bỏ bì
Thấm nước miếng dán kỹ
Lên xe đạp mang đi
Giữa đường quên địa-chỉ !
Liền bóp đầu suy nghĩ
Chấp lấu rần nhớ kỹ :
« Báo Phê-Thông tạp-chí
« Mỗi tháng ra hai kỳ
« Giám-đọc Ông Nguyễn-Vỹ »
Liền viết đại lên bì
Dán con tem hai tờ
Chúng tôi liền yên chí
Cố máy bay mang đi
Nhưng cũng còn lo nghĩ :
« Tại sao bấy lâu nì
« Thơ vẫn thường gởi đi
« Mà chẳng thấy tin chỉ ?
« Không biết Ông Nguyễn-Vỹ
« Có bắt được không nhỉ ?
« Có đọc thơ cho kỹ :
« Sắp đăng hay vứt đi ?
« Hay mình làm địa chỉ
« Thơ lạc đến đại lý
« Hãng Vespa có khi » ?
Đợi từng giây từng tí
Chạy ra tiệm báo chí
Hỏi cô hàng Thị Lý
PHÊ-THÔNG ra chưa hỉ ?
Có làm duyên ngắm nghĩ

« Ba mươi kia chứ lị ! »
Chúng tôi đành bỏ đi
Trong lòng buồn rầu rĩ
Chẳng muốn suy nghĩ gì



Và đây ý kiến kỹ
Xin đồng thanh kiến nghị :
Yêu cầu Ông Nguyễn-Vỹ
Đăng lên tờ tạp-chí
Mấy dòng chữ địa chỉ
Như chúng tôi đã nghĩ
Đề có văn một tí
Chắc các nhà thi sĩ
Cố tánh hay đăng trí
Đỡ quên, phải Ông nhĩ ?



Xin chúc ông Nguyễn-Vỹ
Cùng Phê-Thông tạp-chí
Được bình an, hoan hỉ
Sống lâu và bền bỉ
Nhưng khi đọc thơ nì
Ông có mỉm cười phì
Hay ông chỉ rầm rì :
« Lũ nhỏ chẳng biết chi
« Mà chơi thật cũng kỹ
« Rõ ràng một lũ khi »
Chúng tôi xin đồng ký :
TỊNH-TIẾN và VÔ-Ý

Phúc Đáp

Xin hai bạn Thi-sĩ
Đừng bấn-khoăn lo-nghĩ.
Thư gửi không lạc đâu
Nếu để đúng địa-chỉ.
Mỗi ngày nhận xấp-xỉ
Trăm bức thư tri-kỷ
Của các bạn bốn phương,
Nhà Báo rất hoan-hỉ.
Và có cô Nữ-sĩ
Mê ra đọc tử-mỹ
Nào truyện ngắn, truyện dài.
Nào Sưu-tầm, 'ôi-kỷ.
Nào Văn-chương, triết-lý.
Thơ Tự-do, huyền-bí,
Nhất là Thơ tâm-tình,
Cả hàng lô, hàng kị !
Mỗi ngày cô Thư-kỷ
Đọc từng ly từng tỷ,
Đọc hết ngần ấy bài,
Không một phút nào nghỉ.
Vậy bạn cứ yên-trí,
Gởi thư theo địa-chỉ
(Đã có ghi rõ-ràng
Nơi trang đầu tạp-chí).
Còn thơ của Thi-sĩ
Bao giờ mới đăng nhĩ ?
Đăng được hay không đăng ?
Chúng tôi còn xem kỹ !
Xin hai bạn hoan-hỷ,
Mấy vần thơ tri-kỷ
Mong bạn thông-cảm cho,
Cảm ơn hai Thi-sĩ !

Thân-mến chào
NGUYỄN-VỸ

SÂN KHẤU CẢI-LƯƠNG

ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Tiếp theo P. T. số 8)

CHO đến năm 1927 đa-số các đoàn hát đều ẻo-uột trong ấy có « Văn-hí Ban » của ông Huỳnh-kim-Vui, tục danh là thầy cười Vui đã xuất vì nợ, vì lỗ lã mà tan-rã, nếu không có ông Đào-tứ-Phú, tức Đào-Châu theo dấu ngành tuồng Cờ, dùng chuyện Tàu soạn tuồng cải-lương tung ra vở « Xử án Bàng-quý-Phi », với hình-thức nhiều màu sắc, với trống phách vang dậy, kích thích mạnh của cảm quan khán-giả, đã cứu vãn tình thế nguy-ngập của « Văn-hí Ban » là cần thủ lợm được kết-quả rất khả quan gây lên một tiếng vang lan rộng niềm hy-vọng đến các đoàn đang chới với.

Sự kiện ấy đã đưa đường cho nhiều tuồng Tàu vào ngự trị trên sân-khấu Cải-lương, tung hoành oanh-liệt đến nỗi ảnh-hưởng tới ngày nay vẫn còn sâu rộng trong thị hiếu của người xem — Từ đấy, hầu hết các gánh đã sẵn có, thêm vào một số khác như « Tái-đồng-Ban », « Phước-

Cương », « Huỳnh-Kỳ », « Trần-Đất », « Hồng-Nhựt », « An-lạc-Ban », v. v. . . đều phải có ít tuồng Tàu làm nòng cốt thu hút khán-giả mãi về sau. Tuy nhiên, đầu phải chịu theo thị hiếu người xem đề tranh thương, chịu cho sân khấu Cải-lương tô đậm màu sắc ngoại-lai, nhưng cũng có một số rất ít đoàn hát, do một số soạn-giả chân-chính, ý-thức được quan-niệm Văn-hóa cao-quí, cần cỏi bỏ dần những hình-thức và nội-dung phản dân-tộc, phản tiến-hóa, phản khoa-học như quý ông : Đào-Châu, Trần-phong-Sắc, Nguyễn-trọng-Quyền, Nguyễn-công-Mạnh, Đặng-công-Danh, Nguyễn-thành-Châu, Huỳnh-thủ-Trung, Trần-hữu-Trang v. v. . . mà loại tuồng xã-hội tả thực và quý hóa thay, tuồng lịch-sử hay dã sử Việt-Nam được đem ra trình-diễn và đề cao đề nâng đỡ phần nào ý-thức dân-tộc trên sân-khấu. Vở bi ca kịch lịch-sử hùng tráng đầu tiên được đưa lên sân-khấu « Văn-

NGUYỄN-ANG-CA

Hí-Ban » là vở « Trưng-Trắc — Trưng-Nhi » của ông Đào-Châu, tiếp theo đó « Triệu-Ai-Vương » với bà Cù-Thị cùng một soạn-giả, « Tái-đồng-Ban » có vở « Ma y thần cung » của ông Nguyễn-công-Mạnh. « Phước-Cương » có hùng Võ-Kiệt của ông Đặng-công-Tiêu anh Danh dựa theo tiểu thuyết dã sử của nhà văn Phú-Đức nhưng bị bóp chết ngay sau đêm

khai diễn đầu tiên. Vở « Giọt máu chung tình », Võ Đông Sơ Bạch thu Hà », với « Võ Tánh tử tiết » của ông Mộc-Quán, Nguyễn-Trọng-Quyền, Đ o à n «Huỳnh-Kỳ» đã nêu thành tích một thời oanh-liệt vì kềm kẹp của thực-dân và Phong - kiến

nên các vở hát lịch-sử hay dã sử Việt-Nam rất ít được may mắn chào đời. Nhưng rất nhiều vở hát chứa chan ý-chí chống quân thù chung được bố-trí vào khung cảnh nước ngoài, với sự trạng bên ngoài, cũng len lỏi được trình bày trên

sân-khấu bị trị. Riêng về tuồng xã-hội tả thực, các soạn-giả đã phải khôn khéo lắm mới được phép cho « mở mặt ». Những vở giá-trị nhất như « Phước-Cương » có « Tứ đồ tường » của Đặng-công-Danh, « Đóa hoa rừng » của Nguyễn-thành-Châu, « Trần-Đất » có « Lỡ tay trót đã nhúng chàm » của Huỳnh-thủ-Trung, « Huyền - châu - nữ » của Nguyễn-thành-Châu v. v. . .



Cô TÚY-ĐỊNH

Một nữ nghệ-sĩ tuồng Tàu xuất sắc của đoàn KIM-CHUNG.

xây-dựng lại, nghệ-thuật cải-lương đã bước đến thời cực thịnh. Rất nhiều sáng-tác phẩm có giá-trị được trình bày, nhưng tựu-trung vẫn rất hiếm có vở nói lên được sức tranh đấu, ý căm hờn của dân-tộc đối với thực-dân Pháp. Nhưng chính trong thời này đất nước đã

Trong khoảng thời gian từ năm 1930 đến 1945, trải qua rất nhiều gánh hát lớn nhỏ không kể xiết : « Năm-Phi », « Phụng Hào », « Năm-Châu », « Tân-Hí », « Kim-Thoà », « Hữ u - Thành », « Thái-Bình » v. v. . . hiệp cùng các đoàn hát đã sẵn có, hoặc tan rã, hoặc

cung cấp cho sân-khấu Cải-lương nhiều tài-năng lỗi lạc nhất, làm sáng danh kịch nghệ Việt-Nam mà một Năm-Phi, một Phùng-Há, một Năm-Châu, một Ba-Du đã đủ chứng tỏ sân-khấu nhà không thiếu trang xuất chúng. Do đó, có nhiều sự trạng xảy ra đáng ghi chép lại :

1) ... Nghệ thuật cải-lương do các gánh " An-Lạc ", " Phước-Cương ", " Trần-Đất ", " Phi-Phụng ", " Phùng-Hảo ", " Nam-Phi ", " Hồng-Nhật ". v.v... nhiều lần đi lưu diễn ở Trung-Bắc-phần Việt-Nam, đã gây nên một ảnh-hưởng vô cùng sâu-rộng trong toàn-quốc, nhất là miền Bắc.

2) — Năm 1930, đoàn hát " Phước-Cương " gặp dịp sang Pháp, và năm 1934 sang Thái-Lan đã được toàn khán giả hai Thủ-đô nước ngoài tán thưởng tài-năng, mà cô Năm-Phi, cùng kép Bảy-Nhiều đã nêu danh sân-khấu Việt-Nam đến chỗ cực kỳ vinh-diệu.

3) — Năm 1943, thực-dân Pháp dưới trào Pétain, một lần nữa, lợi-dụng sân-khấu cải-lương làm lợi khí tuyên-truyền cho mối bang-giao Việt-Pháp và cho nền Phong-kiến đã mục nát, dựng nên "Quốc-gia Kịch-đoàn" bắt ép dân chúng phải đi xem, gây cảm-hờn thêm trong lòng dân-tộc.

4) — Từ năm 1940, cho đến cuối năm 1944, cổ soạn-giả Mộng-Vân Trần-Tấn-Trung tung ra một loạt tuồng kiếm-hiệp, dựa sát thị-hiểu bình-dân, chống bức hiếp, chống cường-quyền, nâng đỡ những đoàn hát nhỏ yếu quật khởi lên, dọn đường cho lối ca mới, giúp vận-

hội cho một số tài-tử bước vào sân-khấu, gây thành một phong trào sôi nổi, tung bừng, khiến các đoàn hát lớn phải một phen núng thẽ.

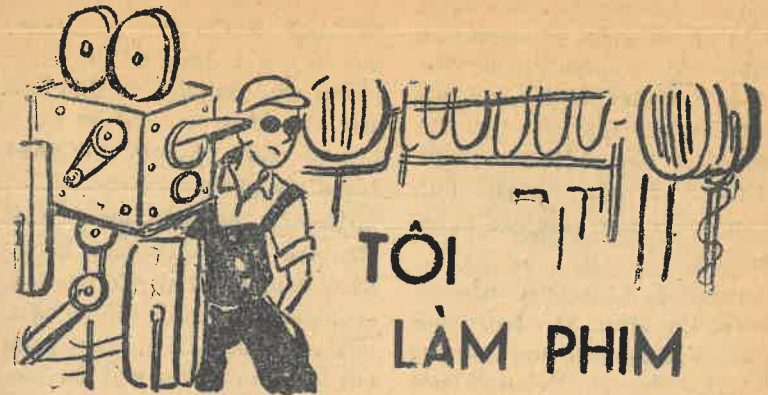
Tuy-nhiên, nghề hát cải-lương dầu có phần canh-tiến, được lòng người mộ điệu thích ưa, nhưng vì phải sống dưới chế-độ hà-khắc của thực-dân, dưới thành-kiến khinh bạc của phong-kiến, nên dầu gặp phải thời cực thịnh, mực sống của đa-số người theo nghề vẫn không hơn bên ngành hát bộ : cũng bấp bênh, cũng vất vả, cũng truy-lạc ; cũng nghề khó, dễ rồi cũng có người chết lạnh bên vệ đường, nằm bơ-vor trong nhà thương thí.

Tóm lại, thực trạng của ngành sân-khấu cải-lương từ ngày phát sanh cho đến năm 1945, đã trưởng-thành qua muôn ngàn trở-ngại cực-kỳ nghiêm-trọng do chế-độ thuộc-địa và phong-kiến gây ra. Sân khấu đã tạo cho mình một sự-nghiệp nghệ-thuật tương đối vững vàng. Còn về thành-tích phục-vụ dân-tộc, dầu bị bàn tay chánh quyền thuộc địa uốn nắn, bóp chết tới đâu, nghệ-thuật sân-khấu xứ ta vẫn biểu hiệu được tiềm năng đấu tranh của dân-tộc mình qua một số ít tuồng sử hoặc dã sử.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG.

Trong bài trước chúng tôi có viết = ông Kinh-Lịch Trần-văn-Hườn (Vĩnh-Long).

Nay xin sửa lại = TRẦN-QUAN-QUỠN (chữ Hán đọc là Trần-quang-Quyền) cho đúng.



(Xem P.T. từ số 1)

BÀI-TRÍ : THỢ ĐỀ-CO SÂN-KHẤU VÀ KIẾN-TRÚC-SƯ BÀI-TRÍ — YẾU-TỐ BỐI-CẢNH — BÀI-TRÍ— GIẤY CẠT-TÔNG



RO NG giới
điện - ảnh, nói
đến chữ bài-trí
là nói đến cả
một vấn - đề và
bài-trí đã thấu

mới có, đến cả các phim Mỹ, phim Ấn-Độ... cũng không sao tránh khỏi. Đó là do ở lối của nhà bài-trí ...

hút một số phí-tồn không lồ.

Khi bạn đi xem xi-nê ; bạn thấy có nhiều cảnh « thực » và có nhiều cảnh giả ló đuôi, như là các cuốn phim mà nhà sản-xuất quá hà-tiên đã mượn mấy ông thợ mĩa hay mấy ông đề-co hát - bộ quen tay vẽ rồng và

Có một vài vị « đạo diễn » tưởng rằng những đề-co sân-khấu có thể « tạm-thời » dùng để quay phim. Chỉ cần chấm thêm vào một ít thực-cảnh như lá cây... Nhưng bối-cảnh lại là một bức màn xanh lợt... Họ đã tin lầm rằng khán-giả sẽ chú-trọng vào diễn-viên mà quên ngoại - cảnh.

THÁI-THỨC-DIỄN

cung điện nhà vua... Nhiều đoạn, trông có vẻ là một sân khấu, đến tức cười. Cái tệ-đoan ấy không những trong các phim bản-xứ

ông « kiến - trúc - sư bài - trí » ở xứ ta ít được trọng dụng. Bằng cớ, một ông bạn tôi chánh-hiệu là kiến - trúc - sư bài -

trí xi-nê đã phải đổi nghề...

Nhất là các phim liên-hệ đến lịch-sử thì thôi tha-hồ qui ông bài-trí ra tài xếp đặt, làm cho một vài tờ báo phải than phiền cái thiếu sót của thời-gian-tính và lịch-sử-tính của các cuốn phim ấy.

Bài-trí điện-ảnh khác hẳn với bài-trí sân-khấu. Vì bài-trí sân-khấu có tánh-cách tượng-trưng để nhắc nhở cho khán-giả nơi đã xảy ra câu chuyện, cho nên bài-trí không đến nỗi quá quan-trọng cho lắm. Bài-trí sân-khấu có thể dùng cho bất-cứ một vở tuồng nào đề-cập đến những câu chuyện đã xảy ra trong một thời-đại nào.

Bài-trí điện-ảnh khác hẳn. Nó đi đôi với các động-tác của diễn-viên « Nhất cử nhất động ». Bài-trí ấy phải nói lên một cái gì, phải phụ-lực vào diễn-xuất của tài-tử, ví - dụ : một chiếc thuốc cháy dở, một cây dao con chó mổ hé, một cánh cửa sổ trông ra đồng ruộng v.v... Thật là tỉ-mỉ. Cố-nhiên là cảnh xi-nê tuy giả mà phải « thật », nghĩa là sống, linh-động. Kề ra một tỉ-dụ : Một màn điện-ảnh, có hai tài-tử đang đóng một đoạn « tâm tình ». Nam tài-tử nói một câu, chẳng hạn như : « Gió hôm nay mon-tròn quá, em nhỉ ! » ... Trong khi đó mấy chiếc lá buồng lơ lửng trên đầu họ

lại rung chuyển như trong cơn bão táp, hay đứng im lìm như những chiếc lá giấy... thì cảm-giác của khán - giả sẽ ra sao ? Bạn sẽ nghĩ : cha này nói giốc ! hay « tán phiêu ! » v.v... .

Các bạn đi xem phim « La Mousson » thấy có cảnh Bác-sĩ Safti đang tâm-tĩnh với Edwina, vợ huân-tước, phía sau có cánh cửa... những giọt nước xanh xanh rơi từng giọt, từng giọt lộn-xộn chen chúc... Bối-cảnh ấy « nói » rất nhiều... Trái lại cùng một trường hợp ấy, có nhiều phim Tàu chỉ đem một cánh cửa gỗ tuy có chạm-trổ đẹp thực làm bối-cảnh, nhưng bối-cảnh này « chết » chứ không sống.

Một tỉ-dụ khác : Cảnh hai người ngồi trong chiếc xe hơi, hay xe song mã v.v... Sau lưng họ trên chiếc kiếng sau của xe, ta thấy hiện ra nào là... hoặc ban đêm thì những đèn xe ngang dọc hay đèn néon của phố-xá nhấp nháy hoặc ban ngày thì cảnh hai bên đường, người đi kẻ lại... chạy lùi về phía sau màn bạc v.v...

Kề ra quay ngay tại chỗ đã xảy ra câu chuyện cũng được, nhưng phải mất nhiều sự thiết-trí phức-tạp, nhất là nếu quay ở trong phòng thì các điều-kiện ánh-sáng, âm-thanh v.v... và vấn-đề di-chuyển máy-móc, tài-tử có thể gọi là nan-giải, ngoại-trừ khi

cảnh-trí rộng-rãi (nhà thờ, ga-ra xe, xưởng-máy v.v...) Hơn nữa các góc ảnh quay tại chỗ trở nên gò-bó không thể phóng-túng được và như vậy sẽ mất hết thi-vị và hoa-mỹ.

Trái lại với cặp mắt « thần » của con người, máy không thể « thấy » tổng-quát cả một lúc. Và đặt máy cần phải có chỗ « lùi », và nếu không thể lùi được thì không thể chụp được, không thể đóng khung được. Hơn nữa, không có chỗ để đặt đèn cho đầy-đủ và cân-đối nhịp-nhàng.

Một lý-do nữa là máy quay theo tốc độ 24 ảnh một giây. Mỗi bức ảnh là mỗi chiếc « instantané », liên-hệ đến cả cuốn phim. Cho nên bài-trí điện-ảnh LÀ BÀI-TRÍ CHO CHIẾC MÁY QUAY, CHỖ KHÔNG KHẢI BÀI - TRÍ CHO CẶP MẮT CỦA CON NGƯỜI.

Vả trong khi sắp-đặt, chia cắt cốt chuyện, đạo-diễn đã tượng-trưng ra các cảnh, và đường đi nước bước của diễn-viên đã được chỉ-định trước. Ví-dụ, anh chàng phải đi từ chiếc cửa vào, đến góc bàn, ngấp-ngừng một chút rồi bước nhanh lại vén bức màn nhìn vào phòng, ngó lùi quay trở lại, đến gõ vào cửa buồng tắm v.v... Tất cả các động-tác ấy đều tính đúng từng giây từng phút...

Nói tóm trên phương diện kỹ-thuật, bài-trí điện-ảnh rất là

quan-trọng, và phụ-thuộc vào ba yếu-tố căn-bản :

1° TRÌNH-BÀY : Di chuyển của máy và các tài-tử.

2° ÁNH-SÁNG : Trù-liệu những chỗ để đèn

3° GÓC-ẢNH : Trù-liệu những góc-ảnh mỹ-thuật.

Trên phương-diện mỹ - thuật là phức-tạp. Mỗi cuốn phim đặt những vấn-đề bài-trí khác nhau : theo cách đạo-diễn và kết-cấu của mỗi cuốn. Tuy-nhiên, bài-trí gây nên cái không-khi cần-thiết cho cuốn phim : rung-rợn, bí-mật, mùi-mẫn v.v... Nhưng điều cần nhất là khung cảnh phải cho ĐÚNG, không ai có thể bắt bẻ được, khán-giả phải tin vào câu chuyện và tin vào sự có thể có của các vai trò.

Tôi nói « đúng » chứ không phải « thật ».

Bí-quyết của nhà bài-trí là chọn lựa những yếu-tố đặc-thù nhất và sắp đặt theo một khuôn-ghê cứng-rắn, nghĩa là làm sao cho mỗi chi-tiết tham-dự vào cơ-cấu kiến-thiết của các hình-ảnh và khung cảnh một cách chặt-chẽ

Nói một cách dễ hiểu là nếu như quay một tiệm chụp-phô thì phải lựa những món hàng nào tượng-trưng nhất đề trình-bày làm bối-cảnh, và tìm hiểu nhận xét từng giờ, phút : ngày nghỉ thì khách hàng thường mua gì, về buổi mai thì mua gì ? buổi chiều hay đến mua gì, và khách hàng thường là hạng người nào v.v...

Nhà bài trí sau khi nhận chỉ thị của đạo-diễn phải đi nghiên cứu kỹ-lưỡng. Những cảnh hiện đại thì không khó-khăn cho lắm, nhưng nếu muốn quay một phim lịch-sử thì nhà bài-trí phải nhọc công lắm, nhiều khi phải đọc hàng hai ba chục cuốn sách để tìm hiểu nữa là khác. Tôi muốn nói đến những nhà bài-trí ngoại-quốc, và cách họ làm việc.

Tuy-nhiên, nếu chồng-chất quá nhiều chi-tiết sẽ phung-hại đến kết-quả. Chỉ nên chọn những chi-tiết đặc-thù nhất có thể tiêu-biểu cho một thời đại ... Ví-dụ, muốn quay một vựa nước mắm thì phải nhớ đến tinned và thùng gỗ muối cá, những chiếc ghè, lu, vại, gáo và nước mắm ...

Bài-trí trong phim-trường căn-cứ trên giấy, thử gầy mà ta thường gọi là carton pâte. Cách thiết-trí tựa như cách thiết-trí hội-chợ, hay một hội triển-lãm. Gỡ 3x3, cát tông, vải bông v.v ... Màu mè được xử-dụng đầy-đủ; trái với quan-niệm thường sai lầm: quét màu từ trắng đến đen qua xám tro v.. v... Cần phải cho màu be, màu kem, màu xanh nhạt, màu hướng đi đối với màu sắc của các bức màn, đồ-đặc, y-phục v..v.. Cả một kíp chuyên-môn làm việc rất nhanh chóng, phải tranh thủ thời-gian, thợ rèn, thợ mộc, thợ sơn, thợ may, thợ khóa, thợ điện ... trở nên những nhạc-công, trong một bản hòa tấu vĩ-đại mà họ thuộc lòng từng nốt, từng đoạn. Riêng ở Việt-Nam ta,

một hãng phim có một kíp bài-trí thật là thiện-nghệ, nhưng tiếc thay vị chỉ-huy chỉ làm theo thói quen là sân khấu.

Ngoại trừ những đồ-đặc có thể thuê bao được, từ cái bộ râu cho đến chiếc tủ lớn, những vật-kiện không có, phải cho làm tại chỗ. Đây là một dịp để cho người thợ trở tài.

Có những cảnh phải vẽ lên vải treo sau một chiếc cửa sổ để đem lại cảm-giác là chiếc cửa nhìn ra một cảnh nào nhất-định: đồng quê, núi non. v.v... Nhiều khi lại phải dùng phương pháp « màn mờ », một cảnh thực được quay ra trước rồi đem ra chiếu lên tấm màn mờ, các tài-tử đứng diễn-xuất trước tấm màn ấy, máy quay phim ghi cả tài-tử và những cảnh hiện trên tấm màn mờ. Nói thì dễ, nhưng thực-hành còn có nhiều kỹ-thuật liên-quan mà tôi sẽ trình-bày rõ-ràng lúc bàn đến xảo-thuật.

Một việc tiện nhất là dùng một chiếc « trống quay », trên thành trống người ta vẽ nào là cảnh này cảnh khác v.v... một chuyên viên chỉ có việc quay từ từ chiếc trống gây ra cảm-giác « động ». Phương - pháp này dùng vào những cảnh đi trên tàu hỏa, tài-tử đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài v.v...

Bài-trí thường đi đôi với xảo-thuật và hai ngành đó khiến cho xi-nê có «tánh-chất sống» và «y như thật».

(Còn nữa)

Ông PHAN-KHÔI^{cách} ĐÃ RA NGƯỜI THIÊN CỒ

BÁO Tr-
Do mới
loan tin:
Ông Phan-Khôi
đã ra người
thiên - cồ (1).
Trong một bài
viết trên *Tạp chí*
PHỔ - THÔNG,
tôi đã tiên-liệu
việc đó. Một
ông cụ già trên
70 tuổi, trải qua
những năm
thiếu - thốn,

Năm 1956 chính ông đã viết 4
câu thơ:

*Nắng chiều tuy có đẹp,
Tiếc tài gần chạng-vạng.
Mặc dù gần chạng-vạng,
Nắng được thì cứ nắng.*

Có người trách ông đã thấy gần chạng-vạng sao không chịu làm thình ? Làm thình thì được yên ổn, nhàn-hạ. Hơn nữa, còn được trọng-vọng và đề-cao. Nhưng ông thuộc về hạng người không thể làm thình được trước những việc trái tai, gai mắt.

Vả lại, ông có một sanh-lực rất dồi-dào, có ngọn lửa thiêng thúc-dục, có một tâm-hồn nghệ-sĩ lúc nào cũng bùng-bọt muốn trào ra.

Tôi thật sự quen ông từ tháng 6 năm 1931. Trước đó tôi không biết nhiều về ông, dầu vẫn hâm mộ và thích đọc văn ông.

Tôi còn giữ lại được vài bức thư của ông mà bức thơ đầu tiên đề ngày 27-6-1931. Thư đó ông nói về những bài phê-bình nhân-vật mà tôi đã gửi thẳng đến cho ông trong đó có bài phê-bình ông.

Ông nói về bài đó như sau :

THIẾU - SƠN

gian - khổ và
buồn phiền mà
còn kéo dài
được sự sống
tới ngày nay kẻ
cũng đã là thọ
đấy.

(1) Ông Phan-Khôi chết tại Hà-Nội ngày 16-1-59 mà mãi tới ngày 28-4-59 báo Tự-Do mới biết mà loan báo.

« Sự ông bàn về ông Hiếu (1)
« thì tôi thấy là đúng, nhưng chỗ
« bàn về tôi thì tôi thấy như chưa
« đúng hết.

« Tôi nói vậy có phải là trùng
« hay là vì tôi thấy ông Hiếu rõ
« hơn tôi thấy tôi, cho nên tôi nói
« vậy thì cái đó tôi còn chưa dám
« tự-quyết».

Ngoài ra ông vạch cho tôi thấy
một khuyết điểm của tôi là « sự
không hay đọc báo quốc-văn »
như tôi đã nói ở thư tôi viết cho
ông. Ông nói :

« Sự đó, tôi xin nói là chỗ
« khuyết-diểm của ông. Tưởng
« ông nên đọc báo quốc-ngữ mới
« được nếu ông muốn đặt mình
« vào lòng văn quốc-ngữ như là
« muốn phê-bình văn-chương hay
« nhân-vật. Tôi mộ cái lối văn
« của ông quá. Phải chỉ ông
« chuyên làm văn thì văn đàn ta
« sẽ có tay kiện tướng vừng-vàng.
« Tưởng ông có tài như vậy không
« nên bỏ ườn.

« Tôi mong ở ông lắm, dầu
« chưa biết mặt ông lần nào... »

Rồi tôi kiểm thăm ông ở Tân-
Định, ông vào Gia-định thăm tôi.
Một trẻ, một già chẳng bao lâu
thành đôi bạn thân và trên đường
văn-nghệ, tôi đã được ông
chỉ-báo, xây-dựng, nâng-đỡ và
khuyến-kích tận-tình.

Rồi ông ra Bắc viết cho PHỤ-
NỮ THỜI-ĐÀM, trở vào Huế
xuất-bản tờ SÔNG - HUÔNG,

(1) Nguyễn-khắc-Hiếu

thỉnh-thoảng vẫn thư từ qua lại,
vẫn giữ vẹn được duyên văn và
tình bạn. Có lần ông đã viết cho
tôi những lời này :

« Khi tôi viết thư cho ông cũng
« như nói chuyện với ông. Nói
« chuyện với ông tôi thường nói
« những câu mà không đem nói
« với người khác thì viết thơ
« cũng vậy ».

Tôi hân-hạnh được sự tri-ngộ
của ông, nhờ đó mà biết rằng
ông không phải là người khô-
khan, thiếu tình - cảm. Tôi còn
biết thêm rằng ông là người rất
ngay thật. Chính ở báo SÔNG-
HUÔNG số 28 ra ngày 20-2-37,
trong một bài bút-chiến với báo
NHANH LỬA ông đã nói những
lời này :

« Tôi dù có hư-hèn thế nào chứ
« tôi dám tự-phụ cả đời tôi nói
« ra lời nào cũng ngay thật. Cho
« nên tôi thấy một người nói không
« ngay thật thì tôi phải khinh dật
« đi. Những người đó tôi cho đừng
« nói với họ là hơn, vì họ không
« đáng cho mình nói với...»

Vì ông ngay thật mà người
đời lại ít ngay thật như ông nên
ông không có nhiều bạn và nhiều
khi thấy mình như cô-độc. Chẳng
thế mà khi họa thơ trào-phúng
với TÚ MỖ ông đã ký tên là TÚ
SƠN. TÚ SƠN không phải là ông
Tú tên Sơn đâu. Tú Sơn là lấy
âm ở 2 chữ Pháp « Tout Seul »
nghĩa là tro-troi có một mình.

Vậy mà con người tro-troi
đó chẳng những đã tung-hoàn

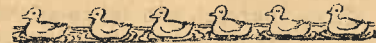
ngon bút trên đàn-văn mà còn
pam hy-sinh cho đất nước. Ông
đã tham-gia phong-trào « ĐÔNG-
KINH NGHĨA-THỰC », hoạt-động
nhóm Văn-thần, bị bắt và bị
 giam tại nhà tù Quảng-Nam trong
suốt mấy năm trường và còn tham-
gia kháng - chiến trong những
năm tuổi già, sức yếu. Chính cụ
HUỖNH - THÚC - KHÁNG trong
« Thi-Tù Túng-Thoại » đã phải
hạ hai chữ « xuất-sắc » để khen
những bài thơ Từ-Tuyệt bằng
Hán-văn của ông làm ở nhà Lao
Faifo để tiễn bạn đi Côn-Lôn
vào khoảng năm 1908. Cụ Huỳnh
đã dịch bài thơ thứ nhứt của
ông như sau :

Người đời há phải hợp nhau
hoài,

Lưu-lạc cùng sầu gấm cũng hay.
Tống-biệt tự-do quyền hạn hẹp,
Sân lao nửa bước cách trời mây !

Trong thời-kỳ kháng-chiến ông
cũng có làm thơ. Bài được truyền-
tụng là bài làm đêm giao-thừa
của một ngày Tết vào năm 1950.
Sau đây là bốn câu chót trong
bài đó :

Hữu ai cam sinh-biệt,
Vô doanh nhiệm thực bản.
Văn kẻ hận khởi toạ,
Kháng-chiến từ phùng-xuân.



CÁCH GIỮ GÌN SÁCH LẤU ĐỜI

Sách hay bản thảo ngày xưa để lại thường bị thời gian làm cho hư đi
nên người Ý tìm cách giữ sách cũ một cách rất công hiệu là tiêm vào
những trang giấy chất sinh-tổ B2 và B12.

Trăng

Tôi thương anh vì tóc anh sắp trắng,
Nắng trưa hè cạn đốt cháy da anh!
Anh thương người từ độ tóc còn xanh,
Vì tranh-đấu cho đời thêm tươi sáng.

Tôi thương anh vì lòng anh trong-trắng,
Thuở học-hành anh chăm-chỉ siêng năng.
Anh mãi-mê xôi-sử chẳng ai bằng,
Trí anh rộng bao-la như biển lặng.

Tôi thương anh vì anh ưa màu trắng,
Tuyết anh-đào, hương-sắc của tình anh.
Anh say-sưa với mục-dịch chưa thành,
Và kiên-quyết mỗi ngày thêm mỗi gắng.

Tôi thương anh vì da anh màu trắng,
Nay phủ đầy ba bốn lớp phong sương.
Anh quên mình vì dân-tộc đau thương,
Chịu bao nỗi hy-sinh từng cay đắng.

Tôi thương anh vì chiều nay mây trắng,
Phủ quê nhà mà đã vắng bóng anh.
Tôi u-buồn nhìn qua lũy tre xanh,
Dòng sông cuộn như lòng ai đang quẩn!

Tôi thương anh với hai bàn tay trắng,
Một tâm hồn thanh-bạch chỉ mê-say.
Phục-vụ cho đất nước với nhân loài.
Càng thất-bại, anh lại càng thêm gắng.

Tôi thương anh vì nay anh đã thắng!

LÝ-DIỆP-THU

KIÊN TRINH

Truyện dài của Cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 10)

MẤY tháng sau,
giòng đời âm thầm
trôi qua với những
chuỗi ngày chờ
mông và thất vọng, má tôi thét rồi
cũng hết hân hoan đón tiếp ngày
về không được bảo đảm của anh
Ba Khanh và chỉ còn một cách
là cầu Trời, khẩn Phật cho anh
ấy được bình an, mạnh giỏi ở
chốn xa xôi kia để chờ đợi một
thời thế thuận lợi hơn nữa.

Đạo ấy, phong - trào Thanh-
Niên Tiên-Phong vừa được khởi
xướng, các nhà thức giả trong
nước không còn lạ gì sự mạnh
tâm đồ hộ của bọn Quân Phiệt
Phù-Tang nên lợi dụng cơ hội
ấy để kết hợp và huấn luyện
thanh niên nước nhà. Từ thành
thị đến thôn quê, thanh niên và
thanh nữ hăng hái tham gia tổ
chức, và một chân trời mới vừa
hé mở với Tuổi Trẻ yêu đời và
quả cảm, đã nhận thức được
thiên trách của mình trước sự
còn hay mất của Đất Nước yêu
mến không gì bằng. Một luồng
sinh khí mới chạy ruồng qua
huyết quản của những mầm non
Dân-Tộc đứng trước ngã ba

đường lịch sử, đã thức tỉnh
khởi cơn ru ngủ bên hồ trụ lạc
của thực dân, và tha thiết hát
lên khúc ca hiệp đoàn, để tự
mình gây dựng cho mình một
tiềm lực vô song: tinh Đại-Đoàn-
Kết chưa bao giờ có. Nhiều đoàn
tuyên truyền lưu động được tung
đi khắp nơi, đến từng nhà để
thuyết phục các bậc phụ huynh
nên cho con em gia nhập đoàn.
Và đến khi ấy, hơn bao giờ hết,
tôi mới hoàn toàn giác ngộ, tự
thấy mình có bốn phận và trách
nhiệm như bất cứ một người
Việt nào và giòng máu đã lại ba
đời đang chảy trong con người
tôi, đang nuôi lấy những tế bào
của tôi, là giòng máu của kẻ bị trị
đang sôi trào ý thức tự do:
giòng máu Việt muốn thuở vẫn
anh dũng. Tôi xin má tôi cho
được nhập vào chi-bộ Phụ - Nữ
Tiên-Phong quận Giồng-Riềng,
và tôi hô hào cổ động cho một
số đồng chị em bạn chung quanh
vùng, cùng mang hai giòng máu
của mấy đời trước, đều tham gia
phong trào yêu nước, yêu mảnh
đất chôn nhau cắt rốn đã nuôi
sống lấy mình.

Mùa nắng ráo đã dứt, những trận mưa rào trút nước tưới đồng quê linh láng. Chúng tôi ngoài những kỳ nhóm họp hằng tuần để học tập chánh trị, vẫn chăm lo việc nội trợ trong nhà, và công việc hằng ngày của một người con gái bên trong ngưỡng cửa gia đình vẫn không có gì thay đổi. Ruộng lúa vùng tôi làm trễ hơn vài nơi khác, và cũng như phần lớn ruộng mùa Miền Nam, mỗi năm chỉ canh tác một lần,—ô! phi bổ biết bao hoa màu của đất, — người ta khởi sự cày vào tháng tư là tháng có một hai cây mưa đầu mùa, sang tháng năm thì gieo mạ, tháng sáu lo bừa và trực những thửa ruộng sắp cấy, đến tháng bảy mạ đã đồng đồng thì nhổ lên cấy vào ruộng. Trước ngày cấy, chủ đất đã gọi đầu-nậu công cấy để thương lượng giá cày và giao hẹn bao nhiêu công cấy xong rồi, liền vát « tằm » đi đo ruộng và cắm trên mỗi một công đất một cành sậy làm bông tiêu. Chủ đất cho nhân công nhổ mạ vào buổi trước, bó lại từng bó to và chặt ngọn bỏ đi rồi gánh đến bỏ vào mỗi công đất sắp cấy. Khuya lại, hoặc đến khi tờ mờ sáng, đầu-nậu đã dắt công cấy ra ngoài ruộng, bắt đầu làm việc. Gọi đầu-nậu là người đứng ra bao lãnh việc tìm đủ người cấy cho chủ đất, chịu trách nhiệm trong cuộc cấy lúa cho được chín chắn, — không làm dỗi trá và xiềng xẹo, không cấy thừa thớt và bỏ « cù », — nhưng có khác

hơn đầu-nậu ở thành là không ăn tiền đầu và cũng lãnh một phần công cấy như kẻ khác. Đó là những người có gia đình đông, vào mùa cấy hay đi làm dăng-công cho các chỗ khác, và khi lãnh được công cấy với chủ ruộng nào thì các người đã được họ làm giúp cho trước kia sẽ đi cấy trả công lại. Năm ấy, vài hót đầu-nậu và công cấy bắt đầu vào việc lúc nửa đêm dưới ánh trăng mờ mờ khỏi bận áo và có giao hẹn với chủ ruộng đến tám giờ sáng mới được cho người đem thức ăn ra ruộng cho họ. Tôi còn nghe nói ở đâu về Miệt-Thứ, người ta còn rách rưới hơn nữa, và công cấy cứ phơi da thịt tự nhiên ra làm việc giữa ban ngày, cấm hẳn không cho đàn ông bên măng đến nơi họ làm việc.

Vào mùa cấy, tôi bận lắm. Lối hai giờ khuya, gà vừa gáy hiệp nhứt, tôi đã thức dậy với những người tớ gái để lo nấu xôi, nạo dừa, rang muối mè đường và kho mắm để sáng đem ra ruộng cho công cấy ăn. Kể ra việc ấy ai làm cũng được, nhưng mọi khi mà tôi vẫn dòm ngó vào, vì mỗi năm người ta chỉ đến cấy cho nhà mình một mùa, thức ăn của họ mình phải lo tươm tất và sạch sẽ, xôi nếp phải dẻo và béo, mắm kho phải bỏ tiêu, hành cho vừa ăn, để họ còn vui vẻ tiếp tục công việc nhọc mệt của họ. Thường thì mỗi năm nhà tôi làm thêm bốn trăm công ruộng nhà, cứ hai hôm lại cấy một lần,

và kéo dài đến nửa tháng mới hết, chủ ruộng chỉ chịu cho công cấy, — dĩ nhiên là ngoài số tiền công, — một buổi cơm nếp ngoài đồng cho họ đỡ dạ vào khoảng tám, chín giờ sáng.

Ngoài việc lo cơm cấy, tôi còn trông nom buổi cơm sáng cho cả nhà, ai cũng phải ra đồng sớm, chia ra ăn thành nhiều tốp khác nhau. Đàng này, những người nhỏ mọn ăn những thức có mắm và cá, và lia-lia hết chén cơm đơm vun chùn này đến chén khác, để chóng đầy bụng mà trở ra đồng nhờ mạ cho kịp công cấy; đàng kia, xúm xít nhau bên mâm cơm có thịt và trứng, đoàn em tôi no vai hơn là đói bụng, cũng đang tấp tễnh ra ruộng để săn quần lợi ven bờ mầu tím bọt cá, hót thia-thia đem về đã.

Câu Bầy tôi vừa rời khỏi mâm cơm riêng, tay dắt đứa em thứ Năm của tôi, đã được mười bảy tuổi và cao lớn đinh dàng chẳng kém anh Ba tôi khi anh bị bắt, mà hãnh diện bảo cùng tôi :

— Hai mùa lúa nữa, thằng Năm sẽ giỏi việc còn hơn anh Ba nó lúc trước. Chú kia, nếu có ở nhà, cũng chỉ là một tay công-tử hơn là người làm ăn.

Tôi nhìn em tôi, gật gù :

— Hai năm nữa, nó được mười chín rồi. Cái tuổi của anh Ba lúc lâm nạn. Mau quá ! Lật lật đã hai mươi bốn tháng rồi !

— Thời cuộc rồi sao cũng phải yên. Chừng nó về, mấy em nó đã nên người hết.

Tôi cũng nghĩ vậy và tìm-tìm cười với em tôi cùng đang thông cảm một tin-tưởng ở ngày mai. Vai trò của một người chị lớn trong nhà không gì tốt đẹp cho bằng thấy kết quả của sự hy-sinh của mình ở các em trai đã nên vai, nên vóc và sắp sửa nổi lấy nghiệp nhà.

Mọi người đi rồi, tôi lo dọn dẹp trong ngoài đầu đó xong xuôi, liền bước qua chơi bên nhà láng giềng. Nhà ấy có một người con gái trạc tuổi tôi vừa bị mất mấy tháng trước, tôi liền cảm tình cảnh tang-tóc như gia đình tôi, nên vẫn hay qua lại để an ủi. Tôi đang nói chuyện với bà chủ nhà, chợt nghe có tiếng léo nhéo bên sân tôi :

— Ở nhà đi đâu hết rồi cả ?

Tôi bước ra sân, và nhận ra anh Khải là một người bạn thiết của anh Ba tôi, con của ông Ba Cảnh bị bắt về tội chánh-trị rồi chết trong khám lớn Sài-gòn, và anh cũng là người bạn đồng-chí trong đảng kín của anh Ba tôi. Mà anh Khải có ruộng ở trong Tà-Ke, gần vùng đất tôi, nên sau này khi Tây bị Nhật đảo chánh, anh Khải không phải trốn chui trốn nhủi đầu nưa mới thỉnh-thoảng đến thăm chúng tôi và hỏi tin tức của anh Ba.

Tôi thương anh như thể anh tôi, và thấy mặt anh thì mừng lắm :

— Vô chơi hay có chuyện gì đó anh Hai ? Ăn cơm chưa ?

Khải là một thanh niên độ 26 tuổi, tác người hơi thấp, mình đầy, mặt đen ngăm ngăm, hay cười híp mắt và bày hàm răng vàng nửa miệng. Anh nhìn tôi cười và bảo :

— Chưa ăn uống gì hết, đói bụng lắm rồi. Có gì cho nhiều người ăn không?

— Anh đi với những ai?

Khải chỉ tay về mé bên kinh, bên nhà tôi và nói :

— Tôi bốn người lận và có nó ở dưới đó.

Tôi dòm nhóng ra thấy trong một chiếc đồ đậu dưới bến lố nhỏ nhiều bóng người đàn ông, liền hạ thấp giọng hỏi cho đủ anh nghe :

— Nó là ai?

— Muốn biết là ai, cứ xuống dưới coi!

Lạ thật, bạn bè của anh mà anh lại kêu tôi xuống coi là nghĩa lý gì? Tôi vừa muốn mở miệng hỏi thêm, chợt thấy có một bóng người thanh niên khác vừa mới bước ra mũi dò :

— Trời! Anh Ba!

Tôi chỉ biết kêu lên một tiếng sững sốt lẫn vui mừng rồi băng mình chạy trở về nhà. Khi bước qua chiếc cầu bắt ngang mương nhỏ, tôi sụp chân xuống vũng nước tét ống quần đến bắp chuối mà vẫn không hay. Tôi chạy đến nắm tay anh Ba Khanh hỏi tía lia :

— Anh về hồi nào? Sao không viết thư cho má hay?

Anh Ba tôi đưa mắt nhìn lại những quang cảnh cũ và bảo :

— Mới về tỉnh Rạch-giá trưa hôm qua.

— Sao anh không về ngay liền? Má trông anh từng ngày.

— Biết vậy, nhưng anh em không cho về liền và tao cũng nóng lòng hết sức. Tao có ghé nhà quen ở tỉnh hỏi thăm nghe má và tụi bây vẫn mạnh, tao mừng lắm.

Tôi nhìn sững anh tôi. Cách hai năm, anh Ba trông khác nhiều, đứng đắn và chừng chạc hơn, anh tôi giờ đây là một thanh niên rồi rào nhựa sống và vững chắc như một tượng đồng. Tôi nghĩ đến những tưởng tượng của tôi về anh, nào là mặt mày hốc hác, quần áo lùm thùm, đầu hớt trọc, chân tay đầy ghẻ chốc v.v... và thấy hoàn toàn trật lất. Anh không có một dấu vết gì là bị khô sở cả, trông như thể vừa đi một cuộc du lịch về, vẫn bảnh bao và vui đời như trước.

Anh Khanh gọi các bạn lên và giới thiệu tôi :

— Đây là Văn, em gái tôi mà các anh từng đọc thơ viết thăm tôi trong khám, còn đây là anh Trung, anh Thức, anh Ca vanh,

Chúng tôi vô nhà. Anh Khanh hỏi :

— Má đâu?

— Má lên ruộng hồi sớm. Tôi đã cho chú Tà-Mốc lên trên báo tin mừng rồi.

Anh Trung là người đi gần anh tôi, mặt mày trắng trẻo in như

ron gái, từ nãy giờ vẫn làm nghiêm mà nhìn chăm chú vào tôi, vội kêu anh tôi vatrở tay vào bụng ra dấu đã đói lắm rồi.

Anh Ba cười và bảo cùng bạn :

— Thăng này phản động đúng, nó không-đói mà cứ kêu nài từ lúc khởi sự đi đến giờ, đáng bị nhốt khám Hai với cái đinh bài hình bánh đúc có chữ M (manifestant) chứ hả?

Nghe nhắc lại kỷ niệm cũ, các anh bạn đều cười ồ. Anh Cà-vanh là một người lai Chà Châu-giang, lúc nào cũng trầm ngâm và bí mật, khế bảo :

— Cứ gởi nó qua cho Mười

Tu. Anh Trung khi ấy mới mở lời và nói nhanh như nuốt cả tiếng.

— Thăng Chà lai ác, muốn nó đánh tao bẻ ba-xương non, còn gì? Tao kêu nài là dùm cho tụi bây phần nào, thăng Khanh ở trong khám ăn đồ căn-tin của tao nhiều lắm và nó ước hẹn những gì, tụi bây còn nhớ không?

Các anh bạn của anh Ba liếc mắt nhìn tôi và mỉm cười. Tôi đỏ mặt lên vì đã hiểu ra một phần nào lời nói úp mở họ : thì ra anh tôi vẫn không đổi tánh và chắc đã rêu rao việc đòi chuối và lúa với chúng bạn rồi.

Tôi lui xuống bếp, sai người bắt gà và sửa soạn làm cơm cho các anh. Nơi nhà trên, tiếng anh Trung vẫn liu lo :

— Bữa nay phải có rượu! Khanh mày nói em mày có tài đãi khách, trong mười lăm phút có

liền thức ăn trên bàn, nãy giờ sao chưa có?

— Mười lăm phút chưa?

Chưa, nhưng mới nghe tiếng gà kêu ét ét dưới bếp, mà sao làm kịp?

— Ấy, mầy cứ coi đồng hồ đi.

Anh tôi bước ra sau bếp thấy tôi đang cắt đuôi gà, lột bỏ da còn đầy lông, và sắt thịt xào một đĩa đồ nhậu liền ngay lúc ấy, liền mỉm cười và bảo :

— Hai năm nay, mầy đã lớn nhiều. Tao rất mừng vì má chưa định gia-thất cho mầy, việc ấy rồi để tao lo vì lúc nào tao cũng bản khoản đến tương lai của mầy. À, mầy lo luôn một mâm cơm cúng để tao lên lạy « cũ ».

— Anh lên thấp nhan vái trước đi, độ nửa giờ nữa mới có cơm cúng.

Đĩa gà xào dọn lên bàn tiệc vừa khi má tôi ở ruộng về. Má tôi ôm lấy anh Ba mừng nghẹn cả lời và nước mắt tuông xối xả khiến cho tôi nãy giờ vẫn nén lòng, cũng kéo vạt áo lên lau má. Sau một lúc lâu màng màng tụi tụi, má tôi đứng ở cửa bếp nhìn anh tôi và hỏi :

— Làm sao mà mầy đưa về được?

— Tụi tôi được Chánh-Phủ Trần-Trọng-Kim rước về và do tàu binh Nhật đưa đến hải cảng Sài-gòn. Đã mấy tháng trước người Nhật đến chiếm đảo Côn-nôn, và chúng tôi tranh đấu để được đối xử như người thường dân, khỏi

phải làm lụng vất - vả, nhưng người Nhật vẫn giấu giếm hiện tình trong nước vì thấy chúng tôi không chịu học tiếng Nhật và quyết lòng đấu tranh thật sự cho nền Tự-do và Độc-lập của Xứ-sở. Mãi đến khi về tới bến tàu Sài-gòn, chúng tôi hân-hoan hết sức khi biết Nhật đã đầu hàng Đồng-Minh và trả chủ quyền lại cho người Việt tự quyết.

Anh tôi kể lại những nỗi gian truân đã qua, nào bị nhốt cá-mòi ở bót Ca-ti-na mỗi đêm ngộp thở đến phải ngắt đi mấy bận, nào bị tra khảo đánh đập rồi giải qua khám lớn Sài-gòn bị ghê lở khắp mình đi đến đầu chảy nước vàng góm ghiết đến đỏ, nào khi xuống tàu ra Côn-đảo trải qua một đêm cực kỳ kinh-khủng bên xác chết của đồng bạn, nào khi về sở Ông-Hội chanh nước khiến cho bị sưng thũng cả người, mặt thụng như xè bánh tráng, bụng chang-bang thê mang bầu và chân tay ốm bằng que sậy, đi cang nắng in hình gổ, nửa người nửa ngòm, thấy mà ghê v. v... Cả nhà nghe qua những đoạn bi thảm, khóc mùi !

Anh Ba Khanh cười và bảo :

— Vậy mà không rũ xương Côn-đảo vì nhờ có anh em khuyến-khích lẫn nhau. Riêng tui là tù quan thúc, công việc có nặng nhọc nhưng không nguy hiểm bằng những kẻ có án bị làm các sở đồn củi Chuồng - bò, kéo cây Đất-dốc, đập đá đường Ma-Thiên

Lãnh xây đắp bằng xương máu của tù nhân, mò san-hồ lò Vôi, trồng rẫy ở Cỏ-ống v. v... những chỗ ấy người ta chết rất thường, không có nghĩa lý gì cả. Trong bọn tui tôi, có nhiều người gỏi xương ngoài ấy vì thiếu một chút lòng tin, có anh Mai thắc cổ chết trong rừng một tháng trước khi Tây bị đảo chánh, anh Cận thổ hơi cuối cùng trên giường bệnh trước khi nghe đọc bản danh sách có tên anh được về, và ông Huân, Trần-Thành-Huân, làm giáo sư trường Tabert và là cháu của tên tay sai của Pháp : Tổng-đốc Trần-Đắc-Lộc, đã mệnh chung nơi sở Ruộng là nắm mồ to tát của thực-dân đã chôn không biết bao nhiêu hài cốt các nhà ái-quốc, mà trong số ấy có ông Nguyễn-An-Ninh.

Mà tôi nhìn về ba người bạn của anh tôi, anh Khanh liền giới thiệu từng người :

— Anh Trung và anh Cà-vanh là hai tay đập đá ở Ma-Thiên-Lãnh, một việc nguy hiểm thường xuyên và những tai-nạn giết người hằng ngày xảy ra mỗi bữa, vì phạm nhân phải leo lên núi dùng cây sắt xeo những phiến đá đã bị mìn nổ tét mà chưa rơi xuống, nhờ anh nào giảm phải những chỗ bích-lập, phiến đá này nằm cheo leo lên phiến đá kia, từng nọ chồng lên từng khác, và bị sức người phải lở ở dưới chân thì chẳng những mình bị

hại mà các bạn ở dưới cũng bị đá đổ xuống, đè lên nữa. Vì nguy-hiểm vậy nên thuở trước cụ Phan-Tây-Hồ ; có bài thơ Đập Đá mà hầu hết dân đập đá ở Côn-đảo đều thuộc :

Trai ngoan đừng giữa núi Côn-nôn.

Sừng-sừng làm cho đổ núi non,

Một bữa phá tan năm bảy đống.

Hai tay đập vỡ bốn năm hòn.

Nặng nura chẳng quản thân

sành sỏi.

Sấm sét thêm bền dạ sắc son.

Những khách và trời con lữ

buộc.

Cát lăm chỉ quản phận con con.

Mà tôi lại hỏi anh Ba tôi :

— Còn mấy người bạn nữa

đâu ?

— Còn hai người nữa là Thanh, con ông thầy thuốc ở chợ Rạch-giá, và Trịnh-Lương làm ở sở Cảnh-sát, đều có hẹn ba hôm nữa sẽ vô chơi. À, má à, tôi có vái con heo quay đó nha má, cúng cô-hồn mà, ấy là cô-hồn thẳng Trung này háo ăn lắm.

Anh tôi vừa nói vừa vỗ đùi vào lưng Trung, anh này cười :

— Nó nói xấu tôi đó bác, ở trong khám nó ăn chực của tôi nhiều lắm và nó hứa với tôi đủ điều ...

Mà tôi cười dịu hiền :

— Heo của em mày nuôi trong chuồng đó, muốn quay mấy con thì quay. Cũng phải mời bà con, láng giềng tới chia vui nữa chứ.

Một mâm cơm thơm tất đã dọn lên. Anh Ba tôi xin phép bạn lên nhà trên lay bàn thờ ông nội và ba tôi. Mà tôi mũi lòng, đứng bên bàn thờ khóc ròng ...

Hôm ấy là ngày vui vẻ nhưt nhà tôi từ hai năm nay. Nhà trên đóng cửa im ỉm bấy lâu, giờ được mở hoát tất cả các cửa ra và quét dọn giường chiếu sạch-sẽ cho các bạn của anh tôi ngơi nghỉ.

Chiều lại, má tôi và anh Ba cùng các bạn ngồi đồ đi Chợ Mới để thăm bà nội tôi. Vì vô tình hay hữu ý, hôm ấy, bác Ba tôi vắng nhà và chỉ có anh Thuận ra đón tiếp. Bà tôi mừng lắm, kêu anh Ba lại ngồi một bên, vuốt ve mãi như thuở anh còn bé. Bà bắt anh thuật tỉ mỉ những khổ cực đã qua, thỉnh thoảng bà lại đưa bàn tay già nua lên quẹt nước mắt :

— Mấy về như vậy, tao thấy mặt được, tao có chết cũng không ân hận gì.

À, mà mày có oán « Bè » Ba của mày không ?

— Làm gì tôi dám oán bác Ba tôi, há nội !

— Mấy có giận nó chút nào không ?

— Không.

— Vậy phải đa cháu. « Bè » Ba mày không muốn hại mày, mày biết lòng nó chờ. Nó tin quân Nhiều quá mà hư hại, giờ đây nó đi trốn hoài, sợ người ta tới

bất, tội nghiệp bác gái mầy lo với hai đứa nhỏ lo quá.

— Nội kêu bác về đi, không ai tìm bắt bác nữa đâu.

Bác gái tôi muốn cầm ở lại dùng cơm, nhưng anh tôi kiêu từ. Đò về đến nhà, trời vừa chạng vạng. Cây đèn măng-xông cất trong tủ được đốt sáng giữa nhà. Nhiều nhà láng giềng hay anh tôi được về đến mừng không ngớt, trong ấy có anh Hai Vận là người hàng xóm đã cho tôi bài học chưa cay về tình đời thuở nào kia.

Anh Ba tôi hiểu bụng dạ của con người ấy và an ủi tôi :

— Việc qua rồi, bỏ đi em. Nó xấu với mình mà mình vẫn đối đãi tốt với nó, nó mắc cỡ lấy và tự hối cải.

Anh tôi mời anh Hai Vận vào chung bàn tiệc và tiếng cười, giọng nói, với những câu tương đắc lại vang lên lạnh lạnh như hơi nào kia chưa có chuyện gì xảy ra khiến cho lòng người điên-đảo !

Luôn mấy ngày, anh tôi đi thăm khắp bà con, lối xóm. Ai cũng niềm nở mời ở lại dùng cơm, nhưng anh không dám nhận lời với nhà nào cả vì nếu chịu lòng tất cả thì đi ăn cả tháng vẫn chưa giáp cữ.

Một bữa nọ, vắng người, tôi mới hỏi anh tôi :

— Anh có dự định làm gì không ?

— Thời cuộc này làm gì bây giờ ?

— Tham gia một việc gì giúp nước.

Anh tôi ngồi xuống thêm nhà, chống tay vào má và nói :

— Mầy làm cho tao nhớ lại cái đêm tao thất lộ công việc kín của tao cho mầy trước khi tao bị bắt. Nhưng năm nay mầy đã khôn lớn và hiểu biết chút đỉnh tình hình chánh-trị trong nước, mầy nghĩ sao cứ nói cho tao biết.

Tôi nhớ tới những tin tức vừa nhận được từ hồi chiều. Thời cuộc trong nước biến chuyển lạ lùng. Triều đình Huế vừa lên tiếng sáp nhập Miền Nam vào lãnh thổ Việt-Nam và cử Khâm sai Nguyễn-văn - Sâm lên nắm quyền thì dùng một cái chánh-phủ Trần-trọng-Kim bị lật đổ, Việt - Minh lên nắm chánh quyền và buộc hoàng - đế Bảo - Đại thoái - vị. Trong khi ấy, Nhật đầu hàng Đồng-minh vô điều-kiện, năm cường quốc thắng trận là Mỹ, Nga, Anh, Pháp và Trung-Hoa đang phân chia khu vực giải giới, và nước Việt-Nam nằm vào khu vực quân sự của Anh và Trung-Hoa nên chia ra làm hai : từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc sẽ do quân đội Trưng-Khánh sang tước khí giới bọn chiến bại, còn từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam là phần của quân đội Anh tiếp thu sự đầu hàng của Nhật.

Tôi hỏi anh tôi :

— Đồng-minh có nhìn nhận nền độc lập của Việt-Nam không ?

— Nền độc lập của một dân tộc nào cũng phải do xương máu của dân tộc ấy đổ ra để tranh giành lấy, nhưng nước Việt minh lâm vào một tình thế đặc biệt và sẽ gặp những trở ngại khủng khiếp về mặt đối ngoại mà một dân tộc mới vừa nắm được chủ quyền không nên vấp vấp phải : sự bộc lộ chủ trương thân Cộng quá sớm của Mặt Trận Việt-Minh đã gây nhiều sự mất cảm tình đối với quốc-tế và cắt đứt tình thân tương trợ đối với các lân bang.

— Vậy thì mình phải làm sao ?

Anh tôi cười chua chát :

— Chúng mình chỉ là những con cò nhỏ nhít trong bàn cờ, mà nếu cần, thì phải hy sinh cho ván cờ, vì chưa có một đường lối nào khác hơn nữa.

— Chứng ấy các anh làm gì ?

Anh Khanh trầm ngâm giây lâu và bảo khẽ :

Bọn anh đang trợn bầu nhiệt quyết cho Đất Nước dẫu tàn thân thể cũng cam. Nhưng những người cầm đầu Đông-Dương Cộng-Sản Đảng có cho những kẻ khác phe với họ được dự phần Yêu Nước không ?

— Có gì ngăn cản ?

— Chủ trương tiêu diệt giai cấp và cách mạng xã hội bằng cách thẳng tay phá hoại của họ là một âm mưu giả dối che giấu lòng đồ kỵ của họ đối với các

phần tử quốc gia chân chánh, cũng như họ không thể nào dung tha được những người Đệ Tử cùng một chủ nghĩa : thế giới đại đồng như họ.

— Ô, sao lại có thể xảy ra những chuyện tranh giành ảnh hưởng chánh trị như thế được ?

Anh tôi vuốt tóc tôi và nói :

— Thôi, những việc ấy rồi đây mầy cũng được hiểu, nhưng tao ước sao nó sẽ không xảy ra ít nữa là trong giai đoạn toàn dân đoàn kết tranh thủ Độc Lập này.

— Ủ, có lẽ anh lầm.

— Phải, — anh gần giọng nói—, tao lay Trời cho tao làm, cho kinh-nghiệm chung đụng hai năm với Cộng-Sản trong tù, mà nơi đó con người bị lột trần truồng từ hành-động đến tư-tưởng, cũng làm nổi ! Nếu tao làm ở đó, đời mới là tươi đẹp và có ý nghĩa, vì loài người còn biết đặt tình yêu đồng bào trên lý-tưởng.

Giọng nói của anh Khanh chưa chát một cách kỳ lạ. Tôi chưa hiểu anh, cũng như tôi không thể hiểu tại sao giữa những người yêu nước một cách tha thiết, hy sinh trọn vẹn đời mình cho cuộc tranh đấu của dân tộc, vẫn không thể bắt tay chặt chẽ với nhau, và thậm thay lại còn ganh ghét và giết hại nhau ?

Tôi an ủi anh tôi :

(Còn nữa)

Xã-Giao

Muốn tỏ mình là người Văn-minh, bạn phải biết các phép xã-giao. Nhưng xã-giao cho đúng cách, nếu không thì LỖ-BỊCH đấy, bạn ạ!

★ NGUYỄN-VỸ

 TỪ ngày nước Việt-Nam đã được độc-lập, và Thế-giới đã chú-ý đến Dân-tộc Việt-nam, thì người Việt-nam đã thấy mình cần phải tỏ ra Văn-minh hơn trước. Người ngoại-quốc đến xứ ta mỗi ngày mỗi đông. Họ quan-sát rất kỹ về phong-tục của ta, văn-hóa của ta, hành-động cử-chỉ hằng ngày của ta, — để họ đăng trên báo của họ và viết trong sách của họ.

Kể viết mục này đã được may-mắn có nhiều trường-hợp tiếp-xúc thân-mật với các nhà báo ngoại-quốc và các nhà Ngoại-giao, nhà buôn, người Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Ý, Úc, Đức, Á-rập, Ma-rốc, v.v... Tất cả họ đều tò-mò muốn xem-xét người Việt-nam mà họ được thấy tận mắt, nhất là ở ngoài đường phố, trong các tiệm

kem, các rạp xi-nê, các cuộc hội-hợp, các tư-gia v.v....

Họ ngó từng ông công-chức, từng anh lao-động, cậu học-sinh, các cô thiếu-nữ, các bà... « lớn », các ký-giả, các anh tài-xế taxi, các người đi đường, bất cứ giàu hay nghèo, ngồi trên xe hơi Mỹ, đi trên Vespa, đi xe ngựa, hay cuốc bộ trên lề đường.

Và trong các cuộc tiếp-xúc yên-lặng ấy, — mà phần nhiều chúng ta không ai để-ý, tôi nhận thấy người ngoại-quốc **hiều lắm người Việt-nam nhiều quá**. Tôi nói họ hiểu lắm, vì trong lúc họ ngồi nói chuyện với tôi chung quanh một tách cà-phê, hay một chén trà, họ hỏi tôi nhiều câu không ngờ. Nhiều câu mà mới nghe tưởng như họ ngó-ngẩn, mà té ra chính tại họ không hiểu nhiều cử-chỉ của những người Việt-nam mà họ gặp, hoặc họ thấy ngoài đường phố.

Tôi thật khổ-tâm, và đôi khi hơi tự-thẹn, thấy số đông người ngoại-quốc tỏ vẻ khó chịu và hơi mai-mĩa chúng ta khi họ thấy những cử-chỉ **lỗ-bịch** của một số người, mà họ tưởng **lầm** rằng phong-tục Việt-nam là như thế. Nhất là trên phương-diện **Xã-Giao**.

Vậy xin có mục này, để trình-bày chung với các bạn, nhất là các bạn thanh-niên có học-thức nhiều hay ít, nam hay nữ, một vài hiểu-biết sơ-sài của tôi về phương-diện xã-giao để tránh những cái lỗ-lãng làm chướng mắt những người ngoại-quốc khi họ trông thấy, và để cho chúng ta thông-cảm với nhau dễ hơn trong một xã-hội văn-minh tân-tiến mà mọi người đều phải **lịch-thiệp, lễ-khép, nhã-nhận**.

I. — BẮT TAY

TÔI xin nói thẳng vào đề. Cái tục bắt tay, do người Pháp truyền cho ta, là cái lỗi chào, của các nước Âu-Mỹ mà hiện nay tất cả các dân-tộc văn-minh đều đã quen dùng. Nhưng không phải mình gặp bất cứ ai là mình được phép bắt tay liền. Khi mình gặp một người mà tuổi-tác, hoặc địa-vị **lớn hơn mình**, thì phải để họ đưa tay ra bắt tay mình, chứ không

phải mình chìa tay ra để bắt tay họ. Một cậu học trò gặp một ông giáo, một người thợ gặp ông chủ, một người nhỏ tuổi gặp một người lớn tuổi hơn và đáng kính trọng, mà chìa tay ra trước để chào họ, thì thật là hết sức **vô lễ**, tỏ ra là **thiếu giáo-dục** hẳn.

Trong trường-hợp đó, chúng ta phải **nhường người lớn hơn** (tuổi-tác hay địa-vị) **đưa tay ra trước** rồi ta mới đưa tay ra để họ bắt tay mình.

Một số người Việt-nam không biết phép xã-giao ấy, và dễ gặp ai, bất cứ là họ lớn hơn mình, là cứ chìa tay ra. Nhiều khi người lớn không muốn đưa tay ra để bắt tay mình, vì họ thấy khó chịu, họ có ác-cảm ngay với mình trong lúc đó. Dĩ-nhiên họ khinh mình kém lễ-độ, và kém giáo-dục. Một hôm, tôi đang đi ngoài bờ sông với một người ngoại-quốc, chủ-bút một tờ báo lớn ở Phi-luật-Tân, độ 50 tuổi. Tôi gặp một anh bạn trẻ mà tôi vẫn mến, độ 24, 25 tuổi, thỉnh thoảng hay làm thơ cho tôi coi. Muốn oai chơi, tôi mỉm cười giới-thiệu với ông Chủ Báo ngoại quốc:

— Đây, một Thi-sĩ trẻ tuổi.

Ông Chủ Báo Phi-luật-Tân chưa kịp đưa tay ra thì anh bạn

trẻ của tôi đã hí-hôn chia tay ra ông. Ông nầy bỗng sầm mặt lại, không đưa tay ra, chỉ hỏi xã-giao một câu lễ-đỉnh :

— Thế à ?

Cuộc tiếp-xúc hết sức lạnh-đạm giữa một ông Chủ-bút báo ngoại-quốc và một . . . « Thi-sĩ » Việt-nam !

Tôi bực hết sức. Đến khi tôi từ-giã anh bạn trẻ, tôi phải nói vót-vát với người nhà báo Phi :

— Hân ta là Thi-sĩ, cho nên nhiều khi đặng trí.

Một lần khác tôi đang ngồi nói chuyện với hai ông bạn đã lớn tuổi, bỗng một cậu học-sinh mà tôi quen biết sơ, học thi Tú-Tài ở một trường lớn tại Thủ-đô bước vào. Cậu tiến đến bàn giấy của tôi, và trước mặt hai ông khách, cậu chìa ngay tay ra trên bàn tôi. Tôi khó chịu quá, nhưng tôi cũng

vui-vẻ đưa tay ra bắt tay cậu để xem cậu đến có việc chi, để cậu đi cho rồi. Không dè, cậu quây sang hai bên, chìa tay ra hai ông khách của tôi nữa.

Trong ý cậu, chắc cậu tưởng cậu đưa tay ra trước để bắt tay người ta như thế, tức là cậu lễ-phép chào. Cậu không dè rằng cậu đưa tay ra trước như thế là cậu không biết phép xã-giao. Cậu kém phép lịch-sự của một thanh-niên văn-minh và tân-tiến.

Các bạn nên nhớ rằng dù người lớn thân-mật với mình đi nữa (bác, chú, thầy giáo, v.v....) mình cũng phải giữ lễ-phép ấy, chứ không nên sơ-sàng. Sơ-sàng tức là khiếm-nhã.

Chỉ có bạn-bè, cùng lứa, hoặc cùng địa-vị, mới cùng đưa tay ra một lượt để bắt tay nhau.



SỐ MẠNG !

Ngày 11 tháng 11 năm 1918 vào 11 giờ sáng, ngay lúc còi ngưng chiến thê-thang chấm dứt trận đại chiến thứ nhất, một đứa bé chào đời ở làng Chutsey (Anh). Cha nó ở ngoài mặt trận và hay tin lúc già từ hăm núp. Để giữ kỷ-niệm đặc-biệt này ông ta đặt tên con là Hòa-Bình (Peace).

Nhưng số mạng oái oăm ! Cậu Hòa-Bình bị Đức thả bom chết ở Londres vào năm 22 tuổi đúng vào ngày thứ hai 11 tháng 11 năm 1940 vào 11 giờ sáng !



Những người Độc Mực

L.T.G. — Các nhân-vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc-giả hiểu cho.



Phóng-sự thời-đại của NGUYỄN-THU-MINH

(Tiếp theo P.T. số 10)

KHÔNG đâu, lúc này ít đi chơi rồi. Hay Dung đến vào những buổi chiều ngày chủ nhật, chắc hơn.

Nàng chỉ gật đầu rồi lặng yên nhìn tôi với đôi mắt vô cùng cảm-tình ; âu yếm như đôi mắt người tình nhân thơ trẻ của tôi thuở nào. Đôi môi tươi, lắm quyến rũ ấy vẫn sẵn sàng đón nhận cái hôn vụng dại của tôi áp vào không một chút ngại ngùng, lo nghĩ.

Thời-gian dường như ngưng lại ở giây phút này.

Tôi say sưa, ngây ngất theo chiều hương vay mượn thê xác, dề rồi sau phút thần tiên hiếm có ấy, tâm tư bị dày vò, sầu chán không ít. Nghĩ lại những hành-động, cử chỉ vừa qua, tự thấy tôi dè hèn, tôi tệ quá đối. Chính tôi cũng không thể ngờ rằng con người của tôi lại làm được cái công chuyện . . . ấy đối với Dung. Mặc dù Dung quả thật là một cô gái giang hồ chính tông đi nữa, cũng không nên đối xử như vậy, vì Dung đâu sao vẫn là vợ bạn mà !

Đáng lẽ ra, gặp Dung trong hoàn cảnh này tôi phải giúp đỡ nàng mới đúng, còn không thì ít nhất tự tôi phải chứng tỏ rằng mình khác mọi người ở điểm này và luôn luôn nghĩ đến... bạn. Thế mà, đáng này tôi không làm được trò trống gì đỡ dành cho bạn lại còn vui cười, dầm lên tâm hồn nàng, thể xác nàng để tìm thỏa mãn, thật là hồ thẹn ! Ôi đáng trách cho cái Thằng Người của tôi làm sao (?) Không hiểu Dung, — người đàn ông; bạn tôi — đau khổ ấy hiện giờ ở đâu, đang mãi say trong giấc ngủ hay đang thao thức sầu tư về chuyện đời... , mong đợi vợ về, và có bao giờ nghĩ rằng vợ mình đang âu yếm trong tay người bạn của mình không (?). Dù là bất đắc dĩ.

Nghĩ đến đây, tôi vội lảng sang chuyện khác để mà quên hết đi ! Nhưng khổ thay, hình ảnh Dung đang ở trước mắt, đang nằm trong lòng tôi đây, đang thổn thức hơi thở của tôi, đang truyền qua tôi từng nhịp điệu của mạch máu, làm sao tôi quên cho được. Tôi chỉ biết yên lặng nhìn nàng và phó mặc thời gian, hoàn cảnh xô đẩy...

— Anh dạo này trông gầy hơn trước nhiều, chắc làm việc nhiều quá chứ gì ?

Lời nói của Dung đã làm đảo lộn tất cả ý nghĩ này giờ, bắt tôi trở về với thực-tế; bên

người đẹp, cốc rượu, điệu đàn ơ chồm vũ-trường, cần phải đấu hót, nịnh bợ, người đẹp đủ trò đủ cách mới hòng khai thác thể xác sau này ! Tôi vui cười, nhìn ngay vào đôi mắt huyền long lánh của Dung đáp rất nhỏ-nhỏ :

— Dung trông anh gầy lắm, thật sao ?

— Thật đấy chứ.

Tôi chỉ cười, nàng cũng cười theo rất duyên và dễ thương vô cùng rồi nói với tôi :

— Anh không ra nhảy cho vui ? Nhảy bản « Tango » này đi anh !

Hoàng quay sang đưa tay vỗ vào vai tôi, cười giục :

— Cậu ra nhảy đi. Tối nay cậu thật điếm phúc !...

Xong, Hoàng ghé sát miệng vào tai tôi bảo nhỏ : « Mày làm sao mà con Nga có vẻ cảm mày rồi đấy. Chỉ cần đến vài hôm nữa là được ! Nếu cần, chúng tao sẽ ủng hộ thêm cho ».

Tôi nháy mắt cười ra vẻ ta đây cũng một cây, « đòn phép » có thừa nên vũ-nữ mới « mê » vậy. Rồi cầm tay Dung đứng dậy ra nhảy, vừa đứng lúc Thành và Nga trở lại bàn. Nga vẫn nhìn tôi với cặp mắt lúc trước đầy thương yêu triu mến.

Trong lúc nhảy, tôi và Dung không hề nói với nhau một lời nào, chỉ trao nhau, biểu lộ qua ánh mắt, bàn tay.

Tôi nhảy với Dung được hai bản thì đổi cho Hoàng ra nhảy với nàng.

Trở lại bàn, lần này tôi không vui mà cũng không buồn. Nhìn mọi người trong sự đứng đưng, bất chấp.

Thành đưa tay ra xem đồng hồ hỏi tôi :

— Độ nửa giờ nữa, chúng mình về được chưa ?

— Tùy cậu với Hoàng, mình thì sao cũng được.

Vũ trường giờ này đã bót khách lẫn vũ nữ. Những ông bạn thường trực nơi đây của Hoàng cũng đã lần lượt ra về tìm thú vui khác với vài cô vũ-nữ đã chịu tán dương sự việc.

Càng về khuya, tiếng trống nhạc càng rộn rã, điên cuồng đến tận người.

Những bộ mặt thật của kẻ đến nơi đây đã hiện rõ chân tướng ti-tiện, đồ dẫn của kiếp người kéo cày về đêm.

Hoàng và Dung trở lại từ bao giờ, đang nhìn tôi cười hề-hà. Tôi hất hàm hỏi Hoàng :

— Thành với cậu định lúc nào về ?

— Mười phút nữa. Cậu có còn lưu luyến gì không ? À mà có điều này, ra ngoài mình nói chuyện cho nghe.

Tôi lặng lẽ đứng dậy đi theo Hoàng, Nga nhìn tôi đưa mắt háy trông rất đáng ghét, nói lớn :

— Có gì mà hai người cứ to nhỏ với nhau mãi thế. Nhất là anh Hoàng, dạo này thật đáng « ghét ».

Hoàng vội cúi xuống hôn vào má của Nga vừa nói :

— Anh có ghét-giờ gì em đâu, thương em luôn đấy chứ ! Thôi, chịu khó ngồi chờ một tí, anh quay lại ngay. Em chóng ngoan

Nga tức mình nhưng cũng gượng cười đánh vào lưng Hoàng một cái khá đau khiến Hoàng giẫy cả người.

Vừa ra khỏi cửa phòng Hoàng đã hỏi :

— Minh định kéo con Dung về tối nay đấy. Cậu nghĩ sao ? Nếu ngại mình kéo luôn cả con Nga nữa. Bọn ấy đối với mình quá biết rồi, gọi là em đi ngay mà.

Tôi ngập ngừng chưa biết trả lời sao vì với Nga hay ai khác thì có thể chứ với Dung tôi không đủ can đảm đi quá mức hơn vừa rồi được nữa. Cuối cùng tôi phải cố gắng giải thích mãi Hoàng mới chịu nghe. Tôi cho Hoàng rõ là giữa tôi và chồng Dung là bạn thân từ lâu, đã có một thuở san sẻ cho nhau từng đồng lẻ để đi ô-tô-buýt — cũng như giữa tôi và Hoàng, Thành hiện nay vậy—. Trường hợp ấy, tôi còn mặt mũi nào đưa vợ bạn về nhà mình để mua vui chốc lát được.

Thế là cuộc hẹn hò giữa Dung và tôi tối nay lỡ dở đã đành đến ngay cả Nga cũng chịu ảnh hưởng theo vì Hoàng và Thành cũng không còn tha thiết đến cuộc mua vui như trước nữa.

Chúng tôi từ già Dung, Nga trong ngăm-ngùi, luyến tiếc giữa những ánh đèn đường nhợt nhạt những tấm bảng quảng cáo đầy rẫy những dòng chữ hấp dẫn như: « tài-tử ci-ca-la-ma Tư-Hồ-Viên đặc biệt trình bày toàn nhạc phẩm ngoại quốc: cha-cha-cha, cà-lip-xô..., cô đào trứ danh Hoa-linh-Soa vừa ở Hồng Kông sang, sẽ cống hiến quý vị những vũ-diệu tân kỳ, giọng hát vô cùng mới lạ, quyến rũ... », và không gian chìm đắm trong màn đêm tịch mịch.

Trước khi lên xe, tôi không quên trao tặng Dung một ít tiền gọi là số phí cảm tình đã dành cho tôi đêm nay cùng để làm quà cho mấy cháu... Dung đã vui cười đón nhận rất thân-nhiên và gật đầu cảm ơn lấy lệ như đã từng cảm ơn với bao nhiêu người đàn ông khác say mê nàng, hy-vọng chiếm được con người nàng, mỗi khi trao tặng nàng một đồ-vật gì hay một món tiền mọn!

Trước thái-độ vô cảm-tình ấy, vô hiệu biết ấy khiến tôi thắc-mắc, suy nghĩ không ít để rồi bỗng dưng cảm thấy tiếc rẻ số tiền trao tặng vừa rồi vô cùng.

Về đến nhà, tuy thể xác hơi mệt thật, song tâm trí tôi sáng-suốt lạ thường. Tôi đã buồn nhiều lắm, nghĩ nhiều lắm! Tôi phân vân tự hỏi, có lẽ nàng thực hành câu: « của trời tội vì mà từ chối, không nhận để người khác

nhận có phải ưong không? » Nhất là nhớ lại các chuyện đã xảy ra dồn dập đến với tôi trong ngày. Từ chuyện Alice-Lan ở Champagne gặp ở Lê-Lợi, Alice-Lan cổ nhân tại phòng trà nhạc đến Nga, Dung—vợ bạn đang làm một cô gái nhảy — tại vũ trường v. v. . . Cứ đảo lộn mãi ở trí óc cho đến khi ngủ thiếp đi như một kẻ chết vì bất mãn, uất ức cuộc đời lúc nào không ai hay biết!

Hôm sau, trời vừa tảng sáng, Hoàng đã đến đánh thức tôi dậy và kéo đi ăn điểm tâm.

Trong câu chuyện Hoàng đã nhắc lại cuộc vui tối qua lần việc tôi trao tặng Dung món tiền « sô-phí ». Đại khái: Tôi vội vã, tình cảm quá mà quên suy xét. Cho không phải chỗ, không đúng lúc. Vì theo Hoàng; nàng là một vũ-nữ nhà nghề gần như là chúa đàn vậy. Nên đối với Dung chỉ là vấn đề... tiền, chứ không tình-cảm gì ráo... nếu nàng là người biết nghĩ đã không đối xử với tôi qua những cử chỉ ấy, và lẽ ra nàng phải chối từ không nhận lời về nhà chúng tôi như hôm qua, nhưng sau này tôi đã phản đối...

Tôi lặng nghe không tỏ ý gì cả. Với những nhận xét của Hoàng cũng đúng một phần nào như tôi đã thao thức suy nghĩ suốt đêm qua. Và tôi đâm ra ghê sợ cuộc

đời lẫn lòng người, thử hỏi trong tất cả những con người mà tôi đã gặp ấy, ai là hay là phải, hoàn toàn là NGƯỜI như tôi thường mơ nghĩ, ao ước! Alice-Lan, Nga Dung, Bích, Hồng... chắc gì ai đã tốt đẹp hơn ai (?)

* * *

Thời gian qua, kể từ đêm hẹn hò, ăn chơi nầy lửa hôm ấy, cho mãi đến năm tháng hơn tôi không hề bước chân vào một phòng trà hay vũ trường nào. Sở dĩ tôi « tu thân » như vậy không phải vì thiếu điều kiện tài chánh mà chính là tôi muốn làm vừa lòng Alice-Lan cùng hầu mong tránh được cảm tình của Nga và Dung để lương tâm khỏi bị cắn rứt vì lỗi lầm...

Và cũng từ buổi chiều hôm ấy, Alice-Lan với tôi đã trở nên tri kỷ, đồng hành trên đường đời mưa, nắng... Mỗi tuần Alice-Lan đều đến thăm tôi hai ba bận. Trái lại, tôi không hề tới nhà chị Thu thăm nàng lần nào cả.

Cuộc sống tình cảm giữa tôi và Alice-Lan kéo dài đến gần một năm thì vào một sáng trời đẹp, hoa bướm đua nhau khoe sắc, khoe tài, nàng sung sướng ngã đầu và lòng tôi mà nói:

— Anh! Em nhất định rồi đấy, độ tuần sau là em rời bỏ cuộc

sống tối tăm, đau khổ này. Em không thể kéo dài hơn nữa. Anh nghĩ xem, em cần phải lo cho tương lai các em em cùng con cái sau này chứ! Như anh đã hiểu, cùng kể lắm, không còn cách gì khác em mới phó mặc thân phận mình một thời gian để cứu vãn gia đình, còn khi đã tìm được một lối thoát thì còn dại gì nhắm mắt buông trôi mãi.

Lời nói dịu-dàng, tha-thiết làm sao. Thật tôi cũng không ngờ có ngày hôm nay, ngày mà nàng sắp bước đến một cuộc đời mới cao đẹp. Nhưng tôi cũng không khỏi ái-ngại cho nàng — chẳng khác gì chiếc lá đại giữa rừng — Cuộc đời là cả một hố sâu thăm-thẳm! Dù sao, tôi cũng hy-vọng và tin tưởng ở Alice - Lan rất nhiều — nàng sẽ vượt qua tất cả để đạt đến đích mà nàng nhắm đến, mơ tưởng! Cuộc đời thế nào cũng còn chưa cho nàng một chỗ trống để hít lấy không-khí trong lành để thở!

Tôi dịu nàng vào lòng, nói trong nghẹn ngào, cảm xúc:

— Em tính vậy thì nên thực-hành ngay đi. Càng sớm chừng nào hay chừng ấy Chính anh cũng thầm cầu mong cho em điều này từ lâu rồi;— từ ngày được gặp em lần đầu, và em đã không ngần ngại... đối với anh!

(Còn nữa)

Cụ Phạm-Bội-Châu
tặng Ng. Vỹ.

Vừa tới đêm nay một bạn hiền,
Sông Hương lại lặng mặt con thuyền.
Gió trắng kheo - ló trời đưa khế,
Non nước tình - cò đất gán duyên.
Người chẳng kẻ Nam hay kẻ Bắc,
Tình không ai lạ với ai quen.
Hương-Bến Nùng-Nhi bao dấu-bê?
Liệt-sử nghìn năm há nhớ quên?

Ng. Vỹ phụng họa:

Nồn tọc nghìn đêm sông Hương-Hiền,
Mặt đêm với Cụ, mặt con thuyền.
Trời, mây, trăng, gió, dân đông phận?
Thơ, quốc, lâu-đai, Nước tử duyên!
Chén rượu Thừa-lương, cớ, rồi lệ,
Câu thơ tâm-phúc, lạ thắm quen.
Nước-Non, Non-Nước... tình lại-lặng,
Một nét quan-hoài, chẳng dám quên!

Huế, mùa Hè 1936

Sách Mới Xuất - Bản

* VIỆT LUẬN của Từ Phát Giáo sư (Nhà xuất-bản THANH QUANG)

Luyện thi tiểu học và Đề Thất. Gồm những bài luận mẫu và những đầu đề tương tự, thêm vào đây những đoạn văn chọn lọc của các văn sĩ có tiếng, dùng làm tài liệu cho các em học tập mau kết quả. Soạn đúng theo chương-trình của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục. Rất cần thiết cho các em muốn giỏi về môn Việt-văn — Sách dày 250 trang — Giá 40đ.

* CHỈ-ĐẠO TUYÊN TẬP Chủ Nhiệm Trung-Tả Nguyễn-văn-Châu, Chủ Bút : Đại-Ủy Đào-dinh-Hoan.

Cơ quan ngôn-luận của U. B. C. Đ. C. D. T. C. Bộ Quốc Phòng. Với sự cộng-tác của nhiều nhà văn trong và ngoài quân đội. Nói lên nguyện-vọng tha-thiết của người Việt tự do Chống Cộng — Sách dày 112 trang — Biểu.

4 CÂU THƠ ĐỀ BÌA SỐ 10

Bốn câu thơ in trên bìa PHỔ-THÔNG số 10 dưới nhan đề «Trưa hè trên bến quê», vì nhiều số in không rõ; nhiều bạn đọc viết thư về hỏi, vậy xin chép lại nơi đây:

Ghe gác mái, chập-chờn say nắng hạ.
Trâu mơ nhìn bóng nước gợn lăn-tăn.
Hai thôn-nữ kể nhau bên khóm rạ,
Giấc mơ vàng xao-xuyến một đêm trăng.

★

— LỘN MỘT CHỮ trong bài thơ «Cảm ơn Ngài» PHỔ-THÔNG số 10. Sẵn đây, xin đính-chính luôn một chữ trong bài thơ «Cảm ơn Ngài», PHỔ-THÔNG số 10, trang 40, câu thứ 10.

Thay vì:

..... lâu-đai, xin đọc : lâu dài

— BÀI «Nước Nhật cũng có một ông Nguyễn-Trường-Tộ» ở trang 53 của tác-giả TẾ-XUYỀN mà ấn-công sắp nhăm ra TẾ-XUYỀN, xin bạn đọc tự đính-chính cho, và cáo lỗi cùng tác-giả.

P. T.

Nói Chuyện Hát Bội

* Thân-Văn NGUYỄN-VĂN-QUÝ

Ông Thân-Văn Nguyễn-văn-Quý, cựu Đốc-Phủ-Sứ, một Thi-sĩ tài-ba trông Tao-dàn Diên-Tri, và bạn thân của PHỒ-THÔNG, đã có nhã-ý trao cho chúng tôi bài diễn-thuyết sau đây mà ông đã đọc tại trường Đại-học Sư-phạm ngày 30-4-1959 vừa rồi, trước một số rất đông thính-giả tri-thức nhiệt-liệt hoan-nghe. Chúng tôi xin thành-thật cảm ơn bạn Thân-Văn và xin ông nhận nơi đây những lời khen tặng thân-ái của chúng tôi.

N. V.

Thưa ông Viện-Trưởng,
— Khoa-Trưởng,
— Giám-Đốc Đại-Học S.P.
— Quý ông quý bà và anh
chị em sinh-viên.

CÁU chuyện Hát-Bội mà tôi sắp trình-bày, xin thân ái riêng tặng quý bạn sinh-viên nam-nữ trường Đại-Học S.P. Tôi tặng quý bạn là vì trong một tương-lai gần đây, quý bạn sẽ là những người có trách-nhiệm quan-trọng tài-bồi nền Văn-Hóa nước Việt.

Quý bạn đều là thanh-niên, tức là sinh vào cái thời-kỳ mà Hát-

bội đã lu-mờ, thành thử trên sân-khẩu cổ-truyền, quý bạn không còn xem được, không còn nghe được những nghệ-sĩ ưu-tú mà chỉ đã xem những trò diễn lấy có, hát sai mùa lỗi, không còn tìm đâu được cái nét thuần-túy Hát-bội. Rồi quý bạn không khỏi chê Hát-bội nhấy cóc nhấy nhái, la-lối om-sòm, và quý bạn in sâu vào trí rằng Hát-bội buồn cười, cũ-kỹ, quê mùa.

Hát-bội buồn cười là tại nghệ-sĩ làm cho nó buồn cười, chứ không phải tại nghệ-thuật. Quý bạn có hiểu được chút ít Hát-bội mới thưởng-thức được cái

hay riêng của nó, và nghệ-sĩ phải điều-luyện mới diễn-tả được tất cả cái hay của nó).

Hát - bội là một nghệ - thuật thuần-túy Việt-Nam, có căn-bản có điều-qui, từ âm-nhạc cho đến các giọng hát, cho đến vũ-diệu, từ hình-thức cho đến nội-dung, đều đượm nhuần màu sắc DÂN-TỘC TÍNH.

Trong phạm-vi hiểu biết hẹp-hoài của tôi, tôi sẽ rón dấn dặt qui bạn đến cái chỗ hay của Hát-bội.

Theo tài-liệu trong-sử, Hát-bội có tự đời Lê-ngọa-Triều. Năm 1.005, có một kẻ phurong - chèo người Tống, tên Liên-thủ-Tâm sang Việt, vào hầu vua Lê, dạy cung-nữ hát.

Đến đời nhà Lý, cũng có một vị đạo-sĩ người Tống sang dạy hát tuồng, rồi đến đời nhà Trần, Trần - hưng - Đạo thắng quân Nguyên, bắt được tên giặc danh Lý-nguyên-Cát, là một nghệ-sĩ trứ danh về lối hát cổ. Cát được lưu lại làm thầy tuồng, dạy con quan và dân-gian hát.

Vậy cứ theo sử mà tính, thì sân-khẩu cổ truyền có từ một ngàn năm nay.

Tôi nghe người ta hay nói « HÁT BỘI ». Thưa quý bạn, chữ BỘI không đủ nghĩa, và không có nghĩa hát-bội trong Tự-vị hay

Tự-Điền của Huỳnh-tĩnh-Củ, Génibrel, Bailly hay Cordier.

Nếu lật các tự-vị, tự-diễn trên đây chúng ta sẽ thấy chữ BỘI là ban hát, con hát, cơ trò bội. Chữ BỘI viết: 俳, có nghĩa là « không quen », (nghệ-sĩ học tuồng cho nhớ rồi ra sân-khẩu diễn lại).

Trong tự-diễn lại có chữ BÀI mà người Tàu phát âm ra nghe BỘI và có nghĩa là Hát-bội. Chữ Bài viết: 俳

Đó là dựa vào tự-diễn, tự-vị, còn theo dân-gian truyền khẩu, có hai câu ca-đạo xác-nhận chữ BỘI.

« Trồng trầu trồng lộn dây tiêu,

« Con theo hát-BỘI mẹ liễn con

ngoài BỘI,

« Ngó vô nhà như bội TẦN-VƯƠNG.

Trên đây là nói sơ về lịch-sử hát-bội và xác-nhận chữ BỘI.

Câu chuyện mà tôi trình bày hôm nay, chia ra hai khoản:

1.— Văn-chương tuồng cổ

2.— Các giọng hát chánh hát-bội.

VĂN-CHƯƠNG TUỒNG CỔ.—

Văn-chương tuồng cổ có thể nói là gồm gần hết các thể văn, tùy theo giọng hát mà viết.

Hát Nam viết theo song-thất hay lục-bát. Tôi đây tôi nhớ đến một văn-sĩ đất Bắc là ông Phan-mạnh-Danh, ông thân-sinh của

ông giám đốc Đại-Học Sư-Phạm Phan-thế-Roanh bút tự Phù-Giang Vân-sinh. Ông Phan-mạnh-Danh vừa là thi-sĩ, họa-sĩ, soạn-giả tuồng cổ, lại là một nhà chí-sĩ đáng kính-mến. Ông chết năm 1942 để lại những tác-phẩm như: Bút-Hoa, Cờ-Thi, Xuân-Mộng v.v... và có soạn tuồng hát-bội « HOA-TIÊN ». Ông là người đồng thời với ông Tú-Xương, làm bạn cùng nhau rất thân. Một người viết tuồng, một người hát. Những lúc không tiền uòng rượu, ông Tú-Xương ra chợ ngồi che mặt hát lên cho người qua lại thưởng tiền.

Tôi rút trong tuồng Hoa-Tiên hai câu hát Nam-ai, một câu song-thất, một câu lục bát, và hát lên để tặng ông bạn Phan-thế-Roanh.

Lối qua nam (Dương-giao-Tiên nói) *Tình-lang ôi !*

Nhất đái Tần hoài thanh kiến
đề,

Liễu ty nan hệ biệt-ly nhân.

Nam ai— Dãy sông Tần trong
gần đến đây,

Đoái trông chừng nước chảy
dòng xuôi.

Liễu dương đầu có tơ dài,

Khôn đem mà buộc lấy người
biệt-ly.

XUÔNG, BACH, NGÂM, THÁN
thi dùng thi tứ tuyệt :

Cung quế Hằng-ngà lẫn bóng
thềm

Vì trăng nên nổi bận tình đêm.

Phải biên lãm thủy là đây tá
Chỉ neo cầu Lam sẵn lối tìm.

(Rút trong tuồng Hoa-Tiên)

NÓI LỐI— Dùng văn văn và
đối. Hoặc bốn chữ, năm chữ,
sáu chữ, bảy chữ hay nhiều hơn
nữa, tùy thích soạn-giả :

— Bốn chữ : Sảo văn ước-lược
Thậm giác bồi-hồi.

— Năm chữ : Đồn đã in cầm
sắt,

Phận thêm đẹp xường tùy.

— Sáu chữ : Đất tuy vẽ cuộc
Hoa-di

Trời thiết kết duyên ngư-
thủy.

— Bảy chữ : Trăng hồng lầu
giục não lòng ta

Gió cổ quốc đưa sầu dạ mỗ.

— Nhiều chữ :

Cánh học-hồng vi bằng gặp
gió liệng mây xanh

Gan Ung-khuyển cũng quyết
nghiên tro quặng bề bạc

LỐI GIẢ hay **LỐI GIÂM** hay
LỜI HẰNG (**HUÔNG**) thì văn
xuôi thường « Từ ngày tôi sai
Lưu-Khánh về Trường-an thăm
thỉnh, tự thử « chí tư, mản rãng
có vắng tin này... »

HÁT KHÁCH dùng hai câu thì
bảy chữ, hay trọn bài thì tứ-
tuyệt hay là hai câu đối nhiều
chữ,

Thi— Trục khứ trường đồ bộ-
bộ khinh

Hoang mang sách mã vọng
quan thành

Trất phong mộc vũ thiên sơn lộ,

Đái nguyệt phi tinh vạn lý trình.

Đối— Thế nước đang nguy, tay
nhi-nữ phá gông nô-lệ

Lòng dân còn hận, kiếm hường-
nhân giải tỏa xâm-lãng.

Hai điều cần-yếu trong lối
hành-văn hát-bội là **đối** và **văn**.
Đối chữ, đối ý, đối nôm và nếu
giữ cho được nôm đối nôm, chữ
đối chữ, càng chín.

« Gió liễu phát-phơ vườn hạnh,

« Mưa mai lác-đác cành dương.

« Đã phủ rồi son phấn một
trường,

« Âu trở lại nước non ngàn dặm.

Gió liễu đối mưa mai, phát-phơ
đối lác-đác, vườn hạnh đối cành
dương. Đã phủ rồi đối âu trở
lại, son phấn đối nước non,
một trường đối ngàn dặm. Câu
nhi văn ương (dương), câu ba
ăn văn (srong).

Ngoài luật đối, văn còn phải
đề bình-trắc cho cân, cho có âm-
điệu mới dễ hát. Thi là nhạc
mà như là thi ở trong tuồng hát.

Lấy một ví-dụ trong điệu *hát-
nam*. Câu ba gọi là câu hạ, nghĩa
là hát rồi vô buồng. Ngày xưa
sân khấu dựng lên lúc hát đình
miếu, bước lên đề ra màn gọi
là thượng, bước vô buồng gọi
là hạ.

Trước khi hát câu Nam ba,
nói « tôi a » rồi qua nam, mở
bốn chữ đầu mau và liền lại, rồi
lời lần lần đề dứt mà vô buồng.
Vây chữ thứ tư về nhưt (câu lục)
phải nống lên, đặt vào đó dấu

hỏi hay dấu ngã thì dễ lên lắm.

« Khổ cho thân liễu... dặm
trường,

« Vững trăng xẻ nửa, bước
đường chia đôi.

Nếu, thay vì chữ *liễu*, viết chữ
gái, bát thì được mà âm-thanh
không bằng.

* * *

Tôi vừa nói sơ-lược về văn-
chương tuồng cổ, giờ sang qua
điểm quan-trọng buổi nói chuyện
hôm nay : Các giọng hát chánh
Hát-bội.

Mỗi tuồng hát-bội đều khởi
bằng lối *giáo-dầu*, gồm những
lời chúc nhà an, nước thanh,
dân sự vui chơi.

Năm 1363, vua Trần-dụ-Tôn ra
lệnh bắt các vương-hầu phải
đặt tuồng hát-bội dâng lên vua
xem và chấm thưởng. Tuồng
hay được ban khen và đem ra
hát ở bội-đình. Vì thế nên có
lối *giáo-dầu* chúc thái-bình
thanh-trị.

Kép ra đầu tuồng, đứng oai
nghiêm, dăng từ tiếng từ câu
dứt mỗi câu có điểm trống.

Trong tuồng «*Ngũ-biến báo phu
cửu*», tướng Lôi-thiên-Thắng giáo
đầu :

Màu độc-lập diêm xanh cây cỏ
Mây thái-bình ửng đỏ non sông.

Trai ca ngâm vui nghiệp thương
nông,

Gái xường vũ họa bài dung
hạnh.

Giềng mỗi thiện hai vai nặng
gánh,
Chỉ tang bông bảy thước nâng
cao.
Quyền nguyên-soái Phiên-trào,
Danh xưng Lôi-thiên-Thặng.
Văng hát cũng có chút, gọi là
văng, tấn :
Mừng đã phong vân khế hội,
Toại thay loan phụng sánh
duyên.
Chúa Nam-trào bách phúc tinh
trần,
Nguyễn thiên-hạ tam đa điệp
kiến.

* *

Trong thân tuồng, tùy những
lúc mừng, giận, vui buồn, thương
ghét, mà viết lối hát vui như nam
xuân, lối xuân, ngâm, khách thi,
khách phú, khách tầu, buồn có
lối ai, nam ai, oán, oán, khách
hồn. Xướng và bạch thêm về
oai nghi, hùng-dũng của tướng
tài, đào võ.

NÓI LỐI — Nói lối theo điệu
hát-bội là xướng nói một lúc, tán
một bài trong truyện. Lại có
nghĩa là một đối, một đường. Con
đường dẫn-dắt tới các giọng hát
khác (xuân, ai, oán, khách). Bài
khó nhứt của hát-bội là nói lối.

Dẫn-dắt sang giọng là như vậy:
muốn hát khách, không thể mở
miệng hát liền được, phải có lối
mở hơi khách, để báo cho giàn
nhạc biết sắp hát khách. Châu-
Du mời quan-hầu uống rượu

mở lối khách :

« Ngã cam thất lễ, thất lễ,
« Miễn chấp tình Du, tình Du...
qua khách : Cung thỉnh tướng
quân đồng bả trản
Dữ ngộ hiệp lực phá Tào-man.
Lối có hai giọng : xuân hát chỗ
vui, ai hát lúc buồn.

Lối xuân đề xưng tên, nói một
minh hay nói chuyện với vai
khác.

Lối ai hát những lúc than thở
vận thời, bâng khuâng nou
nước, nhớ cha mẹ mà cảm nghĩa
sanh thành, chia phụng-loan mà
buồn tình phu phụ.

Địch-Thanh trốn Thoại-Ba đi
bình Liêu, Thoại-Ba chạy theo
kịp, hỏi sao niềm chồng-vợ không
nghĩ lại trốn mà đi. Địch-Thanh
than rằng : « Tôi đã mang phần
nghịch, thì tình khó nghĩ phu-
thê. »

Thoại-Ba đáp lại, nói lối ai :
(ông không nghĩ tình nghĩa
phu-thê thì ông dòm cái bụng
thiếp mà ông coi : vậy chớ)

Hình hài ai ? Khi huyết ai ?
(mà ông đi lo)

Sự nghiệp đó, công - danh
(cũng) đó, hôm nay ông đi bình
Liêu rồi ông trở về Tống, khó
cho thiếp (cha chả là khó)

Nghĩa phụ đã ra quả phụ,
Hữu phụ lại hóa vô-phụ.

Trắng đã cười cái phận đơn cô,
Gió lại cột nỗi duyên tịch-mịch.

(Cổ Ba Đắc nói lối Điều-Thuyền
xuân qua ai)

Xuân— Minh nương chốn ca-
lâu,

Điều-Thuyền là tên thiếp.

Như tôi :

Lòng son hãy ngăn ong đón
điệp,

Lầu tia chưa quyến gió ghẹo
trắng.

Má đào còn giục-dã buổi ngày
xuân,

(nhưng không biết sao mà)

Qua lối ai— Mây liễu luống ủ-
ê khi đêm vắng.

(tôi thấy gia-gia tôi, chẳng hiểu
sao mà)

Cứ than-thở cang-thường gánh
nặng,

Những âu-lo quân-quốc ơn sâu.
(nên chỉ tôi buồn cha chả này)

Trắng mơ-màng não bấy con
sầu,

Gió phưởng - phất đưa từng
đoạn thăm.

XƯỚNG, BẠCH.— Xướng và
Bạch đều theo thể-văn : hoặc
một bài thì tứ-tuyệt, hoặc hai
câu thi và hai câu đối nhiều chữ.
Trước khi xưng danh, những hồ-
tướng hay đào võ, hay các vị
tiên bạch hay xướng. Bạch hát
nhất và hùng-hồn, Xướng hát,
chậm rãi, trang nghiêm, nhàn-
lạc. Hai giọng đều có kèn đưa
hơi.

(Cổ Hai Nhỏ xướng học trò tiên)

Oanh thanh chu chiết hiểu
phong tiên,

Xuân sắc liễu nhân viên
mộng khiên.

Liễu điệp tranh nghiêng hoa
hiếu mị,

Nhàn tình vô hạn tịch phương
niên.

(Cổ Ba Đắc bạch theo tướng
Châu-Du trong Tam-Quốc)

Hoành hành tứ hải chiếm
trung-đồ,

Danh quán anh - hùng thế
thượng vô.

Đồng quá long môn oai lâm-
lâm,

Thân phi, thiết giáp sáng
cơ-đồ.

NAM XUÂN.— Một giọng hát bi-
đát mà hùng-tráng. Hát những
lúc hào-khiet lạc chúa lia cha,
hoặc anh-hùng đi lánh nạn, hoặc
sĩ-khó đến trường thi. Những vai
ấy hát nam-xuân có ý tỏ rằng
người trượng-phu chí-khí, không
vội nước mắt cho đuối hơi
oanh-liệt.

Khi du-ngọa hứng cảnh cũng
hát xuân cho vui.

Quan-Công phò nhị tầu quá
quan :

Nói lối— Võ-ky-quân ! Tiền đồ
chỉnh túc,

Hậu kỵ bài khai.

Vọng Nhữ-nam nhứt lộ bốn lai,
Châu-Thương !

Quản xa trượng đồng đoàn
trực vãng.

Qua xuân— Xa-trượng đồng đoàn
trực vãng,

Đứng anh-hùng bao quản
gian - nan.

Nhị tầu — Bất bình giương lửa
giữa đường,

Vì chia gánh nghĩa nên vương
sợ sâu.
Quan-Công— Non từng sóng vũ
lao-xao.

Trần ai gởi bước anh hào
còn xa.

(*Cô Hai Nhỏ hát xuân lớp Thoại-
Ba du xuân*)

Nói — Các con, nay đã đến
xuân rồi :

Rước gió liễu dương mấy sắc

Chào sương đào nhóm trăm
màu

Muôn ngàn ngày giải thử cơn
sầu,

Vầy một cuộc dạo chơi cảnh lạ.

Xuân — Cảnh lạ dạ cho thỏa dạ,

Qua ai — Kéo lâu ngày lã-chã
châu rori.

Trở xuân — Vùng mây dệt gấm
giữa trời

Cá trùng mặt nước, chim cười
đầu non.

Giang-san dẫu trước hỡi còn,

Nửa vùng phong nguyệt vuôn
tròn như xưa.

NAM-XUÂN-THOÀN— Hát đi tu.

Điệu thoàn khác hơn xuân

thường là phải thoàn một chữ

nhì dẫu huyền ở về nhì.

(*Cô Ba Đắc hát Xuân-thoàn —
Nguyệt-Kiều xuất gia*)

Nói lối — Xe rồng em trở lại

Đậm liễu chị trái qua.

Giã năm em còn hưởng vinh
hoa,

Phò một mối cho toàn huynh-
đệ.

Qua xuân thoàn — Một mối
cho toàn huynh-đệ

Mặt giã từ tương sĩ *quần* liêu
Mặc ai giàu mển sang yêu,
Mưa mai để biết *nắng chiều*
nào hay

Hư vô là đạo màu thay

Hữu duyên Phật độ có *ngày*
siêu thăng.

Kéo dài chữ *quần*, *chiều* và

ngày, từ không dấu đến dấu
huyền.

NAM AI— Giọng buồn thăm du-
dương. Dùng hát trong cảnh bi-

ai, vợ xa chồng, con xa cha, hoặc

như gái tìm chồng thiên sản vạn

thủy, hoặc như tớ theo thầy gởi

vác nầm sương.

Công-chúa Ngụy trong tường

Mao-y Thần-cung, lúc chạy theo

Trọng-Thủy :

Nói lối — Thế-nữ bây, bà
nghe rằng :

Tình là dây oan trái,

Tu là cội phúc dày.

(chớ như bà đây)

Bỏ chữ tâm mà cạy chữ tài,

Nên tài sắc nằm trong phận
bạc.

Qua nam ai — Tài sắc nằm
trong phận bạc

Trách ai làm hương lạt duyên
phai.

Thế-nữ nam— Đường tình gấp
bước chông gai

Thử xem dạ sắt có phai lòng
vàng.

Công-Chúa nam — Cái duyên

Chức-Nữ Ngưu-Lang

Cầu Ô đã bắt lại toan đứt cầu.
(*Cô Ba Đắc hát ba câu nam ai
Hồi-nguyệt-Cô thất ngọc*)

Nói lối — Tinh thần ủ liệt, ủ
liệt,

Hồn phách đề mê, đề mê.

Thời gió hương man-mác chốn
u khuê,

Bóng trăng lọt mơ-màng nơi
bạch lãnh.

Gió liễu phát-phơ vườn hạnh,

Mưa mai lác-đác cảnh dương.

Đã phui rồi son phấn một
trường,

Âu trở lại nước non ngàn dặm.

Qua nam ai— Ngàn dặm thẹn
cùng non nước.

Gấm mơ màng thân trước thân
sau.

Đậm hoè một bước một đau,

Nhìn xem cảnh cũ ra màu dờ-
dang.

Ôm lòng hổ với phu-lang,

Ái ân lỗi hẹn cùng chàng trăm
năm.

NAM CHẠY— Giọng nam-ai
nhưng hát nhất-thức hơn. Trong

tường Mao-y Thần-cung, Trọng-

Thủy trốn về Tề, vợ lớn đợi

phía trước, vợ nhỏ chạy theo sau

kêu : Bớ phu-quân đình bộ.

Nói lối— Khổ cho tôi thời thời :

Bước anh-hùng đang tưng.

Tình nhi-nữ còn mang.

Thôi thôi,

Tề lương duyên đầu nữ phụ-
phàng

Nguy oan trái đành cam lờ-dờ

Nam chạy— Oan trái đành cam
lờ-dờ

Đã theo Tần thì Sở phải buông.

NAM DỨT hay là **NAM BIỆT**
hát lúc đào kép xa nhau, kẻ đi
ủ mặt, người về héo gan. Người
ở nhìn theo người đi, giọt lụy
tràn trề, hát câu :

*Bớ phu-quân, bớ... Ên qui nam
nhận hồi lãnh bắc*

*Ngựa quày đầu ruột thắt từng
con.*

LÝ QUA NAM— Lý hai câu
rời bắt qua một câu nam ai. Hát

những lúc hôn ma đưa người qua

núi, khi người sương - phụ ru

đứa con côi, khi người thực-nữ

ngồi dệt đoạn tơ lòng (như **Cửu-
Nhĩ** thêu Trân-châu-ký).

Câu lý thi nhịp một (cắt **rạp**

cắc — tiếng cắc gõ giã, tiếng

rạp nhịp mặt trống có **dằng tay**)

rời kéo dài hai chữ sau rồi ở về

nhì để qua nam.

Lối mở lý qua nam là hai câu

hay bốn câu lối ai, xuống chữ

« **HỒ** » rồi tán một câu lục-bát

ngâm buồn hay là một vế tron
bảy chữ.

Nói lối ai— Nhặt mối chỉ ruột

tâm duyên-chuyên

Lòn tròn kim dạ ngọc bưng-
khuang.

Nhớ tình-nhân cứu khúc kim
châm,

Tủi thân-phận song mâu lụy
đồ... hồ...

Tán qua lý — Cao xanh sao nữ
ghét hương-nhan ...

(*Cô Hai Nhỏ lý qua nam lớp
đào Xuân-Lan trong tường Lê-Lợi*)

ngồi lẫn khuôn dẹt mà nhớ nước (thương non).

Nói lối — Ngón kinh-luân kéo kết tơ vàng,

Khuôn nhứt nguyệt lần đưa thoi ngọc . . . hồ...

Tán lục bát — Xuân đi rồi lại xuân về,

Nước non cũng vẫn một bề buồn xuân.

Lý — Kìa một dãy non sông gấm vóc,

Trách ai làm tang-tốc cỏ cây.

Qua nam ai — Buồn xuân càng gặt càng đầy

Bưng-khuâng nước mắt, ai hoài nhà tan.

Trong Chinh - Phụ - Ngâm hay Bản-nữ-thần, bắt câu là ở đoạn nào, cứ lấy hai câu bảy chữ (song thất) và một câu lục bát là lý qua nam được.

Ví dụ : Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi

Chàng sầu xa tìm cỗi thiên san

Múa gươm rượt tiễn chưa tàn

Chỉ ngang ngọn giáo, vào ngàn hang beo

HÁT KHÁCH.— Cũng kêu là hát bắc, hay hát loạn (hát giọng mạnh - mẽ, giọng tương). Truyền rằng nguyên - nhân chữ khách là nói người khách tức người Tàu, giọng hát khách nháy theo giọng hát Quảng. Nói như vậy là sai vì giọng khách riêng biệt của người Việt không có mùi ngoại-lai.

Về mặt văn-chương chỉ có hai điệu khách : **THI** và **PHÚ**.

Khách thi là hai câu thi bảy chữ hay là trọn bài Tứ-tuyệt.

Khách phú là hai câu đối nhiều chữ, thường là 11 chữ.

Về mặt nhạc-điệu thi có bốn thứ khách :

— Khách thi

— Khách phú

— Khách tàu

— Khách hôn.

Khách thi và phú tôi đã có cho ví-dụ trong khoản « Văn-chương tuồng cổ. »

Hôm nay tôi tới đây không phải là một sự ngẫu-nhiên mà chính là tôi có duyên cùng quý bạn sanh-viên Đại-Học Sư-Phạm. Một mối duyên văn-hóa mà thôi. Vậy tôi hát tặng quý bạn câu hát sau đây mà tất cả quý bạn đều biết :

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ

Vô duyên đối diện bất tương phùng.

(Cô Ba Đắc và cô Hai Nhỏ trình bày một lớp đối đáp giữa kép Lương Sinh và đào Bích-Nguyệt trong tuồng Hoa-Tiên của ông Phan-mạnh-Danh, kính tặng ông Khoa-Trưởng).

Lương-Sinh nói — Xin nàng hãy thung - dung một phút,

Để tôi đây bực-bạch đôi lời. (như người ấy mà vô tình vô ý tôi chẳng nói làm chi)

Nhưng tôi suy lại xét đi,

Người ấy thực hữu tình hữu ý... lắm thôi...

Hát khách— Xuân sắc lai thời, mãi lộng thiên kiều chi thác ái, (nào những thế mà thôi đâu)

Thu ba khur hậu, chiêu yêu nhứt tiểu đã lưu tình.

Bích-Nguyệt nói— (người chẳng qua)

Tình quân càng thêm nghĩ quân,

(mà) Tưởng cần nên lại nói cần.

(như cô tôi mà cười chẳng qua là)

Hát khách.— Quân thị khinh chồng, học lễ bất tăng chi lễ tại,

(nào tình ý chi đâu)

Thư phi biệt ý, vô tình hữu nhận hữu tình khan.

* *

HÁT KHÁCH ĐỆM CHỮ.—

Chúng tôi trộm nghe thuở ngoài Hà-nội hát-Bội còn thịnh, kép Cương hát ở rạp Quảng-Lạc, thường làm Quan-Hầu, hát khách một đôi khi thêm vào một hai chữ, rất có ý nghĩa và nghe rất hay.

Trong tuồng Phục-Huê-Dung, Quan Hầu hỏi quân-sư Gia-Cát hát câu khách phú :

« Tịch nhứt Đào-viên sanh tặc nguyên tử chi tặc nguyên,

« Vu kim giáo mạng bỉ tranh đương ngã bất tranh đương.

Kép Cương thêm vào vẻ nhì chữ « HẢ » và hát « Hà ngã bất tranh đương ».

Chúng tôi bắt chước hát cho vui.

* *

KHÁCH TÀU— Hát mau như chạy ngựa, ra vĩ bằng bộ tấn thối mau.

Trong tuồng Hộ-sanh-Đàn Kỷ-lan-Anh giục mã đi tìm Tiết-Cương.

Nói— Hồ-nô ! Lãnh bửu-kiểm Hồ-nô con tùy hậu,

Lâu-la ! Tương điều cung thần-mã hiển lai

Mang - mang xuất liễu sơn ôi,

Tốc-tốc tam lai lý lộ, a... họ họ...

Hát khách tàu— Thử cảnh thử tình tâm tự khổ,

Khả nam khả bắc lộ đa kỳ.

Trước khi từ-giã qui ông qui bà và qui bạn sanh-viên mà tôi hẹn sẽ tái-ngộ trong một ngày khác, tôi nhớ cô Ba Đắc hiển qui ông bà và qui bạn điệu oán Điều-Thuyền là một điệu chỉ riêng cho vai Điều-Thuyền.

Nêu— Hường-nhan hồ... Ái a... Hường - nhan, hường - nhan...

Oán— Chỉ hận thiên quyền bất xuất môn,

Nhứt xan tình sạ hương thủy môn,

Sầu vân ám tỏa quân vương hận,

Thiệt xỉ hàm thịnh xã tắc luân. (1)



Kính chào qui thỉnh-giã...

(1) — Bài này chép theo bản của nghệ sĩ, không chắc là đúng nguyên-văn.

LẠC HƯƠNG

ĐÊM NAY

Nơi nào đây ? Thăm mờ sương ?
Cát bồi, sông lạnh, buồn vương xóm làng
Năm xưa qua bến dò ngang
Lệ ai đưa tiễn mấy nàng sang sông ?...
Chừ còn chi nữa mà mong
Tình mười năm, thế là xong cuộc đời !
Đầu non trăng nhạt vàng môi
Ngập ngừng chân bước mà vơi tâm tình...
Mấy năm say ánh bình - minh ?
Tủi cho ai sống một mình hoàng - hôn ?
Đêm nay trở lại cô thôn
Nghe trời rủ mộng, nghe hồn tịch liêu
Chân đi xa vắng đã nhiều
Tràng giang tiễn bước, mây chiều chia tay
Tình quê hương ngấm dần... say.
Có người sương gió đêm nay lạc đường ?

NGUYỄN PHÚC ANH

BONJOUR TRISTESSE của F. SAGAN,

Buồn ơi, chào mi !

BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề rút ngắn câu chuyện, bắt đầu từ chương này tôi chỉ dịch những đoạn chính trong cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xét thấy không cần thiết lắm. Xin bạn hiểu cho.

DIỆU - HUYỀN

(Xem từ P.T. 1)

CHƯƠNG V và VI

VÀI HÔM sau, trong bữa ăn trưa và cũng tại vấn-đề khó- chịu về các bài học nghỉ hè, xảy ra một cuộc cãi lộn. Tôi có hơi bướng-bỉnh quá lối, cho đến nỗi Ba tôi cũng nổi giận và rút cuộc bà Anh-Lệ nhốt tôi trong phòng, khóa trái cửa lại, mà không hề lớn tiếng mắng tôi một câu nào.

Lúc tôi khát nước, tôi thử xô cửa, cửa không mở, tôi mới biết rằng Anh-Lệ đã đóng chặt cửa. Cả đời tôi, tôi chưa lần nào bị nhốt như thế: tôi sợ quá, tôi hoảng-hốt. Tôi chạy lại cửa sổ, thấy không có cách nào thoát ra được nơi đó. Tôi chạy trở lại

cửa lớn, giống như người điên, tôi tông cánh cửa, vai tôi bị đập vào đó đau điếng. Tôi tìm cách bẻ gãy ổ-khóa, rần tôi nghiêng chặt lại, nhứt định không thêm kêu ai mở cửa cả. Tôi dứt cái kèm cắt móng tay vào lỗ khóa để mở thử, nó dính kẹt trong đó. Thế rồi tôi đứng yên giữa phòng tôi, hai bàn tay trống rỗng, vô phương-kế.

— Lần đầu tiên tôi tiếp-xúc với sự tàn-bạo: tôi cảm thấy nó kết-bám nơi tôi, tôi càng suy-nghĩ nó càng thắt-chặt trong ý-nghĩ của tôi. Tôi nằm dài trên giường, xây-dựng tỷ-mỷ một kế-hoạch.

— Sáu giờ chiều Ba tôi mở cửa. Lúc ông bước vào buồng, tôi ngồi dậy như một cái máy. Ông ngó tôi mà không nói một lời, tôi cũng mỉm cười ngó ông, như một cái máy. Ông hỏi :

— Con muốn nói chuyện với Ba không ?

— Tôi bảo nói gì bây giờ ? Ba đâu có wa nhiều chuyện, con cũng vậy. Những cuộc giải-thích như thế chẳng đi đến đâu cả.

— Đúng. Ba muốn con phải từ-tế với Anh-Lệ, phải nhẫn-nại.

— Câu ấy làm tôi ngạc nhiên : tôi, phải nhẫn-nại với Anh-Lệ... Ba tôi đảo ngược vấn-đề rồi. Nghĩ cho chi-lý thì ra Anh-Lệ là một người đàn-bà mà Ba tôi buộc đưa con gái của ông phải nhìn-nhận. Thật là quá trái-ngược. Nhưng tôi còn hy vọng. Tôi bảo :

— Thái-độ của con lúc trưa thật là không đẹp. Đề con đi xin lỗi Anh-Lệ.

— Con... con... còn có sung-sướng không ?

— Dạ có chứ, Vả chẳng, nếu chúng ta gay-cấn mãi với Anh-Lệ, thì con đi lấy chồng sớm hơn một tý, chứ có gì đâu.

— Tôi biết giải-pháp này không khỏi làm cho Ba tôi đau khổ.

— Không nên nghĩ đến chuyện đó... Con đâu có phải xinh-đẹp như nàng công-chúa Bạch-Tuyết... Con thích từ-giã Ba sớm thế sao ? Cha con mình mới sống với nhau được hai năm thôi...

Ý-nghĩ ấy làm cho tôi xót-xa đời-đoạn. Ba tôi cũng thế. Tôi tưởng-tượng đến lúc tôi phải từ-biệt Ba tôi, ôm Ba tôi mà khóc, mà nhắc đến những lúc vui sướng đã qua. Tôi bảo :

— Ba biết tánh con hay nhõng-nhều quá lố. Chữ Anh-Lệ và con cũng hợp-ý nhau lắm. Nếu hai bên đều biết nhượng-bộ nhau...

— Phải.

Chắc ông cũng biết rằng có nhượng-bộ thì chỉ một mình tôi nhượng-bộ thôi. Tôi bảo :

— Ba biết không, con hiểu rằng Anh-Lệ nói lúc nào cũng có lý, làm việc gì cũng phải cả. Vì thế nên cuộc đời của bà thành-công hơn chúng ta..., chưa nặng ý-nghĩa hơn nhiều.

Ba tôi hình như không tán-thành lắm, nhưng tôi không cần, cứ nói tiếp :

— Một vài tháng nữa đây, con sẽ hoàn-toàn chịu ảnh-hưởng của Anh-Lệ : chừng đó sẽ không còn những cuộc cãi vã bầy-bạ giữa chúng ta nữa. Nhưng đợi đến chừng đó thì con còn cần phải có chút nhẫn-nại...

Ba tôi khẽ bảo :

— Con không nên nghĩ rằng. Tôi, nhìn-nhận rằng Ba đã bắt con sống một cuộc đời không hợp với tuổi của con... mà cũng không hợp với... với... tuổi của Ba, nhưng cũng không phải hẳn là một cuộc đời khốn-đốn hay đại-dột. Xét cho kỹ thì trong hai năm nay, chúng ta không đến nỗi buồn tẻ quá, à không... không đến nỗi... mất hẳn thăng-bằng. Con không nên phủ-nhận mọi sự-kiện chỉ vì Anh-Lệ quan-niệm cuộc đời có hơi khác hơn cha con mình.

Tôi thản-thật đáp :

— Vâng, không nên phủ-nhận, nhưng nên từ-bỏ.

Tội nghiệp ông bố tôi, ông gật đầu :

— Phải, con nói phải.

Rồi chúng tôi đi xuống dưới nhà.

Tôi không ngần-ngại xin lỗi Anh-Lệ. Nàng bảo xin lỗi vô-ích vì tại trời nóng bức oi-ả nên chúng ta mới cãi-lầy nhau như thế thôi, chứ không có chuyện chi. Tôi vui-vẻ không nghĩ gì nữa cả.

Tôi gặp lại Tuấn-Sinh trong rừng thông, như đã hẹn từ trước. Tôi dặn chàng những công-việc phải làm theo chương-trình âm-mưu phá-hoại của tôi. Chàng nghe tôi, vừa lo sợ, vừa cảm-phục tôi. Rồi chàng kéo tay tôi toan ôm tôi, nhưng trời đã tối quá tôi phải về nhà. Nói thế chứ tôi không hiểu sao tôi không thể rời chàng ra được. Tấm thân của tôi đã quen với thân-thể của chàng, xiết chặt vào chàng thì nó rung-động và nở - nang đầy-đủ. Tôi hôn chàng say-mê. Tôi muốn cắn cho chàng đau. Để một dấu vết cho chàng đừng quên tôi một phút nào, để ban đêm chàng mơ tưởng đến tôi luôn. Bởi vì đêm dài đằng đẵng chịu sau nỗi, nếu đêm không có chàng ôm ghì lấy tôi, nếu không có bàn tay của chàng khéo-léo, nếu không có lúc đột-nhiên chàng hăng lên,

và chàng môn-trơn lâu..., thật lâu...



Sáng hôm sau, tôi dắt Ba tôi đi dạo chơi trên đường lộ. Chúng tôi đang nói với nhau những câu chuyện không đầu, rất vui vẻ. Đến lúc trở về nhà, tôi rủ ông đi tắt vào rừng thông. Vừa mười giờ rưỡi, đúng giờ tôi đã sắp đặt. Ba tôi đi trước, tôi theo sau, vì đường chật và đầy những bụi gai. Ông vừa đi vừa dọn đường để chừa tôi khỏi bị gai quào. Khi tôi thấy ông dừng bước, tôi hiểu rằng ông đã trông thấy cặp đỏ rồi. Tôi tiến tới gần ông. Tuấn-Sinh và Yến-Hoa đang nằm nghỉ trên đám lá thông, cả hai đều giả vờ là hoàn-toàn hạnh-phúc. Chính tôi đã sắp-đặt tấn kịch ấy như thế, nhưng trông thấy họ làm đúng như tôi đã dặn - dò thì tôi lại nổi ghen lên. Đành rằng phải làm như thế là vì tình của Tuấn-Sinh yêu tôi, tình của Yến - Hoa yêu Ba tôi, nhưng chính cái cặp kia cũng tốt đôi với nhau quá và họ nằm kề sát với nhau quá... Tôi liếc Ba tôi, thấy ông tái mặt, trở mắt nhìn đôi « tình-nhân »...

Tôi nắm tay ông :

— Đi, Ba. Đề cho họ ngủ.

Ông ngó Yến-Hoa một lần chót. Yến-Hoa nằm vờn ngực lên, trẻ và đẹp, nước da hồng-hào, với nụ cười trên môi, y như một nàng Tiên đã chạy trốn trong rừng

mà bị chàng Tiên đuổi kịp, và hàng vấp té, nằm ngã vào lòng chàng...

Ba tôi quay gót và bước thật nhẹ. Ông lầm bầm :

— Con đi! Con đi!

— Tại sao Ba bảo thế? Nàng được tự-do yêu-đương cơ mà!

— Không phải Ba ghen với nó. Nhưng con thấy thằng Tuấn-Sinh ôm nó trong lòng, con thích lắm sao?

Tôi bảo :

— Con đâu có yêu Tuấn-Sinh nữa.

Ông nổi giận :

— Ba cũng thế. Ba đâu có yêu con Yến-Hoa nữa. Nhưng trông thấy thế, Ba cũng khó chịu, vì dù sao chẳng nữa Ba cũng đã... đã sống chung với nàng!... Thấy càng tức thêm.

— Nếu bà Ánh-Lệ nghe Ba nói những câu vừa rồi!..

— Hả? Nếu Ánh-Lệ nghe hả? Phải, nếu bà ấy nghe được thì bà tức lắm, là lẽ dĩ-nhiên. Nhưng còn con? Con là con gái của Ba, phải không? Mà con cũng không hiểu lòng Ba nữa sao?

— Con hiểu lắm chứ, Ba! Nhưng phải nhìn sự-vật rõ-ràng hơn: Yến-Hoa mau quên Ba, nàng thấy Tuấn-Sinh thì nàng yêu, thế là Ba mất Yến-Hoa rồi. Nhất là tại Ba đã hất-hủi nàng, hành-động của Ba, ai mà tha-thứ được!

— Nếu Ba muốn...

Ba tôi bắt đầu bị trùng kế của tôi, nhưng ông lo sợ...

Tôi càng lẩn-công quyết-liệt. sẵn cơ-hội thảo-luận với ông về việc ông muốn chiếm lại trái tim của Yến-Hoa. Tôi bảo :

— Dù Ba có muốn, Ba cũng khó thành-công được.

Nhưng ông hỏi tỉnh lại thực-tế. Ông bảo :

— Ba đâu có muốn.

Tôi nhún vai :

— Ba khỏi nói.

Tôi nhún vai, có ý ngạo Ba tôi: « Ông già ơi, ông không muốn là tại vì ông chạy đua không kịp với người ta nên ông phải rút dù. » Từ đó về nhà, ông làm thình luôn...

Về đến nhà, ông ôm Ánh-Lệ vào lòng, nhắm mắt ngồi yên một lúc. Bà mỉm cười, ngạc-nhiên nhưng không nói gì.

Hai giờ chiều, tôi nghe tiếng Tuấn-Sinh huýt gió, tôi đi xuống bãi biển. Chàng đưa tôi lên thuyền, và lái ra khơi. Trên bề không có một chiếc thuyền nào khác, trời nắng chan-chan ai mà thích đi bơi thuyền. Ra đến ngoài khơi rồi, chàng hạ buồm xuống và quay lại tôi. Từ này giờ, cả hai đứa chẳng ai nói một lời.

Chàng khởi sự :

— Sáng nay...

Tôi bảo :

— Anh đừng nói. Em xin anh, đừng nói.

Chàng đề tôi xuống ván thuyền, Cả hai đứa đều ướt nhẹp mồ-hôi. chúng tôi lúng-túng, vội-vàng

Chiếc thuyền lắc qua lắc lại dưới lưng tôi, đều-đều. Tôi ngó lên mặt trời ở ngay trên mặt tôi. Thình lình, tiếng của Tuấn-Sinh rử-rử, âu-yếm... Mặt trời rời khỏi vòm mây, nở lách-tách rơi xuống tôi... Tôi đang ở đâu đây? Ở dưới đáy biển, ở dưới đáy thời-gian, ở dưới đáy khoáng-lạc... Tôi gọi tên của Tuấn-Sinh, chàng không trả lời, chàng không cần trả lời...

Rồi thì nước mặn mát-mẻ. Chúng tôi cười với nhau, rục-rỡ, lười-biếng, ân-ái. Chúng tôi có mặt trời, có biển, có tiếng cười, có tình-yêu. Biết bao giờ chúng tôi tìm lại được các thứ đó, như mùa hè này, với ánh sáng chói lọi này, với nhiệt-độ tuyệt-vời này?...

Không những người tôi được hưởng lạc-thứ xác-thịt, thực-tế, đầy-đủ trọn vẹn của ái-tình, tôi lại còn cái lạc-thứ tinh-thần mỗi khi nghĩ đến nó...

Ngày tháng qua. Tôi đã gần quên Ánh-Lệ, và Ba tôi, và Yến-Hoa. Ái-tình đã cho tôi cuộc sống mơ-màng trên khung trắng dịu-lành, yên-tĩnh. Tuấn-Sinh hỏi tôi sợ có con không? Tôi trả lời rằng tôi tin ở sự sắp-đặt của chàng, và chàng cũng cho việc đó rất là tự-nhiên. Có lẽ vì vậy mà tôi đã hiến thân cho chàng rất là dễ-dãi: bởi lẽ chàng sẽ không để cho tôi chịu trách-

nhiệm và nếu tôi có con thì chàng sẽ tự nhận là thủ-phạm.

Và chẳng, thân-thể tôi gầy còm và khô cứng thế này thì có chữa thế nào được.

Lần đầu tiên tôi tự mừng thầm cho tôi có một cơ-thể như thế vậy.

Nhưng Yến-Hoa sốt ruột. Nàng cứ hỏi tôi hoài. Nàng cứ tìm cách gặp Ba tôi luôn. Tôi hơi ngạc-nhiên vì một cô gái chỉ ham thứ ái-tình-có-tiền, lại trở nên thích tình-yêu lãng-mạn...

Ba tôi càng ngày càng bị Yến-Hoa ám-ảnh, nhưng Ánh-Lệ không nhận thấy. Ông càng âu-yếm bà, càng niềm-nở quyến-luyến, thái-độ ấy càng khiến tôi lo ngại vì hình như ông bị lương-tâm cắn rứt. Cần nhất là đừng có chuyện gì xảy ra trong ba tuần lễ nữa là hết kỳ nghỉ hè.

Chúng tôi sẽ trở về Paris. Yến-Hoa cũng sẽ đi. Còn Ba tôi và Ánh-Lệ sẽ làm lễ kết hôn, nếu hai người còn yêu nhau. Về Paris, tôi sẽ có Tuấn-Sinh, và cũng như ở đây Ánh-Lệ không thể ngăn cấm được tôi yêu chàng, ở Paris, bà cũng không thể ngăn cấm nổi. Ở Paris, chàng có một căn phòng riêng, xa Má chàng. Chưa chi tôi đã mơ-trưởng một cửa sổ mở rộng ra nền trời xanh, nền trời hồng, nền trời kỳ thú của Paris, tiếng gù của những cặp chim bồ-câu đứng trên lan-can, và Tuấn-Sinh với tôi nằm trên chiếc giường chật hẹp,...

(Còn nữa)

VIỆT-NAM

Qua



4.000 năm

CA-DAO



BA TÈO

(Xem Phê-Thông bộ mới từ số 1)

* Bạn NGUYỄN - CẦM

28, Bạch-Đẳng HUẾ

2621.— Thiếp có chồng rồi
chẳng sợ chi chồng đánh,

Làm trai như chàng có vợ nỏ sợ
chi vợ ghen.

Sông sâu biển rộng có đò,

Đường trường có ngựa, trời
mưa có dù.

Làm trai như chàng sợ chi oán
thù,

Nhơn thần bắt thợ tử, ngồi tù
cũng ưng.

2622.— Ổi chàng ôi! đêm kiến
phụng khi mờ khi tỉnh,

Ngày màng lang khi thức khi
thao.

Hồi khi mô tay bắt mặt chào?

Đêm năm canh trần trọc đoàn
trao ân tình.

Càng khôn em đề cho mình chó
cho ai?

Trăm lạy ông Trời nhụy nở hoa
khai,

Phải con chàng thì chàng bắt, vợ
ai nấy nhìn!

2623.— Trăng lu vì bời đám
mây,

Đôi ta cách trở vì dây tơ hồng.

Nguyễn cùng nhau quân-tử dạo
đồng,

Trai nam nhơn hồ thủy, gặp
gái tan bồng hồ sơn.

Sách có câu thiên địa từng hườn,

Châu nhi phục thủy, thiếp gặp
chàng như chỉ gặp kim.
Ở làm sao ân-ái cho trọn niềm,
Đừng ham phú quý, đừng tìm
công danh.

2624.— Vịt lội ngang sông,
không ước lông xù cánh,
Ta hỏi người biển thánh, rùng
nhô...

Ổng khóa hư, chìa gãy, ai thò
mở rương?

2625.— Làm trai như chàng
khó tấn khó thối.

Làm gái như thiếp khó đòi khó
vay,

Muốn gần duyên với nợ đà gay
cho phận gần.

2626.— Giăng tay khoác bạn
phan thương,

Ta đây không phải nghĩa cang-
thường bạn đâu.

2627.— Mặt nhìn mặt là hai
cái mặt,

Tay bắt tay là bốn cái tay.

Phải chi biết chốn em rày,

Đàng cao sơn vạn thủy dai ngày
anh cũng đi.

* Cửa THANH-TÂM SAIGON

2628.— Trăng tròn mười sáu
trăng treo,

Anh đóng giường lều cưới vợ
Bàu-Sen.

2629.— Cây trắng là những
trai làng,

Cây trắng là những cô nàng xứ quê.
2630.— Ai đem chú Phụ vô
buồng,

Cho nên chú Phụ luông-tuồng thả
ghe.

2631.— Một vợ năm giường lều,
Hai vợ năm chèo queo,

Ba vợ thì ra chuồn heo mà năm.

2632.— Dang tay ngắt ngọn rau
lang,

Dạ thiếp nhớ chàng không thể
nào nguôi.

2633.— Trồng hương bẻ lá che
hương,

Nắng mưa che đầy cho hương
trở bóng.

Trở bóng rồi lại trở hoa,

Trở ba con bướm bạc xinh đà quá
xinh.

2634.— Gió bắc thổi sang, xóm
làng đều lạnh,

Em đi học « i tờ » dù lạnh cũng
cam.

2635.— Em ơi, em ngủ cho lâu,
Đề chi viết hết hai câu trong vắn.

2636.— Em ơi, cố học chữ ta,
Đề em đọc được thư xa anh gửi về,

2637.— Con chim nhỏ nhỏ,
Cái mỏ nó vàng.

Nó bay ngang trước cửa ngõ nhà
làng,

Nó kêu bớ chú biện nhỏ trong làng.

Đừng ham nhan-sắc phụ-phàng
nghĩa-nhơn.

2638. — *Hột muối mặn ba năm
còn mặn,*

*Củ gừng cay sáu tháng còn cay.
Anh thương em cha mẹ nào hay,
Lồng đèn treo giữa gió anh không
biết xoay hướng nào.*

2639. — *Đố anh con rít mấy chân,
Cầu Ô mấy nhịp chợ Dinh mấy
người.*

2640. — *Chiều chiều én liệng cò
bay,*

*Băn-khoăn nhớ bạn, bạn rày nhớ
ta?*

2641. — *Em lấy anh từ thuở
mười ba,*

*Đến năm mười tám thiếp đã năm
con.*

Ra đường thiếp hãy còn son,

*Về nhà thiếp đã năm con cùng
chàng.*

(Còn nữa)

Kính Quý Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chọn lý cao-thâm của Phật-Giáo.
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy,
Muốn biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

Hãy xem **Liên-Hoa Nguyệt-San**

Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÓN - HẬU

với sự cộng-tác của quý Tăng-sĩ du-học tại hải - ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sự, cư-sĩ thâm hiểu
Phật-Pháp ở Trung-phần.

Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn, và các
chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung.
Thư từ xin gởi về :

Tổng thư-ký : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

số 66, đường Chi-Lăng
(Hộp thư 24) — HUẾ

MA! MA! MA!

Đã có bán khắp nơi
Quyển sách thứ nhì của nhà

BẾN NGHÉ

TÂN LIÊU TRAI

45 chuyện ma xây dựng, nên
thơ như Bồ-Tùng-Linh, nhưng
khoa-học như E. Poï, của nhà
văn quá cổ

PHONG-NGẠN

ĐÒ DỌC

tiểu thuyết dài của Bình-Nguyên-Lộc,
đã bán đến nghìn thứ hai, sau 1 tháng
rưỡi phát hành.

BẾN NGHÉ phát hành vùng
Sài-gon

TRƯỜNG THI phát hành
Các nơi khác

**ĐÁP BẠN
BỐN
PHƯƠNG**



★ XIN KHỎI TRẢ LỜI BẰNG THƯ RIÊNG

Vì thư bạn đọc gửi về nhiều và chúng tôi rất ít thì giờ,
nên tất cả các thư về tòa báo, hoặc hỏi chuyện riêng bất
cứ vấn-đề gì trong phạm-vi tạp-chí, hoặc về bài vở, chúng
tôi xin trả lời trên một báo và không hồi âm bằng thư riêng.
Mong các bạn thông cảm và miễn lỗi cho.

Thư ký Tòa soạn

BẠCH-YẾN

* Bạn Ngô-văn-An — K.B.C 3047.

Nghĩa 3 tiếng S.O.S (tiếng Anh) :

S = Save (cứu)

O = our (của chúng tôi)

S = Soul (linh-hồn)

S.O.S tức là cứu linh-hồn của chúng tôi. Đó là một danh-từ quốc-
tế mà các thủy-thủ thường dùng để kêu cứu khi lâm nạn ngoài bể.
Nói rộng nghĩa ra S.O.S là lời kêu báo-động trong tất cả các
trường-hợp lâm nguy.

* Bạn Văn-Hạc — 18 Nguyễn-Du — Phước-Tuy.

Vở kịch « Ép Duyên » rất tiếc không đăng được.

* **Bạn Cao-hoàn-Nhân — Huế.**

Mục giới-thiệu « Văn-ngệ-sĩ thanh-niên hiện-đại » đã chấm dứt từ lâu. Rất tiếc không làm vừa lòng bạn được.

* **Em Hồ-công-Ăn — Đệ Ngũ Bồ-Đề — Quảng-Trị.**

1) Nếu em không có khiếu về toán học, em nên cố gắng trao dồi cho thật nhiều về môn ấy như thế mới có thể khá được.

2) Đài phát thanh Saigon, số 3 bis đường Phan-đình-Phùng Saigon.

3) Ông Nguyễn-Vỹ rất tiếc không có sẵn hình để tặng em. Thân mến.

* **Bạn Lê-văn-Anh — K.B.C. 4705**

Quyển tiểu-thuyết « Tình và Tiền » không phải của ông Nguyễn-Vỹ. Về câu chuyện đời tư của bạn, bạn nên thử viết thành chuyện gửi đến chúng tôi xem, nếu được sẽ cho đăng. Chúng tôi rất tiếc không viết được. Mong bạn thông cảm cho.

* **Bạn Đoàn-Tiên — K.B.C. 4814**

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với bạn về quan-niệm thi ca. Bài thơ « Hỡi thi sĩ » của Hữu-Duy-Ngọc chỉ là ý kiến riêng của một người chứ không phải chủ-trương chung. Chúng tôi cho đăng bài ấy chỉ đúng về tư-tưởng và nghệ-thuật bài thơ mà thôi.

* **Bạn C.PH. — Kiến-Phong.**

Hoan nghênh các bức hình vẽ của bạn. Chờ bạn cho thêm các họa-phẩm khác.

* **Một độc giả ở Huế.**

Muốn biết điều kiện để nhập học trường Quốc-Gia Âm-Nhạc bạn nên gửi thư trực tiếp lại trường ấy, 112 đường Nguyễn-Du Saigon, sẽ đầy đủ các chỉ dẫn.

* **Bạn Trần-Trạch — 16 đường số 10 — Sài-gòn.**

Đã nhận được các bài thơ của bạn. Đang xem. Xin cảm ơn.

* **Bạn Trọng-xuân-Tử — Sài-gòn.**

Cảm ơn thư bạn — Muốn có Phở-Thông từ số 1 đến số 7 xin bạn gửi đến tòa-soạn 85\$ tem.

* **Em Cái-duy-Ăn — Đệ Ngũ — Huế.**

Đã bắt được thư em, thành-thực cảm ơn. Vì công việc bề bộn nên rất tiếc không thể viết thư riêng cho em được. Thân mến.

* **Bạn Phạm-quang-Lâm K. B. C 4.613.**

Muốn dịch các tác-phẩm ngoại-quốc trước hết ông phải xin phép tác-giả.

* **Bạn Đoàn-Ngọc — Sài-gòn.**

Bạn đã cố-gắng lắm đấy. Chờ bạn cho tác-phẩm khác đặc-biệt, hấp-dẫn hơn.

* **Cô Tôn-nữ Cầm-Cầm — Sài-gòn.**

Tòa-soạn không biết địa-chỉ của tác-giả bài thơ ấy.

* **Bạn Đặng-ngọc-Bích K. B. C. 4.438.**

1) Muốn biết 6 nghệ-thuật kia, bạn hãy xem lại mục đáp bạn bốn phương trong số 6 có giảng nghĩa đầy đủ.

2) Câu « Tam thập lục kế đào vi thượng sách » là theo nhận xét cổ-diễn của người Tàu. Không có sử sách nào nói rõ 36 kế kia.

* **Bạn H. T. L. V. — Học-sinh Quốc-học — Huế.**

Nữ sĩ Văn-Đài hồi Tiền-chiến ở Hà-Nội, phố hàng Trống, hiện nay không biết ở đâu. Rất tiếc chúng tôi không có bài thơ nào của bà ấy.

* **Bạn Song-L. — Huế.**

1) Người đặt ra chữ quốc-ngữ theo mẫu tự La-Tinh là ông cố đạo người Pháp Alexandre de Rhodes, năm 1651, dưới thời chúa Trịnh.

2) Chúng tôi không được rõ địa-chỉ của những người chơi tem Quốc-tế.

* **Bạn H. đường Trần-cao-Vân — Sài-gòn**

Chuyện bạn đề nghị với chúng tôi rất tiếc không thể giúp bạn được vì vấn đề ấy ngoài phạm-vi của tạp-chí Phở-Thông.

Trùng tên :

Trong PHỞ-THÔNG số 7 có đăng bài thơ vui về toán số « Tình bằng số là đạo hàm vô nghĩa » của Hồng-Liên, sinh-viên khoa-học bán công — Huế, chứ không phải của ông Hồng-Liên ở số 66 Nguyễn Hoàng — Bến Ngự — Huế.

* **Ban Xuyên-Hòa — Huế**

Bạn đã nhận được thư của ông Thái-văn-Kiểm trả lời những câu thắc mắc của bạn ?

* **Ông Ngô-Anh-Vũ — 79 Triệu-Đà Cholon**

Xin ông vui lòng gửi vài tấm ảnh khác của Vịnh Cam-Ranh để chúng tôi chọn lại. Chúng tôi muốn có các bức ảnh linh-động hơn. Xin thành thật cảm ơn ông.

- * **Bạn Lâm-Tuyền — Trường Chu-văn-An — Sài-gòn.**
Rất tiếc chúng ta không đồng quan điểm nhận xét.
- * **Bạn Bửu-Lâm-Tần My-Châu — 89 Hoàng-Diệu — Đà-Nẵng.**
Bài thơ «Đi chơi gặp T. T. T.» chính nhan đề là :

«Thà gặp cạp chẳng thà gặp bạn»

Và theo đúng nguyên văn bản-thảo như đã đăng trong PHỒ.

THÔNG số 9. Trong hai câu kết :

«Núp nom cũng hổ, chào thêm hổ

« Hùm dữ non cao cũng chẳng thè »

Tác-giả muốn dùng hai chữ Hổ và Hùm là một cách chơi chữ nên mới có nhan đề «Thà gặp cạp. . . .»

- * **Bạn Nguyễn-Ngọc-Huy — Huế.**

Còn trẻ tuổi mà tóc lại bạc, ấy là tai máu xấu. Muốn khôi phục vẻ thâm-mỹ của mái tóc bạn nên đến các hiệu uốn tóc hồi nhuộm. Hiện nay chưa có thuốc gì để chữa bệnh ấy cả. . .

- * **Bạn Hoa-ngô-Đồng — Quảng-Nam**

« Giàu vì bạn, sang vì vợ » nghĩa là mình nên nhớ rằng mình làm giàu một phần cũng là nhờ bạn bè giúp đỡ trong công việc kinh doanh, kẻ giúp cách này, người giúp cách khác chứ không phải hoàn toàn do tự tay mình làm giàu được (có ý nói khi làm giàu đừng quên bạn bè lúc nghèo) ; sang vì vợ, nghĩa là gặp người vợ biết cư xử trong gia-đình, ngoài xã-hội, biết giữ gìn danh-dự của chồng, biết xã-giao lịch thiệp và đàng hoàng đứng-dẫn với bạn bè, ấy là chính người vợ gây uy-tín cho mình, mình được sang trọng là nhờ nơi vợ vậy (ngụ ý : mình được sang trọng với bạn bè, làng nước thì đừng quên công ơn của người vợ tốt).

- * **Bạn Thái-Hoàng-Khanh K.B.C. 4061 / A**

1) Quyền « Giấy Bì Rợ » đến đó là hết. Nhưng các bạn sẽ gặp lại các nhân vật ấy trong quyền « Bức sĩ Long » sẽ xuất-bản năm 1962.

2 Có một số đồng độc giả yêu cầu chúng tôi viết chuyện Nhi đồng để các trẻ em đọc.

- * **Bạn Lê-văn-Hoàng — Nguyễn-Huệ — Kiến-Hòa**

Ông Giáo dạy như thế cũng đúng vì « lừa khi đến » có thể hiểu cùng ý với « ngừa khi đến ». Còn trong quyền sách tôi kể ra đó lại chép là « lừa đi đến », thì dĩ nhiên là sai hẳn rồi.

- * **Ông Lê-xuyến-Sơn — Nguyễn-Thành — Huế**

Chúng tôi có phúc đáp thư ông, song rất tiếc địa chỉ của ông không được rõ ràng nên thư ấy đã bị sở Bưu-diện Huế hoàn lại tòa soạn.

- * **Bạn Hồ-Minh-Văn — Huế**

1°/ Điền tích các tên tháng dương-lịch.

JANVIER — Tháng của Thần JANUS. Theo Thần-Thoại La-Mã, Thần này cai-trị loài người được Thái-bình thanh-vượng nhất (như thời vua Nghiêu vua Thuấn đời Thượng-cổ Tàu). Hiện bên Ý, nơi phát-xuất Thần-Thoại La-Mã, còn nhiều đền thờ thần Janus, nhất là đền FORUM rất vĩ-dại mà khách du-lịch ngoại-quốc ai cũng đến chiêm-ngưỡng.

FÉVRIER — Cũng đặt theo Thần-Thoại La-Mã là tháng của Thần FEBRUUS (Thần Chết). Hồi xưa, ở La-Mã, tháng Février là tháng cuối năm, để riêng cúng Thần Februus và làm lễ cho người chết. Thần này tức là Thần PLUTON của Thần-Thoại Hy-Lạp. Theo xưa, tháng này xui-xẻo, nên không ai cười hỏi, ăn chơi, không dùng âm-nhạc vui. Các đền Thờ đều đóng cửa, trừ đền thờ Thần Chết.

MARS — Tháng dành cho Thần Chiến-tranh (MARS), theo Thần-Thoại La-Mã, tức là Thần ARÈS của Hy-Lạp). Thần này có yêu lên con gái vua Numutor, là nàng RHEA SILVIA. Nàng chữa hoang, để sinh-đôi 2 đứa con trai Romulus và em bị vua cha không nhìn nhận, nên bỏ trên bờ sông Tibre. Có con chó sói cái nuôi, cho bú. Lớn lên, Romulus được làm vua La-Mã.

AVRIL — Không có điền-tích, đặt theo tiếng La-Mã aprilis,

MAI — Không có điền-tích. JUIN : (tiếng Anh : JUNE) do Thần JUNIUS, một vị Thần của La-Mã.

JUILLET — (Tiếng Anh JULY) do Julius Caesar, Hoàng-đế Jules César của La-Mã, sinh trong tháng này, nên lấy tên ông đặt cho tên tháng.

AOÛT — (tiếng Anh : AUGUST), tháng này tặng Hoàng - đế AUGUSTE của La-Mã.

SEPTEMBRE — Không có điền-tích. Bấy giờ nó là tháng chín, nhưng hồi xưa nó là tháng Bảy (Sept) vì năm hồi xưa bắt đầu từ tháng Mars (xem lại điền-tích tháng FÉVRIER).

OCTOBRE — OCTOBER. Tháng này là tháng thứ 8 (La-Mã — Octavus thứ 8) của năm La-Mã xưa. Bấy giờ là tháng thứ 10, nhưng vẫn giữ điền-tích cũ.

NOVEMBRE — NOVEMBER (La-Mã : November), tháng thứ 9 của Niên-lịch La-Mã xưa.

DÉCEMBRE — DECEMBER (La-mã December tháng thứ 10 của niên-lịch La-Mã xưa.

Xin nói thêm : Mãi từ xưa cho đến năm 1564, tất cả các nước Âu-Châu đều dùng theo Lịch xưa của La-Mã, nghĩa là bắt đầu từ tháng MARS là tháng đầu, rồi đến Avril tháng thứ hai, đến tháng Septembre (thứ 7) Octobre (thứ 8) . . . Décembre (thứ 10) rồi đến Janvier (thứ 11) Février (tháng 12 là tháng cuối năm).

Đến năm 1564, vua nước Pháp là CHARLES IX ký sắc-lệnh đổi lại tháng JANVIER là làm tháng đầu năm. Février tháng 2., Décembre tháng 12. Các nước Âu-Châu đều theo sắc-lệnh ấy cho đến nay.

2°/ LUNDI : Ngày của mặt Trăng (Lune),
(tiếng Anh : Monday — do chữ Moon, mặt Trăng).

MARDI : Ngày của sao Hỏa-Tinh (Mars).

MERCREDI : Ngày của Thủy-Tinh (Mercure).

JÉUDI : Ngày của Mộc-Tinh (Jupiter).

VENDREDI : Ngày của Kim-Tinh (Venus),

SAMEDI : Ngày của Thổ-Tinh (Saturne).

DIMANCHE : Ngày của Chúa (Dies Dominica).

3°/ Về BÁT-QUÁI, theo các sử Tàu, chép có từ đời vua Phục-Hy (4480 — 4365 trước lịch Công-giáo), để chỉ cái lễ ÂM-DƯƠNG — , — — , sinh-hóa của muôn loài.

TRẢ LỜI CÁC BẠN HỎI VỀ NGÀY THÁNG ÂM, DƯƠNG-LỊCH

* Ông Phạm-xuân-Giu — Công-Dân-Vụ — Mộc-Hóa

Ngày 25 tháng 5 năm 1933 tức năm Quý-Dậu, mồng 2 tháng 5 năm Quý-Dậu, hay ngày Tân-Mão tháng Mậu-Ngọ năm ấy.

* Ông Lê-Hoàng, 32/979 A Phan-thanh-Giản Sài-gòn

Ngày 22 tháng 2 Quý-Sửu tức 3 Avril 1937, 22 là ngày Canh-Thân. Tháng 2 là tháng Quý-Mão năm Sửu.

* Ông Nguyễn-Tế, 41 Đào-duy-Từ — Huế.

Ngày 30 tháng 10 D.L. 1941 là ngày Tân-Hợi, tháng Mậu-Tuất, năm Tân-Tị, tức 11 tháng 9 năm Tị.

2) Ngày 3 tháng 10 D. L. 1935 tức là ngày Nhâm-Tý, tháng Bính-Tuất năm Ất-Hợi, mùng 6 tháng 9 năm Hợi.

* Ông Nguyễn-văn-Trị — Bình-Dương.

Ngày 22 Février D.L. 1941 là ngày Tân-Sửu, tháng Canh-Dần, năm Tân-Tị, tức ngày 27 tháng Giêng năm Tị.

Ngày 3 tháng 10 D.L. 1935 là ngày Nhâm-Tý, tháng Bính-Tuất, năm Ất-Hợi, tức 6 tháng 9 năm Hợi.

* Ông Lê-Đình-Tòng — K. B. C. 4.354.

24 Mai D.L. 1928, là ngày Giáp-Tý, tháng Đinh-Tị, năm Mậu-Thìn — tức ngày mùng 6 tháng 4 năm Thìn.

14 Octobre D.L. 1935, là ngày Quý-Hợi, tháng Bính-Tuất, năm Ất-Hợi, tức ngày 17 tháng 9 năm Hợi.

18 Novembre D.L. 1938, là ngày Giáp-Dần, tháng Nhâm-Tuất, năm Mậu-Dần, tức ngày 27 tháng 9 năm Dần.

28 Octobre D.L. 1950, là ngày Bính-Thân, tháng Bính-Tuất, năm Canh-Dần, tức ngày 18 tháng 9 năm Dần.

* Ông Nguyễn-Đặng-Đầu, Bảo-Lộc, Lâm-Đồng (Plao)

Ngày 20 tháng 10 D.L. 1902 là ngày Bính-Tý, tháng Canh-Tuất năm Nhâm-Dần, tức 19 tháng 9 năm Dần.

* Ông Huỳnh-Xuân-Nhựt, Nha Tiều-học — Sài-gòn.

Ngày 17-12-1920 D.L. là ngày Kỷ-Dậu, tháng Mậu-Tý, năm Canh-Thân, tức mùng 8 tháng 11 năm Thân.

Ngày 25-12-1941 D.L. là ngày Đinh-Mùi, tháng Canh-Tý năm Tân-Tị, tức mùng 8 tháng 11 năm Tị.

Ngày 9-6-1944 D.L. là ngày Giáp-Thìn, tháng Kỷ-Tị, năm Giáp-Thân, tức 19 tháng 4 nhuận năm Thân.

Ngày 24-3-1949 D.L. là ngày Quý-Sửu, tháng Đinh-Mão, năm Kỷ-Sửu, tức 25 tháng 2 năm Sửu.

Ngày 2-4-1951 D. L. là ngày Nhâm-Thân, tháng Tân-Mão, năm Tân-Mão tức 26 tháng 2 năm Mão.

Ngày 29-3-1952 D. L. là ngày Giáp-Tuất, tháng Giáp-Thìn, năm Nhâm-Thìn, tức mùng 4 tháng 3 năm Thìn.

Ngày 14-5-1957 D. L. là ngày Bính-Tuất, tháng Ất-Tị, năm Đinh-Dậu, tức 15 tháng 4 năm Dậu.

* Ô Lê-văn-Bi — H. Q. 356 K. B. C 3317.

Ngày 15 tháng 2 âm-lịch năm Ất-Hợi là ngày Giáp-Ngọ, tháng Kỷ-Mão, năm Hợi, tức 19 tháng 3 D. L. 1935.

NGUYỄN-TRIỆU

Nơi đáng tin cậy của các bạn yêu
nghệ-thuật nhiếp-ảnh :

Quán ĐÔ-THÀNH

Quán 23, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Sài-gòn

— Nhận rửa, in, rọi các cỡ hình ảnh đen trắng và màu
EKTACHROME.

— Nhận đi chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc, ảnh
quảng-cáo, ảnh phóng-sự v.v...

— Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.

— Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh, máy quay
phim, chiếu.

— Bán phim, thuốc, giấy (có bán lẻ cho người muốn
rửa hình lấy).

— Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.

— Sản-xuất các loại ảnh danh-lam thắng-cảnh Việt-Nam.

Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng để chỉ-dẫn các bạn
mời chơi ảnh.

Đề đôn đốc kiểm soát sự học của con em.

Đề ôn lại và áp dụng những bài đã
học ở nhà trường.

Đề làm tài liệu riêng, đề dạy học, đề tự học.

Các bạn công tư chức, quân nhân, các bạn ở
hoàn cảnh riêng không thể đến nhà trường đều
đều được mà muốn tự học, tự luyện thi.

Mỗi bạn, mỗi gia đình nên có đủ :

Chăm Học

TỰ LUYỆN THI

* TIÊU HỌC VÀ LỤC CÁ NGUYỆT

Lớp Nhì, Nhất — Mỗi tập 3 đ.

TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP

Đệ Ngũ, Tứ — Mỗi tập 6 đ.

* TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP

Đệ Tam, Nhì, Tá tài I — 7 đ.

NHÀ XUẤT-BẢN THẾ-GIỚI SAIGON

225, Phạm-Ngũ-Lão, 225

In tại Nhà In Việt-Hương 34, Lê-Lợi — SAIGON Đ. T. Số 21.039

Quản-lý: Nguyễn-Vỹ

Kiểm-duyet số 104/HĐKD ngày 19-5-59

Các bạn : Học-sinh, Quân nhân, Công,
Tư chức hãy đón mua một tài-liệu
học tập cần - thiết :

HIỆU HỌC

TỰ LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP

XUẤT BẢN HÀNG TUẦN, GIÁ 6.000

Gồm có các bài sau đây :

— Hướng dẫn Học-sinh về sáu môn căn
bản : VIỆT-NAM PHÁP-TOÁN LÝ-HÓA chuẩn
bị kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp đến (28.5.59)
theo đúng chương trình của Bộ Quốc Gia
Giáo Dục.

— Hướng dẫn quý bạn Công, Tư chức,
Quân nhân, những bạn vì sinh kế, vì nghề
nghiệp bắt buộc không thể đến nhà trường
được, dùng tập sách HIỆU HỌC này để tự
học và tự luyện thi.

— Sách do MỘT NHÓM GIÁO-SƯ biên
soạn và do NHÀ XUẤT BẢN SỐNG MỚI
30, đường Phạm-ngũ-Lão ấn-hành.